

ở các Nhà xuất bản khác trên cả nước. Lần này, Nhà xuất bản Văn học xuất bản Bộ sách Tác phẩm văn học được giải thưởng Hồ Chí Minh với tinh thần cố gắng tuyển chọn dùng các bản đúng với những bản in lần đầu và tham khảo các lần sau do chính tác giả sửa chữa. Dự tính trong ba năm 2005, 2006 và 2007, chúng tôi sẽ giới thiệu trọn bộ hai tám cụm tác phẩm của hai tám tác giả. Theo thời gian, cụm tác phẩm nào ở đợt I sẽ được xuất bản trước, tiếp theo là đợt II. Tác giả nào đủ số trang một quyển để một quyển, nhiều hơn tối đa cũng chỉ là hai quyển, còn những tác giả chưa đủ trang thì dồn chung vào một quyển. Tất nhiên, các cụm tác phẩm văn học được Giải thưởng Hồ Chí Minh đã được xuất bản giới thiệu nhiều lần ở dạng tác phẩm đơn lẻ. Đặt chung các tác phẩm đơn lẻ ấy vào một bộ sách lớn, có hệ thống, giúp các bạn dễ nắm bắt, tìm hiểu, thiết tưởng cũng là một việc làm có ích, cần thiết.

Bộ sách các Tác phẩm văn học được Giải thưởng Hồ Chí Minh là bộ sách tập hợp đầy đủ nhất các tác phẩm văn học đã được giải thưởng. Hy vọng thông qua bộ sách này, bạn đọc sẽ thấy vai trò và đóng góp to lớn của nền văn học đương đại sau 1945 vào sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như xây dựng đất nước - Nền văn học được sản sinh ra và phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Nền văn học ấy xứng đáng là một mốc son sáng chói đặt chung trong suốt mười thế kỷ văn học có chữ viết của dân tộc Việt Nam.

Bộ sách chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót trong quá trình tuyển soạn và theo dõi bản in. Rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn đọc.

NHÓM TUYỂN SOẠN

NÔNG DÂN VỚI ĐỊA CHỦ^(*)
Tập truyện ngắn

(*) Theo bản in năm 1955 của Nhà xuất bản Văn nghệ.

ĐỊA CHỦ

Căn cứ vào những lời tố khổ của anh chị em nông dân xã Quang Trung để khớp những tài liệu ấy cho thành hệ thống, thì ta thấy lịch sử làm giàu của thằng địa chủ Trùng là một lịch sử hết sức nhơ bẩn, lịch sử ấy bôi toét bằng mồ hôi, nước mắt và xương máu của không biết bao nhiêu trung bần cố nông trong mười hai huyện ở Thái Bình.

Bố thằng Trùng xưa kia làm lý trưởng, thuộc vào loại cường hào gian ác. Bố nó đương làm giàu ùng ùng, thì xảy một năm vùng nó có bệnh dịch tả. Một ông đồ ở làng chết. Bố nó bắt tang gia phải mổ lợn để cúng tế và mời làng, thì mới được đưa bằng đòn. Nếu không thì phải làm ma chui. Nghĩa là vợ con khênh lầy, đốt đuốc mà đưa đi ban đêm, không được khóc lóc. Bà đồ phải cầm ruộng để theo đuổi tục lệ. Bố nó được mời ăn và được biếu cái thủ lợn. Ăn xong, bố nó thượng thổ hạ tả, rồi chết quay lơ ra.

Đáng lẽ bố nó chết, thì hết uy thế chính trị. Nhưng mẹ nó vận động ngay cho nó kế tục được sự nghiệp bóc lột của bố nó. Nó mới có mười bảy tuổi, nhưng khai sinh thặng lên một tuổi, là mười tám, để ứng cử lý trưởng thay bố. Rồi dần dần, nó làm chánh tổng, ăn tiên chỉ.

Thế là hai bố con nó hống hách một vùng trong vòng hai mươi bảy năm, thét ra lửa.

Nhưng từ năm bốn mươi ba tuổi trở đi, nó không làm cái nghề đầu chày đít thót nữa. Nó mua hàn lâm, chạy làm

ngiht viên, lo hàm Quang Lộc, và được thưởng bốn cái mề đay, đeo choáng cả ngực. Và đến năm 1942, thì nó hoàn thành việc xây dựng cho con nó trên đường công danh. Con út nó đỗ tri huyện. Nó được làm cụ cố.

Trước khi bố nó chết, thì cả cơ nghiệp mới có độ mười mẫu ruộng, toàn thuê người làm. Mẹ nó vốn bị bán thân bất toại, không đi lại được, chỉ nằm dí một chiều. Giá như người khác thì thế là đời bỏ đi rồi đấy. Nhưng con mẹ này thì nằm một chỗ thật, nhưng nội kẻ ăn người làm, đố ai nghĩ ngơi được với nó một phút, và ăn bớt được của nó một trính.

Nhà nó có đồng hồ báo thức, nên người ăn người ở làm lung theo giờ giấc hẳn hoi. Đêm trước, nó giao công việc hôm sau cho người làm. Nhưng nó vặn đồng hồ nhanh lên nửa giờ, để mọi người phải đến sớm. Khi gần hết buổi, thì nó vặn chậm lại nửa giờ. Cho nên, ngày nào cũng vậy, từ mười hai giờ trở đi, người làm mới lục tục về đến nhà. Không những nó bóc lột mỗi người mỗi ngày một giờ như thế, mà còn bóc lột người tà bằng cách nói bớt diện tích ruộng nữa. Ví dụ, giao cho ai cấy một mảnh năm sào, thì nó bảo là ba, hẹn buổi sáng phải xong. Bởi thế, người nào cũng phải cố mưa mặt. Không xong, nó chửi là lười rồi trừ công.

Khi ở đồng về, anh em đói mèm, mệt lử. Nhưng con mẹ muốn đỡ tốn gạo, thì nó luộc sẵn một nồi đầy sắn, và thổi cơm muộn. Nó nói ngọt với anh em là xuống bếp giúp một tay cho chóng chín cơm. Trong khi chờ đợi, nó bảo anh em hãy ăn tạm sắn để điểm tâm. Vì bụng ai cũng lép kẹp, nên không ai còn nói chuyện ăn tạm nữa. Anh nào cũng đánh no phích. Đến lúc cơm dọn ra, thì ai cũng bú cổ lên mất rồi.

Tuy vậy, mà mẹ con cũng không rời mắt xem xét từng người ăn khoẻ, yếu thế nào. Nó bảo người đỡ nó nằm lại, để

quay mặt ra phía người làm ăn cơm. Nó đếm ngằm từng bát. Anh nào ăn nhiều, ăn mặn, thì nó tìm cớ, đổ cho là ăn cấp, là lười biếng, để không mượn nữa. Một đặc tính của nó là thà chịu nghe người ta chửi là quịt công, còn hơn là phải trả công.

Thằng Trùng làm lý trưởng, cũng gian ác như những cường hào khác. Nhưng có điều là nó biết cách cư xử với tùy từng người. Nên nó chóng giàu to. Đối với những thằng người mũi hơi lõ, tóc hơi quăn là một, và những thằng người ở ngực có lũng lảng cái thẻ bài ngà là hai, thì nó cong gập lưng làm đôi để vái và biếu tiền. Còn đối với những hạng lưng đen khố cao, cả ngày lăm lì đi sau con trâu ở ngoài ruộng, thì nó ưỡn ngực lên để chửi và đánh, cùng bóc lột công sức và tiền bạc.

Ông Phiên, cũng như hàng trăm nông dân khác, làm tá điền cho nó, cấy của nó ba mẫu. Một mẫu thu hoạch năm tạ, một mẫu tám tạ, và một mẫu mười tạ. Thế mà ông phải nộp tô đồng loạt cho nó tất cả mười lăm tạ. Vì ông không có trâu, không có thóc giống, nên phải thuê trâu của nó, một năm phải trả ba tạ và vay thóc giống của nó, hai mùa là một trăm hai mươi cân.

Vậy thì, thu hoạch có hai mươi ba tạ, ông phải trả cho địa chủ mười chín tạ hai mươi cân, còn có ba tạ tám mươi cân để gia đình năm người, cả lớn lẫn bé, sống trong mười hai tháng. Nghĩa là ăn, mặc, tiêu, nộp thuế, vân vân, lúc khoẻ mạnh.

Nhưng nói ba tạ tám mươi cân là nói trên lý luận thôi. Thực tế, trả nợ xong, thì không còn được đến ba tạ. Vì địa chủ thu tô và lấy nợ bằng thứ thùng riêng, to hơn thùng thường. Đáng lẽ nhà ông Phiên, ăn độn quanh năm, thì phải mười tạ mới tạm đủ. Như thế này là thiếu đứt mất chín tháng. Ấy là mới nói đến khoản ăn vào mồm.

Vì thế, vợ chồng con cái ông Phiên phải làm nghề phụ để kiếm thêm, như làm hàng xay hàng xáo, hoặc đan lát, trồng mầu, mò cua bắt ốc. Có vay của thằng Trùng cũng chỉ dám vay độ ba tạ. Mà nó cũng chỉ cho vay rỏ giọt đến ba tạ là cùng.

Cho vay thì nó gạt bằng thùng nhỏ hơn thùng thường, lãi thành bốn tạ rưỡi một vụ. Nhưng đến tháng ba, nó mới đòi, và đòi một phần bằng thóc, một phần bằng tiền. Ngày mùa, tính theo giá năm 1953, thì một tạ là hai vạn ngân hàng, nhưng đến tháng ba thì ba vạn. Nếu có thóc và được trả - hãy nói ví dụ rất vô lý là có thóc - thì nó chỉ lấy cho hai tạ. Còn một tạ gốc và một tạ rưỡi lãi, nó bắt bằng tiền, tức là bảy vạn rưỡi. Thế là nó quốt tươi hai mẫu ruộng. Nếu không có ruộng thì viết văn tự, để đời cha sang đời con, kéo cày mà lo trả cái nợ công khi.

Ấy là mới nói đến tô chính. Còn như nhà nó có giỗ chạp, ma chay, cưới xin, v.v., cùng tết tháng năm, tháng mười và tết nguyên đán, thì ông Phiên đều phải nộp đồ lễ bắt buộc, theo lệ nó định sẵn, như đường, mít, cau, rượu, chim ngói, gà thiến. Mỗi năm khoản tô phụ tốn ít ra là năm mươi cân. Không nộp thì bị nó ghi vào sổ nợ, hoặc dọa lấy lại ruộng.

Ngoài việc dùng ruộng đất để chiếm thêm ruộng đất, thằng Trùng lại còn phát tài bằng những khoản mà nó gọi là lật vạt. Nó mở sòng cờ bạc, cho vay nặng lãi, quẹt công người ở, bóc lột nhân công người ở, vợ lẽ, con nuôi, con, cháu rẻ. Nó lại ăn của đút, ăn cắp công quỹ, chiếm ruộng tư một cách trắng trợn, hoặc bằng cách mua rẻ bán đắt, đi lừa, và ăn cắp vạt.

Những khoản hiện nay có thể tính được trong thời gian hai mươi bảy năm bố con nó ôm chân đế quốc lấy thân thế để ức hiếp dân làng, thì như sau này:

Thuế đình, mỗi suất nó thu hà lạm 0đ50. Thu của 682 suất, được 9.207đ. Tính ra thóc thời bấy giờ là 9.207 tạ.

Thuế điền, mỗi mẫu lạm 0đ50. Thu của 110 mẫu được 1.485 tạ.

Trong hai mươi chín năm, nhà nó có hai người nai lưng ra làm như con vật, và chịu đánh chửi như kẻ thù. Một người là đàn ông, gọi là con nuôi. Một người là đàn bà, để bị đầy đoạ thêm về nhục dục, gọi là vợ lẽ. Hai người này, khi ra khỏi nhà nó đều trắng tay. Mỗi người làm trung bình mỗi năm hai mẫu, sản lượng mỗi mẫu 11 tạ. Vậy là 1.276 tạ. Họ là cố nông, chỉ nguyên có hai cánh tay lao động, nên thằng Trùng phải cho ăn, cho mặc, cho dụng cụ. Ăn thì họ ăn độn, với muối vừng, dưa khú tính mỗi ngày một cân thóc. Một năm 720 cân. Hai mươi chín năm, 211 tạ 70 cân. Mặc thì toàn đồ thừa, mỗi năm chỉ được hoặc một áo, hoặc một quần mới may bằng thứ vải mỏng. Tính ra tất cả là 8 tạ 12 cân. Trong hai mươi chín năm, hao mòn dụng cụ 5 tạ 80 cân. Thóc giống, công trâu và phân gio, chính tay họ làm ra và nuôi, nên không thể kể là của thằng Trùng. Vậy thì trong hai mươi chín năm, họ mới lấy ra được có 225 tạ 62 cân. Còn vào túi thằng Trùng 1.050 tạ 38 cân. Ấy là chưa kể những lợi trồng mầu, nuôi lợn, và những lợi linh tinh khác.

Nó quít công của mười sáu người, 87 tạ. Nó lấy hồ và bắt cò bạc, trai gái, rượu lậu, được lẽ 100 tạ 10 cân. Nó ăn những việc sang điền, nộp cheo, xui nguyên giục bị đi kiện cáo, vợ chồng bỏ nhau để xử hoà, nhận thực trâu bò gian, v.v., 45 tạ 30 cân. Nó chiếm ruộng công giá trị 9 tạ.

Không làm lý trưởng nữa, nhưng vẫn nhúng tay vào việc công, nó thu thóc cho Nhật một năm, ăn bớt 10 tạ. Được phát muối bốn chuyến, nó chỉ bán cho làng hai chuyến, gạt bằng que cong, đong bằng bát nhỏ, và tăng

mỗi cân ba xu, được 68 tạ. Bán một chuyến diêm, ăn lãi 1 tạ 50 cân.

Thế là chưa kể cái lợi to nhất của nó là thu tô chính, trung bình của 1.200 mẫu, trong mười chín năm, là 228.000 tạ. Và tô phụ của 63 tá điền là 239 tạ.

Tổng cộng trong hai mươi chín năm, nó cướp không của nông dân mất 230.302 tạ 28 cân thóc.

*

* *

Có tiền, nó làm gì chẳng được. Nó quen và chiêu chuộng từ thằng Thống sứ trở xuống cho đến anh lính lệ. Nó bắt dân làng đắp rộng con đường từ đường cái đá hàng tỉnh vào làng. Để ô tô các quan đi vừa. Hai bên, trồng phi lao cao vút. Gần cổng làng, trên khoảng một mẫu, nó dựng sinh phần, để sau này chôn nó. Nhưng may cho nó, là tường mới xây xong, thì Tổng khởi nghĩa. Cho nên nó bỏ dở cái việc lộ bịch ấy. Bộ tượng tứ dân, đắp bằng xi măng, to tướng, giả đồng đen, rập đúng kiểu tượng sĩ nông công thương ở vườn hoa Canh nông Hà Nội, còn nằm chỏng gọng ở ruộng, chứ chưa lên bệ. Người qua đường, không biết dùng danh từ sinh phần, nên gọi chỗ ấy là nghĩa địa. Họ rủa: "Nghĩa địa nhà nó rộng thế này, thì chôn bao giờ cho hết người!"

Dinh cơ nó ở còn rộng gấp năm sinh phần của nó. Khu vực vuông vắn ấy, có tường xây xung quanh bằng đá ong, cao bốn thước. Mặt tường trồng xương rồng. Chỗ nào không có xương rồng, thì cắm mảnh chai mảnh sành. Hoặc cho tầm xuân leo kín. Bốn góc có bốn chòi canh nhô cao lên.

Anh muốn vào nhà nó? Thì trước hết anh phải chuẩn bị tư tưởng, là đừng sốt ruột, vì phải chờ. Giật chuông xong,

anh hãy đợi ít ra là năm phút. Khi nghe tiếng gót chân người ở trong chạy ra, anh chớ vội mừng là công sẽ mở cho anh vào. Không! Anh người nhà ra đó, mới nhắc cái cửa ở lỗ cón con phía trên lên, ngắm anh, rồi hỏi tên anh là gì, hỏi ai, có việc gì. Khi anh trả lời xong ba câu đó, thì lỗ nhỏ lại đóng kín lại, và đề nghị anh hãy đợi một lát nữa. Độ mười phút sau, khi có lệnh, anh mới được vào.

Lúc ấy, thì một cánh cổng hé mở ra, rít trên bánh xe. Anh chịu khó mà lách vào. Cửa ấy chỉ mở cho vừa một người đi, không phải không có duyên cớ. Một là nó nặng quá, đè chịt lên cái bánh xe, không cửa nổi trên mặt đất gồ ghề. Hai là nó chỉ cốt cho từng người vào một để lỗ có nhiều kẻ gian, thì không thể một lúc cùng ùa vào, nguy hiểm cho người mở cổng.

Anh theo con đường thẳng, dài, giữa hai cái ao rộng, nước đục ngầu. Rồi qua cái cổng thứ hai, nhỏ hơn, nếu anh yếu bóng vía, thì anh sẽ giật nảy mình, vì có đến chục con chó to lớn, cứ nhe răng; nhẩy lên anh chồm chồm mà cắn.

Khi đàn chó được người mắng, mỗi con đi một ngã, anh đỡ trống ngực và đỡ hoa mắt. Thì anh được bình tĩnh mà nhận xét. Anh thấy lối nhỏ một lũ nhà gạch nhỏ, cái nào kiểu cũng ngô nghê, nhưng rất kiên cố. Những nhà ấy làm ở giữa những vườn cây ăn quả, trông rất vô tổ chức. Đó là nhà thờ, nhà cụ, nhà ông, nhà bà cả, nhà bà hai, nhà bà ba, nhà kho, nhà bếp, nhà xí, v. v., và đến ba bốn cái nhà khách. Tùy hạng, khách được tiếp trong tùy từng nhà.

Có lẽ anh ngạc nhiên và muốn tìm xem thẳng Trùng chứa thóc ở nhà nào. Phải là một cái nhà to lớn lắm mới đựng đủ thóc của nó.

Thì đây, những nhà lắt nhắt vừa kể trên kia, cái nọ xây cách xa cái kia, không phải là vô tình và vô ý. Đây là

những tên lính đứng quanh một khu ở giữa, để canh. Khu vực ấy cũng có tường cao bốn thước quây kín. Đứng ở ngoài mà nhìn, ta chỉ thấy có tường, và phía trong, hiện lên những cái mái tròn chúp nhọn như hình cái nón, lợp bằng lá gồi. Nhưng nếu anh lách mắt qua cái kẽ ở khe ván của cái cửa độc nhất, hẹp độ tám mươi phân, thì anh mới rõ nghĩa đen của danh từ *cây thóc*. Nó là một cái bệ bằng xi măng, xây cao hơn mặt đất, tròn, đường kính độ mười thước. Thóc quây trên bệ, bó bằng liếp, trét bằng từng cây tre lớn. Thóc nhiều, thì ken liếp cho cao dần, một lần, hai lần, ba bốn lần. Và khi nó cao trên mười lăm thước, thì lợp mái lá, hình cái nón, lên trên. Tóm lại, cây thóc là cái cốt thóc, nhưng không lồ và kiên cố. Trong khu vực ấy, có tất cả chín cây thóc cao lồng lộng như thế.

Thóc chứa trong chín cây ấy là thóc của một nghìn hai trăm mẫu ruộng, do bàn tay lao động của nông dân làm ra. Ruộng làng, ruộng làng lân cận, ruộng làng xa, và cả ruộng trong mười hai huyện ở Thái Bình. Đến bây giờ, bốn bố con nó chiếm ước năm nghìn mẫu, và chúng nó ở riêng một khu vực giữa làng, nhà gạch san sát, trông xa như một thành phố nhỏ.

Ở các xã có ruộng, nó đều có anh em, cháu họ, cháu rể, hoặc những người hàm ơn với nó và cứ nhận nó là bố nuôi. Nó chạy cho những tay sai ấy làm lý phó trưởng, chánh phó hội, chánh phó tổng. Có đứa cũng được làm đến nghị viện. Cho nên nó không đánh rơi vãi một hạt thóc và cũng không bị quẹt một xu nợ nào.

Con nó đứa nào học cũng dốt như mèo. Nhưng khi chúng nó rời ghế nhà trường về, để theo đuổi nghề bóc lột và ăn cắp, là cái nghề gia truyền thì học một biết mười, đứa nào cũng giàu ùn ùn. Chả thế mà thằng Trùng, nhiều

lần, đã phải than thở bằng một câu, lẫn lộn cả ý nghĩa như nhận với kiêu ngạo:

- Ở nhà tôi, chữ thì lòi nó vào, mà nó cứ ra, nhưng tiền thì đẩy nó ra mà nó cứ vào.

Nó cũng thấy cái danh giá hường mua và nghị gặt của nó là danh giá hão. Người ta chỉ trọng trước mặt, và sau lưng thì chửi thăm. Cho nên, nó vẫn cầm với chữ. Vì vậy tốn kém mấy, thì nó cũng quyết tâm đến kỳ được cho thằng con út theo học đến tri huyện. Vì thằng này có khiếu hơn cả những thằng anh.

Thằng Trùng đã đạt được nguyện vọng bằng tiền. Như thế này

Nó biểu tên đốc học trường tỉnh một cái lọ đồng đen, để xin cho con nó vào lớp đồng ấu, tức là lớp bét. Từ lớp đồng ấu đến lớp sơ đẳng, nó đi lại, tết nhất, các ông giáo rất hậu. Để cho con nó được lên lớp đều đều. Con nó thi Sơ học yếu lược. Nó thết tiệc cả hội đồng chấm thi. Rồi nó đút tiền cho con nó trúng tuyển vào lớp trung đẳng năm thứ nhất. Thằng bé đỗ bằng Tiểu học tốt nghiệp và thi vào cao đẳng tiểu học cũng bằng tiền. Học đến năm thứ hai, nó thấy rằng con nó nên học trường Tây thì mới quen được nhiều Tây con, sau này có thể là những quan thầy. Muốn cho con nó được học trường ấy, nó làm quen và biểu xén tên đốc học, và các giáo viên ở lớp mà con nó sẽ thi vào. Nó xin cho con nó học từ giáo viên văn học và ở trọ nhà giáo viên toán học, trả tiền rất đắt. Mấy kỳ thi tú tài, con nó cũng đỗ bằng tiền. Nó lại rắc tiền đến trường luật. Rồi mấy kỳ thi Luật khoa cử nhân, là mấy lần nó tốn kém. Năm con nó thi tri huyện, thì nó làm cái nước rút. Nó khẩn vạ ba bạc cho thằng Phạm Quỳnh, Thượng thư bộ Lại trong triều đình bù nhìn của thằng Bảo Đại.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

VV - M2 / 21935

Thế là con nó được đổ bét.

Trời ơi là mừng!

Pháo nổ. Chim, gà, vịt, lợn, bò, trâu, chết như rạ!

Để khao cậu huyện nhà nó, nó mắc điện về tận làng, tối thấp sáng trưng. Nó cấm người làng, một tháng, không được bếp nhà nào có khói. Nghĩa là già, trẻ, lớn, bé, cứ đến nhà nó, tha hồ ăn. Nhưng cũng có nghĩa là đến mà hầu hạ khách khứa và bỏ sản xuất. Và lại cũng có nghĩa là nó mở hàng thịt bán cho cả làng. Vì ai đến ăn mà dám vác mồm không, không đem đồ mừng. Nhưng tất cả đều không có nghĩa nữa, nếu ta thấy rõ cơm, rượu, thịt, mà nó cho người ta ăn, chính là của người ta lao động làm ra, mà nó đã cướp đi từ trước.

Tất cả người thân thích, quen thuộc, tá điền, và những người mắc ơn huệ với nó trong tỉnh, đều có mặt ở đám khao. Nó còn mời khách sang trọng ở các tỉnh, tức là quan thầy, bạn bè của nó, và của con nó. Anh ở Phú Thọ chẳng hạn, nếu anh đã nhận lời mời, thì anh muốn đến vào ngày nào, tùy ý. Không có ô tô của nó tới tận nơi đón, thì anh có thể thuê xe riêng về nhà nó. Nó trả tiền. Anh ở nhà nó ăn, hút, hát, chơi bời, cho thoả thuê, phè phỡn, chừng nào anh thấy chán ngấy, nặng nề đòi về, thì nó tiễn ô tô anh đến tận nhà.

Ngoài những bữa tiệc hàng ngày đã là xa phí, người ta còn phải lắc đầu lè lưỡi về bữa tiệc nó thết con vợ thằng Thống sứ.

Thằng Trùng vận động để con mụ này nhận lời. Con mụ này có quyền mời bạn hữu của mình, gồm bốn mươi đứa, toàn Tây đầm đến dự tiệc, ở nhà thằng Trùng. Ăn xong, nhẩy đầm suốt đến sáng. Từ đường cái vào, trải toàn chiếu cạp điều mới, cho ô tô vào làng. Cờ quạt, hương án, long

đình, bày ra để bái vọng. Phường kèn của thằng Hoàng Trọng Phu thổi chào.

Trong nhà trang hoàng toàn bằng màu lụa và hoa tươi mua tận ở Đà Lạt. Cơm thì đặt ở khách sạn Mê-tô-pôn Hà Nội, bồi về tận nơi để phục dịch. Rượu phải gửi ở Sài Gòn ra. Rửa tay toàn bằng nước hoa.

Mỗi khẩu phần ăn một giờ đồng hồ như vậy tốn 135đ. Tất cả là 5400đ. Các thứ trang trí và nước hoa, tốn 7000đ. Tổng cộng là 12.400đ.

Năm ấy là năm 1942. Năm ấy giặc Pháp bắt đầu làm đày tớ thu thóc cho giặc Nhật, để ba năm sau, giết hại hai triệu đồng bào ta.

Năm ấy, một người nông dân ăn một tháng, tốn có 0đ80.

Nếu lấy tiền phí tốn một bữa tiệc một giờ này để nuôi nông dân, thì một người nông dân có thể sống được trong 15.500 tháng. Hay ngược lại 15.500 người nông dân có thể sống trong một tháng. Hay nói giọng phúc đức, năm 1945, hơn 3.000 nông dân thoát được nạn chết đói, vì được đủ ăn năm tháng để đợi đến mùa sau.

Nếu kể tất cả các món chi tiêu từ khi thằng tri huyện ấy bắt đầu đi học, đến năm nó đỗ, cho đến sau ngày khao, thì không biết đến cơ man nào là tiền bạc. Nếu xếp đồng tiền bằng đồng bạc 27 gam của ta tiêu trước, thì phải cao gần bằng cái núi xương trâu bò, mổ vừa rồi, chắt ở ngoài vườn.

*

* *

Địa chủ làm giàu như thế, ăn tiêu như thế, không trách nông dân muốn khỏi chết, phải vùng dậy mà đấu tranh để tự cứu lấy mình.

QUANH CÁI XÁC CHẾT

Tôi nguyên quán ở Nam Định. Bố mẹ tôi sinh tám lần, nuôi được có bốn. Năm 45, chết đói mất ba. Hiện nay còn mỗi một mình tôi.

Ông bà tôi mất đi, để lại cho bố tôi bốn sào ruộng và mười thước vườn. Ruộng ở cánh Nam phung, liền mảnh với ruộng của thằng địa chủ trong làng tên là Hường Vôi.

Gia đình tôi đông người, nên không đủ ăn. Ngày mùa, bố mẹ tôi phải làm thuê làm mướn. Ngày ba tháng tám, thì đan cái rổ cái rá để bán. Nhưng vẫn bữa no, bữa đói.

Nhiều lần thằng Hường Vôi cho vợ đến khuyên mẹ tôi bán ruộng cho nó. Nhưng mẹ tôi không nghe. Nó còn giả nhân giả nghĩa thương bố tôi nghèo, bảo hễ túng thiếu, cứ đến nó mà rặt tạm. Nhưng bố tôi nhất định không vay. Bố tôi vẫn đem câu của ông nội tôi, ngày xưa, nói lại cho chúng tôi nghe:

- Tiền của nhà giàu lọt được vào nhà nghèo lúc nào, là tai họa bắt đầu đến nhà nghèo từ lúc ấy.

Tôi còn nhớ, năm tôi lên mười, trời làm đói kém. Bố tôi phải đi xa để kiếm ăn. Mẹ tôi ở nhà. Tôi thấy ngày nào mẹ tôi cũng đi một buổi. Khi về nhà, thì có một ít gạo hoặc cơm nguội. Mẹ tôi chia cho chúng tôi. Không lần nào mẹ tôi ăn, cứ nói rằng ăn rồi, còn no.

Một hôm, em út tôi nó đói quá, khóc ngằn ngặt. Tôi đi tìm mẹ tôi ở chợ. Bỗng tôi thấy mẹ tôi đang liếm lá bánh, bên cạnh, có cái bị đựng lẫn lộn cả chấy lẫn cơm. Tôi hiểu

hết. Mẹ tôi vẫn nói dối ăn rồi, là ăn như thế. Tôi thương quá, nói:

- Đừng làm thế, bệ rạc lắm, mẹ ạ.

Mẹ tôi rưng rưng nước mắt, xoa đầu tôi, đáp:

- Mẹ ăn mày và liếm lá thì khổ thật. Nhưng mẹ sung sướng vì con được ăn cháo và dành được cơm cho các con. Túng mà phải đi vay mới bệ rạc, con ạ.

- Thế sao mẹ không bán ruộng cho ông Hoàng lấy tiền đóng gạo?

- Bán cũng được, nhưng bán thì mất ruộng. Mà mất ruộng thì đói mãi mãi, thì bệ rạc suốt đời. Thà chịu ăn mày ăn xin một hai tháng, chờ đến ngày mùa có thóc, thì nhà ta lại no.

Nhưng bố mẹ tôi không thể mãi mãi tránh được cái nạn địa chủ.

Một năm, bố tôi thiếu tiền ra thuế. Mẹ tôi chạy ngược chạy xuôi, mấy hôm trời, không vay được ai. Vì nhà ở cạnh đình, nên tiếng trống thúc và tiếng người bị cùm kẹp, đánh đập, kêu la, rõ mồn một. Sắp đến lượt bố tôi bị nhục, thì thằng Hoàng Vôi đến:

- Thôi, tôi đã nộp cho anh ấy rồi. Chị đại quá, không biết đến tôi mà mượn. Có năm đồng bạc chứ mấy, mà để anh ấy suýt khổ thân. Trong làng trong nước, ăn ở với nhau, nên có tình. Tôi thương những người nghèo lắm.

*

* *

Đúng như lời ông tôi nói. Tai họa bắt đầu đến nhà tôi từ hôm đó, đến một cách đàng hoàng. Tránh sao được? Vùng tôi nhan nhản những địa chủ cường hào, như cái lưới vây chặt lấy nông dân. Mà cái giống ấy như đĩa, thế nào nó cũng bám được người, để hút máu.

Trong tụi ăn bám và gian ác, thằng Hường Vôi là tên địa chủ vào hạng trung bình, nên ít người biết tiếng. Nó có độ bảy trăm mẫu.

Thủa trẻ, nó ở tỉnh, làm nghề dán vé chợ, ở chợ Rông. Rồi thâu cơm cho đê lao. Trong thời gian này, nó làm giàu bằng cách hoà vôi vào gạo cho tù ăn. Nên người ta gọi là Cai Vôi. Có tiền, nó cho vay lãi, rồi tậu ruộng ở làng. Rồi nó không làm gì nữa. Nó lấy một con vợ lẽ Tây lai, dùng để giao thiệp với các quan trên nhà nó. Nó về quê ở, sống bằng mồ hôi nước mắt nông dân. Rồi nó mua hàn lâm. Rồi nó chạy làm nghị viên. Rồi nó được thăng Bảo Đại thăng hàm Hồng lô, và thưởng kim khánh. Người làng gọi nó là quan Hường. Nhưng là quan Hường Vôi, vì quen mồm.

Thằng Hường Vôi ác có tiếng. Nó đánh người như két, giết người không ghê tay. Con gái làng bị nó hiếp gần khắp lượt. Nhiều người mang bệnh, không đẻ đái được nữa. Trong có ba mươi năm, từ tay trắng, nó có đến bảy trăm mẫu ruộng. Không tháng nào nó không kiện người, bị người kiện và lo kiện cho người. Con vợ lẽ Tây lai của nó vào cửa nào cũng lọt.

Nó thường nói với nông dân:

- Tao muốn để cho thằng nào ở làng thì thằng ấy còn được ở. Tao mà lấy hết ruộng, chúng bay đi xiêu cả, thì những hôm nhà có việc, tao lấy ai mà sai bảo.

Bố tôi biết không phải vào hạng người được nó còn cho ở làng. Thỉnh thoảng nó vẫn gạ mua ruộng, nhưng bố tôi không bán. Bố tôi lại khí khái, không chịu đi lại nhà nó để vay mượn. Nhưng lần này thì thật là tiền của nó lọt vào nhà tôi rồi.

Sau vụ thuế, bố mẹ tôi đi vay bà con, người đồng bạc, người vài hào, cho được đủ năm đồng, để đến trả thẳng Hường Vôi.

Nhưng lần đầu tiên, nó mắng một cách thân mật. Và không nhận:

- Ai đòi mà phải trả sớm thế?

Lần thứ hai, nó đi vắng. Lần thứ ba, nó nói dối là đi vắng. Thế là năm đồng bạc tan. Vì tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống. Mà khi địa chủ nó đã buông câu, nông dân mắc vào, thì khó lòng gỡ nổi.

Bố mẹ tôi chán ngán quá, vì trông thấy rõ cái cơ mật ruộng dễ như chơi rồi. Bố tôi bàn:

- Thế này thì phải kiếm thêm đất mà làm chứ không thì chết.

Một hôm, có tin ông Xum là một tá điền của thàng Hường Vôi, vì nợ nó lưu cữu nhiều quá, không thể trả được, nên bỏ ruộng trốn đi làm phu ở Tân thế giới. Người họ tôi đến chơi, bảo bố tôi nên xin chỗ mẫu ba ấy mà làm. Vì nó quây quanh cái bốn sào nhà tôi ở Nam phung.

Bố mẹ tôi bàn bạc kỹ lưỡng rồi đồng ý. Chú tôi vay tiền, mua cho hai chục trứng gà, đến nói với thàng Hường Vôi hộ bố tôi. Nó bằng lòng, gọi bố tôi đến làm giấy.

Sau bố tôi, mới biết chỗ ấy tiếng rằng mẫu ba, nhưng kỳ thực có một mẫu và phải nộp bằng tô đong.

*

* *

Một hôm, có Tây đoan về khám, thấy mảnh của thàng Hường Vôi mà bố tôi làm, có rượu lậu. Thàng Tây đoan đến nhà thàng Hường Vôi. Đáng lý, chính thàng này phải bắt. Nhưng vì ngày thường, nó vốn là đứa hiểm giầy bọn đế

quốc và quan lại, nên nó đùn cho anh Thảo, một cố nông ở nhà nó, bị giải đi thay nó.

Việc vỡ lở ra, hôm sau, bố tôi mới hiểu rằng thằng Hường Vôi, vì mua ruộng của bố tôi không được, nên lập tâm làm hại. Nó bỏ rượu lậu vào ruộng bố tôi, rồi đi báo đোন. Tất bố tôi bị bắt và bị phạt. Không có tiền nộp phạt thì ngồi tù. Thì lúc ấy thế nào mẹ tôi cũng phải bán ruộng cho nó. Nó sẽ bóp mua bằng giá rẻ. Nhưng giá công việc làm đúng được như mưu mô của nó, thì ruộng ấy về tay nó thực. Đàng này, nó lại muốn kín, sai con vợ Tây lai đem rượu lậu đi. Con này không biết ruộng nào vào ruộng nào. Ruộng của bố tôi thì nó không bỏ, lại lờ ngớ, bỏ ngay vào ruộng của nhà nó.

Việc này sờ dī nhiều người biết là vì, sau khi anh Thảo bị giải đi, thì con vợ Tây lai bị con vợ cả chửi cho một trận nên thân. Rồi ba vợ chồng cãi nhau, đánh nhau ồm tỏi. Đến chiều, con Tây lai phấn sáp, đi ô tô lên tỉnh một tối, sáng hôm sau nó đưa anh Thảo về.

Biết thủng câu chuyện, mẹ tôi lo lắng, bàn với bố tôi:

- Hay là bán phất cho ông ấy, để tậu mảnh khác, ở chỗ xa?

Bố tôi lắc đầu:

- Ruộng nào, dù xa mấy, thì rồi sau ruộng địa chủ cũng bò tới. Có tránh đàng trời. Có điều rằng mình giữ gìn, chăm chỉ làm ăn, và kiên quyết không bán, thì không sợ mất ruộng.

Mẹ tôi thở dài:

- Tôi lo lắm!

Mẹ tôi lo rất đúng.

Chiều hôm sau, thằng Hường Vôi cho người gọi bố tôi đến.

Ở gian bên phải nhà nó, có một người lính cơ mới ở huyện về.

Nó nói:

- Hôm kia, có quan đoan về khám, bắt được rượu ở ruộng tao. Theo luật nhà nước, thì đáng lý tao chịu phạt. Song, các quan đã minh xét. Ruộng tao, nhưng mày lĩnh canh. Cho nên trách nhiệm mày phải chịu. Vì thế quan trên tha cho thằng Thảo về. Và hôm nay, có trát bắt mày. Mày theo thầy quyền lên huyện.

Bố tôi lặng người một lát. Rồi không thể nhìn được, mới nói:

- Thưa quan, không phải quan trên minh xét, mà là vì cô hai lên tỉnh tối hôm kia.

Nó quát mắt:

- À thằng này giỏi! Đồ xỏ lá!

Dứt lời, nó vớ cái roi gân bò treo ở tường, vụt lấy vụt để vào bố tôi.

Bố tôi dơ tay ra đỡ:

- Ông không có phép đánh tôi!

- Không có phép này! Không có phép này! Mày muốn kiện đâu thì kiện. Ông không sợ!

Rồi nó quất lia lia, vào mặt, vào lưng, vào đít, vào đùi.

Bố tôi giằng lấy roi, kêu rầm lên.

Thằng lính huyện bênh nó, xông vào, nhặt cái khăn lượt của bố tôi rơi xuống đất, ôm ghì lấy bố tôi, khoá cẳng, rồi trói bố tôi lại.

Thằng Hường Vôi được thả, đánh một chập nữa.

Bố tôi đau quá, mềm như sợi bún, mặt mũi quần áo bê bết những máu.

Thằng lính nói:

- Đại như con chó. Mà tập tễnh thế kia, thì đi sao được đến huyện.

Nó bắt bố tôi dẫn về nhà và bảo mẹ tôi:

- Đáng lẽ tao giải chồng mày đi ngay chiều nay, vì việc là việc khẩn. Nhưng thôi, tao thương hại. Tao rộng phép cho sáng mai, cơm nước xong thì đi.

Mẹ tôi hiểu ý. Nghĩa là thằng lính muốn vùi bữa cơm chiều nay và bữa cơm sớm mai. Bố tôi đau đớn, nằm trên giường, thỉnh thoảng thở dài.

Mẹ tôi nén lo và thương, phải đi chạy tiền, mua gà, mua rượu, làm cơm thết thằng lính. Đến tối, bố mẹ tôi mới dám than thở và khóc lóc với nhau.

Đêm ấy, bố tôi thất cổ ở trong buồng.

Sáng hôm sau cả nhà mới biết.

Mẹ tôi hô hoán lên.

Hàng xóm láng giềng đổ sang. Thấy người bố tôi còn nóng, mọi người toan cởi giày để cứu. Nhưng thằng lính cơ, làm như thạo luật pháp, ngăn lại:

- Phải đi tường lý dịch, xem người ta bảo sao. Chớ ai mó vào. Có chịu nổi tội vạ thì hãy tự tiện.

Mẹ tôi kiếm cơm trâu, chạy đi tìm lý trưởng.

Thằng này gọi bố tôi bằng chú họ. Nó bảo mẹ tôi cứ về trước, rồi nó đến sau.

Xác bố tôi treo lủng lẳng ở xà nhà. Lạnh dần và xám dần. Mãi đến chiều, thằng lý trưởng mới đến. Nó đi với một người tuần.

Nó lủng lủng vào buồng, sai người tuần cởi giày.

Xác bố tôi rơi bịch xuống đất, cứng như cây gỗ.

Mẹ tôi và chúng tôi oà lên khóc.

Thằng lý trưởng cau mặt, mắng:

- Ra cả ngoài kia để người ta làm việc.

Nó sờ vào người bố tôi, rồi nhìn mẹ tôi, cầu nhàu nói:

- Thế này mà dám trình là còn nóng.

Rồi nó lấy chân, lật sấp, lật ngửa xác bố tôi, rồi nói một mình.

- Ủ, chết thật rồi.

Mẹ tôi hu hu khóc:

- Vâng, giá bác đến ngay từ sớm, thì may cứu được nhà tôi.

Nó xì một tiếng, rồi nhại:

- Cứu!

Rồi nó ngồi xuống, nhìn vết giày ở cổ, và làm như ngạc nhiên:

- Quái!

Nó mới nói tiếng ấy, chưa bảo gì thêm, thì người tuần đã cởi quần áo của bố tôi ra. Hình như chúng nó xếp đặt sẵn với nhau công việc rồi. Người tuần nói:

- Đúng rồi.

Thằng lý trưởng không nhìn những vết roi lằn ở người bố tôi tí nào. Nó đưa mắt lờm người tuần và chặc chặc mấy cái, để bảo im. Bỗng nó ôm hai bàn tay vào mặt nó, và rung hai vai, làm như khóc than, rồi hờ:

- Ới chú ơi là chú! Tôi không ngờ người ta đánh chết chú, rồi treo cổ chú lên đây, để trình rằng chú tự tử. Ới chú ơi là chú ơi!

Rồi nó hỷ mũi, nhưng vắt mãi không ra nước.

Mẹ tôi không hiểu sao, im khóc để nghe.

Nó đứng dậy, làm mặt giận, trở vào mẹ tôi:

- Tao không họ hàng gì với mày nữa. Mày giết chú tao.

Mẹ tôi giật mình:

- Sao bác lại nói thế?

Nó hăm hăm:

- Trong người chú tao đây những thương tích. Mày đánh chú tao, rồi treo lên đây. Nếu không thì cũng là bức tử chứ không phải tự tử.

Mẹ tôi sợ quá, đáp:

- Nhà tôi bị quan Hường đánh, có thầy quyền biết. Rồi chắc rằng sợ tù tội, nên tự tử đấy, bác ạ.

- Không biết.

Nó đếm thương tích, và làm biên bản.

Mẹ tôi lo cuống cuống, bung mặt khóc, kêu oan.

Làm biên bản xong, nó bắt mẹ tôi điếm chỉ.

Nhưng nhất định mẹ tôi rút tay lại.

Nghe chừng dọa không trôi, nó đứng dậy ra về, va nói:

- Việc này còn lồi thoi to. Còn phải trình quan, đóc tờ về khám xong mới được chôn.

Mẹ tôi năn nì, giữ nó lại. Nó nói:

- Mày không ký, rồi mày biết. Giết chồng còn già mồm!

Mẹ tôi lay van nó. Nó dịu nét mặt, hỏi:

- Thế định không điếm chỉ phỏng?

- Nhưng tôi không đánh nhà tôi. Chính là quan Hường. Bác viết lại biên bản hộ, để nhà tôi đỡ chết oan.

Nó cau mặt, nhại:

- Viết lại! Dễ tôi làm việc quan nhà nhà bà phỏng? Mà bà nói dễ thế. Tôi đã vậy, còn các ông chánh phó hội phước lý dễ dẫu nổi người ta phỏng?

Người tuần thấy mẹ tôi chưa hiểu, mới nhắc:

- Thôi, bà kiểm chè lá, nói với các ông ấy tử tế, thì các ông ấy nỡ đi cho.

Mẹ tôi im lặng. Thằng lý trưởng nhìn để chờ mặc cả một món tiền. Nhưng mẹ tôi bối rối, chưa nghĩ ra, thì nó tuyên bố một cách ráo hoảnh:

- Việc này, muốn trôi, phải hai chục.

Mẹ tôi rú lên:

- Giời ơi!

Rồi oà lên khóc.

Anh em chúng tôi thấy mẹ khóc, cũng khóc. Mẹ tôi chấp hai tay, lay nó, kể lễ tình nghĩa họ hàng, rồi khấn nó mười đồng. Nó không đáp, bĩu môi, trợn mắt, nhìn một lát, rồi nó hát hàm:

- Chúng tôi uống nước lã để làm việc cho bà à? Mười lăm đồng! Thế là họ hàng rồi!

Mẹ tôi bằng lòng.

Nó làm lại biên bản, bảo mẹ tôi điểm chỉ. Nó nắm lấy tay mẹ tôi, híp mắt cười một cách đều cang:

- Bàn tay sao mà múp míp thế này! Tội nghiệp quá nhỉ!

Mẹ tôi giật tay ra. Lập tức, nó đút nghiên văn bản vào túi:

- Không điểm chỉ thì thôi, ông đếch cần.

Mẹ tôi lại phải đưa tay cho nó ngấm và mân mê.

Điểm chỉ xong, mẹ tôi nói:

- Bác cho tôi khát đến tối, để tôi đi chạy tiền.

- Được, không có đủ, thì lại làm biên bản lại đây.

Mẹ tôi đi rạm bán ruộng.

Nghe tin ấy, thằng lý trưởng đến, mắng mẹ tôi:

- Mày ngu như chó! Sao không gọi bán cho tao?

Mẹ tôi đòi ba chục. Nhưng nhất định nó chỉ trả hai. Nó nói:

- Không để cho tao, thì không ai mua nổi đâu.

Không thể đòi thêm, mẹ tôi phải bằng lòng.

Nó làm văn tự, bắt mẹ tôi in tay.

Nhưng sức nghĩ ra điều gì, nó nhìn mãi cái văn tự, rồi lắc đầu:

- Không hợp pháp. Chồng bà chết, bà không có phép bán ruộng. Phải có hội đồng gia tộc mới bán nổi, vì các con bà còn bé. Thôi tôi không làm bậy.

Mẹ tôi lo lắng:

- Thế thì làm thế nào, bác bảo cho.

Nó nghĩ ngợi một lát, rồi nói:

- Nhưng mà được.

Nó xé văn tự vừa làm, viết lại tờ khác:

- Đây, tôi đề ngày hôm qua, tức là hôm ông ấy chưa chết, để hai vợ chồng cùng ký nhận.

Mẹ tôi không hiểu. Nó in tay mẹ tôi, rồi cầm đèn hoa kỳ vào buồng. Xác bố tôi vẫn trần truồng, nằm úp mặt xuống đất. Thân thể đã xám ngoét hơn. Nó lật ngửa lên, kê đèn vào gần cánh tay phải, bôi mực vào ngón tay cái. Rồi nó áp tờ văn tự vào. Mẹ tôi và chúng tôi thút thít khóc. Đoạn nó vui vẻ đứng dậy:

- Thật là thuận vợ thuận chồng.

Nó ra nhà ngoài, ngồi trên phản, bỏ miếng trầu vào mồm rồi nói:

- Bà bán cho tôi hai chục. Tôi trừ mười lăm đồng, còn năm đồng. Nhưng năm đồng này, tôi phải giữ lại để chia cho các ông ấy.

Mẹ tôi choáng người:

- Bác cho lại tôi, để tôi mua cỗ ván cho thầy cháu.

Nó lắc đầu, đứng dậy ra về. Mặc cho mẹ tôi lay van và bù lu bù loa khóc.

Thằng lính huyện vẫn ở lỳ lại nhà tôi, để chờ được ăn thêm một bữa cỗ đám ma, thấy chúng tôi khóc, thì nó tỏ vẻ khó chịu:

- Gớm, làm gì mà ồn lên thế. Mất có hai mươi đồng là quá phải rồi, còn kêu gì!

Mẹ con chúng tôi vào buồng, mặc cho bố tôi cái quần nâu lành, và cái áo the cũ, rồi đặt nằm lên trên chiếu.

Bố tôi đã trương, mặt bị đánh sưng, nay to bằng cái cháp tròn.

Tôi trông thấy đứt từng khúc ruột.

Khi mẹ tôi chưa nong xong cái áo cho bố tôi, thì con mẹ Hường Vôi léo nhéo từ cổng vào:

- Sao quần chúng bay ngu thế, bán ruộng thì không bán cho bà. Bà không có tiền à!

Rồi nó quát:

- Đâu rồi? Nó đâu rồi? Không mở miệng ra được à!

Mẹ tôi vội vàng chạy ra. Nó dí ngón tay trở vào trán, và nghiêng răng:

- Cha con mẹ mày, đồ bạc nhé. Mày bán mất ruộng rồi à?

- Thưa bà, bác lý nó đòi mua.

- Thế đã làm văn tự chưa?

- Thưa bà làm rồi.

Con mẹ tuyệt vọng, quắc mắt, chửi một thoi nữa, rồi nói:

- Được rồi, đã thế, có tiền thì giả bà mười đồng bạc sưa đây!

- Thưa bà, có năm đồng thoi ạ.

- Thế không lái nữa à? Đồ khốn nạn!

Mẹ tôi kể cho nó biết rằng bán ruộng được có hai chục và thằng lý trưởng lấy hết cả rồi. Nó chửi:

- Cha mẹ đồ ngu như con chó. Bốn sào có hai chục mà không bán cho bà.

Rồi im một lát nó tiếp:

- Nhưng không lẽ mà để cho lý trưởng lấy hết. Thế nào mà cũng còn tiền để làm ma cho chồng mà.

- Lạy bà, thật quả con không được đồng nào.

- Mặc kệ, không giả tao mười đồng, thì mà không chôn nổi chồng mà đâu. Tao nói trước cho mà biết.

Rồi nó ra về, vừa đi vừa lẩm bẩm chửi cho đến ngõ.

Một lát, nó cho anh Thảo đến, tay xách cái ghế gỗ, tay cầm gậy. Anh ta đặt cái ghế ở cổng, ngồi xuống, không nói gì. Anh ta canh, hễ mẹ con chúng tôi ai ra đường, là anh ta khám túi, nắn gấu áo, cạp quần. Con mẹ Hường Vôi đoán thế nào chúng tôi cũng còn tiền để sắm sửa làm ma cho bố tôi, nên nhất định nó phải lấy nợ cho bố giận. Thành thử mẹ con chúng tôi không ai dám ra đường.

Bà con và hàng xóm thấy trong nhà có lính và có người nhà thằng Hường Vôi canh cổng, thì không dám đến, sợ lụy đến thân.

Xác bố tôi vẫn nằm cong queo trong buồng.

Mẹ tôi lo quá, không biết làm thế nào để chôn được, nên chỉ khóc.

Trời về mùa hè, nóng nực, nên qua một đêm, xác đã lên mùi.

Anh Thảo ngồi ở cổng, nhốt toẹt toẹt. Thằng lính huyện cũng nhốt toẹt toẹt. Luôn luôn nó hỏi mẹ tôi sao không mổ

gà mổ chó để cúng bố tôi, lại nữa để vong hồn người chết bơ vơ, đói khát.

Cả ngày hôm ấy, nhà tôi thật lặng lẽ. Chỉ chốc chốc có tiếng thở dài và tiếng khóc ti tỉ. Anh Thảo phải bắc ghế ra tận đường để ngồi, thỉnh thoảng quay vào trong nhà, chửi đổng là nó làm khổ ông. Thành lính kiên tâm hơn, vài giờ đồng hồ lại vào bếp nấu một tý. Thấy mẹ con tôi nằm ôm nhau, thì nó sốt ruột, nên thỉnh thoảng lại nhắc nhở:

- Gớm, nhìn đói khổ nhỉ!

Chiều hôm ấy, muốn chừng biết rằng chờ mãi cũng vô ích, chỉ phải ngủ thôi thôi, nên nó bắt mẹ tôi biện ba hào tiền tiền để nó về huyện. Mẹ tôi không có, phải lột cái áo the mặc cho bố tôi, gán cho nó.

Đến đêm, chờ cho anh Thảo ngủ, mẹ con tôi đánh thức nhau dậy, bó chiếu cho bố tôi, rồi xé hàng rào sau, khênh xác bố tôi ra đồng.

CÔNG DỤNG CỦA GIẤY NHẬT TRÌNH CŨ

Trong có một năm, thằng địa chủ Lâm chiếm đoạt đến hơn ba chục mẫu ruộng của nhân dân làng Chèn. Nếu không nhờ có phát động quần chúng, nông dân giác ngộ, nổi dậy đấu tranh, thì có khi còn bao nhiêu gia đình thất cơ lỡ vận về nó. Và rồi tất cả ruộng vùng này về tay nó hết.

Đợt phát động, giảm tô vừa rồi, thằng Lâm được đi học lớp cải tạo tư tưởng hai mươi ngày. Nó học tập bài mục "Tính chất giai cấp địa chủ" và liên hệ bản thân, nó bộc lộ tội ác của nó.

Hôm tổng kiểm thảo, nói các thủ đoạn về chiếm đoạt ruộng đất, bóc lột nhân công, đánh người, giết người, hiếp dâm và phản động về chính trị, nó cúi mặt xuống, nói:

- Con năm nay ba mươi ba tuổi đầu, mà đã phạm tất cả các tội ác điển hình của giai cấp địa chủ. Nay nhờ Đảng, nhờ Chính phủ, nhờ các ông nông dân giáo dục, con biết giai cấp địa chủ thật là một giai cấp xấu xa, như nhuốc, hại nước hại nòi. Hồ Chủ tịch khoan hồng, cho chúng con đi học, thật là cải tử hoàn sinh cho chúng con...

Dưới đây là lược trích một mưu mô trong lịch sử làm giàu của thằng Lâm:

"Quê con ở Hà Nam. Bố con làm chánh hội, có mười lăm mẫu ruộng. Chú bác con phần nhiều là cường hào. Thuở bé, con đi học, nhưng vừa dối, vừa lười, nên phải chạy ba

chục đồng bạc, mới đỗ được sơ học yếu lược. Rồi bố con bắt con ở nhà, cho rằng họ Bùi không có đất học.

Từ năm mười sáu tuổi, con bắt đầu mê gái và mê cờ bạc.

Bố con thấy con mới nứt mắt đã biết phá của, nên bắt con hút thuốc phiện, vì cho rằng người nghiện không thiết chơi bởi gì. Nằm bàn đèn thì phải ở nhà. Như vậy giữ được của.

Nhưng giữ của đã đành, còn phải làm ra của nữa. Bố con mới tìm cách cho con học tập thông thạo việc quan, để sau này làm tổng lý, nổi nghiệp nhà. Tức là cái nghiệp bóc lột. Con làm nho cho một tên thừa phái ở huyện.

Ngày ấy, bọn đế quốc định lệ cho những người đỗ sơ học yếu lược được thi thừa phái. Con cho rằng đường công danh mở rộng cho những con cái nhà giàu. Nếu con đỗ, làm thừa phái đủ niên hạn, thì con sẽ chạy lấy giấy chứng nhận là đã ở thượng du trên hai năm, biết tiếng thiếu số, con được thi bang tá. Rồi từ bang tá, con sẽ thi tri châu. Từ tri châu, con sẽ thi tri phủ. Và cứ thế, lên đến bố chánh, tuần phủ, tổng đốc, tha hồ mà hái ra tiền.

Nhưng con đã thi thừa phái ba khoá mà không đỗ. Bố con không tiếc tiền hối lộ. Nhưng vì xénh bố con ra, thì con lại coi tiền như rác, tiêu pha liêu lĩnh. Năm đầu, con khẩn hai trăm, thằng Tuần Đức nhận lời. Nhưng cuối cùng, nó bắt phải thêm một trăm nữa. Con không có đủ. Năm sau, con dành lại ba trăm để đút thằng chủ khảo người Pháp, nhưng khi được vào vấn đáp, thì thằng quan giám khảo đòi con phải cho riêng nó hai trăm. Con lại không có. Năm sau nữa, con có đủ năm trăm, nhưng giá thừa phái tăng vọt hẳn lên đến một nghìn.

Con cho là mả nhà con chỉ phát hào, nên thôi không bon chen vào hoạn lộ nữa.

Con làm nho, học lối nặn bóp dân rất thạo. Con dối trên, lừa dưới, nhiều món ăn chặn cả thằng thừa phái lẫn thằng tri huyện.

Thấy con tiêu xài xa xỉ, chúng nó đâm nghi. Rồi dò la, biết con đã hót của chúng nó rất nhiều món bở, nên chúng nó đuổi con, và định bỏ tù. Con phải trốn đi.

Con lên Phú Thọ, tìm đến giúp việc một người chú làm quản lý đồn điền cho một tên địa chủ Pháp, có vợ Việt Nam.

Năm ấy thằng chủ về Tây, để cho con vợ trông nom cơ nghiệp. Con mẹ này ngót bốn mươi tuổi, có con gái riêng mười sáu tuổi. Con mẹ có tiếng là dâm dật. Vắng chồng, nó thường bắt anh em tá điền vào buồng ngủ để hiếp anh em.

Thấy con nhanh nhẹn, nó dỗ con làm thư ký riêng. Con biết công việc không phải là biên chép sổ sách, mà là để thoả mãn tình dục cho nó. Nhưng con cứ đồng ý. Để được ăn hút sướng thân. Năm ấy con mới hai mươi hai tuổi.

Rồi sau, muốn cho hai mẹ con khỏi ghen tuông nhau, con hủ hoá cả với đứa con gái.

Chẳng bao lâu, thằng chủ Pháp sang và con gái nó có mang với con. Con mẹ muốn thu xếp cho ổn thoả, nhận con là con rể, nói với chồng cho con bốn mẫu, và bảo con làm nhà riêng ở Chèn, cũng ở khu vực đồn điền.

Vì ít lâu, con được con mẹ nó chiều chuộng, cho ăn tiêu tự do, nên con hút nặng thêm. Đến bây giờ, trông vào tô của bốn mẫu, con không thể nào đủ được.

Con nghĩ mưu kế làm giàu,

Một kinh nghiệm cho con biết rằng muốn làm giàu thì phải cho vay, lãi nặng.

Một kinh nghiệm nữa là muốn có nhiều người vay, thì phải làm cho nhiều người cần tiền. Người cần tiền phải vay, không ai liêu lĩnh bằng người thua bạc.

Vậy thì con phải mở sòng, để cho những người thua bạc vay tiền, và phải gán ruộng.

Nhưng muốn cho vay thì phải có vốn.

Sòng, đối với ai kia, thì việc xoay vốn là việc khó, chứ đối với con, nó không thành vấn đề. Con không phải nhờ ai giúp. Còn nhờ, còn phải ân huệ người ta. Ở đời có bột mới gột nên hồ, mới là tài xuất chúng. Không có tiền mà làm giàu to và nhanh, mới là phi thường. Con học chữ thì dốt, nhưng bóc lột thì ít ai bằng.

Con dựa vào uy thế thàng chủ đồn điền Pháp để mở sòng xóc đĩa. Sòng mở ngay trong đồn điền, thì không quan nào dám vào bắt. Tất nó cướp được khách của các sòng khác.

Con đã tính đúng. Quả nhiên, tối đầu vắng khách. Nhưng đến tối thứ hai, đã đông hơn, và đến tối thứ ba, thì đông hơn nữa. Họ sát phạt nhau rất hăng.

Đến tối thứ tư, con làm cháo gà, mời con bạc ăn, rồi nói chuyện:

- Đành rằng chúng ta chơi ở đây thì rất yên ổn, không sợ gì, vì đây là đồn điền của quan Tây. Vả lại tôi đã cất đặt canh phong cẩn thận. Song, ta cũng phải đề phòng sự bất trắc. Thế nào mà không đến tai quan, và quan nào họ lại chịu thua mình. Các ông phần nhiều là tổng lý kỳ hào trong hạt, có thể quan nó bảo một tiếng, thì các ông phải nghe, không dám đến đây chơi nữa.

Xưa nay, luật pháp chỉ trừng phạt những người đánh bạc, chứ không trừng phạt những người không đánh bạc. Cho nên tôi đã nghĩ ra một cách, là chúng ta không đánh

bằng tiền. Quan lính có giỏi mà vào lọt đây để khám, thì rồi cũng chỉ thấy người không. Tha hồ mà đổ tội cho chúng ta làm hội kín. Ta không làm hội kín thì họ hỏi làm chỉ mỗi môm. Vả quan chủ đây sẽ bảo đảm cho chúng ta là những người không làm hội kín.

Thì tôi định như thế này: Trước khi vào chiếu bạc, ta hãy đổi tiền lấy giấy riêng, ta dùng giấy riêng ấy để đánh với nhau. Không bắt được tiền làm tang vật, đổ ai dám bảo là sòng bạc.

Được mọi người cho là có lý, hôm sau, con lấy những tờ nhật trình cũ, cắt ra từng miếng nhỏ, hình chữ nhật. Miếng nhỏ nhất là một đồng. Miếng to hơn là năm đồng. Miếng to hơn nữa là mười đồng. Muốn người ngoài khỏi làm gian lận, con ký tên con vào đó.

Thế là từ hôm sau trở đi, sòng con đánh toàn bằng giấy nhật trình.

Ai đến chơi, trước hết, phải đổi tiền ra giấy nhật trình. Có tối, con phải đổi đến ngót một nghìn. Ai không có tiền, thì đến nói với vợ con cho vay. Vợ con cho vay hẳn hoi bằng tiền mặt. Tiền ấy là tiền của người khác vừa gửi. Người ấy đem tiền đến đổi ở con, lấy giấy nhật trình, rồi mới được ngồi vào chiếu bạc. Thật là phân minh.

Nhưng con bố trí cho vợ con ở hơi xa chỗ đánh bạc, để khách vay thấy việc đi lại là phiền, vì vậy, chính họ phải nói khó với con cho vay thẳng bằng giấy nhật trình để khỏi mất thì giờ đến chỗ vợ con. Vả lại, khi vợ con cho vay rồi, thì người vay vẫn cứ phải đổi ra giấy nhật trình ở chỗ con. Nhất là những người thua, đương cay cú, thì sốt ruột có tiền ngay để gỡ. Lại nhiều khi vợ con giả vờ túng, khách đòi vay một trăm, thì đưa bầy chục thôi, nói rằng không có

đủ. Nhưng hễ vay con bằng giấy nhật trình, thì ai cần bao nhiêu, có đủ sẵn bấy nhiêu. Họ cho là dễ và tiện hơn.

Người có tiền đến sòng con đã đành, người không có tiền cũng có thể đến chơi được. Người đở thì tiếp tục đánh đã đành, người đen thua hết, vẫn có thể có tiền để gỡ gạc. Sòng con, bởi vậy, càng ngày càng đông khách. Khách đến chơi được yên tâm. Muốn vay bao nhiêu cũng có. Ai cũng khen con có sáng kiến hay.

Lệ thường, thì đương dở cuộc, không ai được về. Con nói sợ đi lại nhiều thì lộ. Phải đợi từ hai giờ sáng trở đi mới được ra khỏi sòng. Lệ ấy đặt ra cốt để trói chân những người được bạc, muốn ăn non. Thật thế, muốn ăn non thì phải rời ngay khỏi sòng bạc, chứ mà có tiền trong túi, lại đương vào lúc đỏ, nghe những tiếng bạc dễ đánh, dễ ăn, thì có hoạ tài thánh mới gan được.

Vì vậy, không ai được bạc mà ăn non thoát được với con.

Từ hai giờ sáng trở đi, làng chơi được tự do ra về. Trước khi ra khỏi sòng, họ đổi giấy nhật trình lấy bạc. Nhưng ít ai đổi được đủ. Vợ ở nhà riêng, ngủ trong buồng có khoá. Vin vào đây, con thường bảo để đến sáng hôm sau hãy đổi, "đánh thức nhà tôi dậy, sợ cháu khóc, tội nghiệp".

Nhưng sáng hôm sau, những người còn ít giấy nhật trình thì không bỏ đến đổi. Họ giữ lại để tối lại đến chơi. Chỉ có những người có nhiều, hoặc những người không muốn chơi nữa, mới thiết đổi mà thôi. Để đề phòng những người muốn tu trí, con bảo vợ con, thế nào cũng phải găm lại chút ít để giữ khách. Nói rằng:

- Tôi trót mua món vải, phải rất tạm vào cái số của bác. Thôi thì bác bằng lòng vậy, tối nay bác đến chơi, tôi xin trả bác hết.

Không những con lừa người có tiền, có ruộng, mà con còn vợ vét cả của các ông bần cố nông làm ở nhà con. Những ông con mượn làm ruộng, những ông con mượn canh gác sông ban đêm, con đều trả bằng tiền, nhưng lại trả ngay trong sông bạc. Rút cục không ông nào còn đồng nào, nhiều ông phải vay thêm, và trả bằng công không hàng tháng.

Ông Hãnh máu mê nhất, đến bây giờ, còn nợ con nửa năm công. Bà Tạng, vì khuyên chồng không nổi, đã bỏ nhà, dắt con đi ăn xin, nay không biết xiêu bạt nơi nào. Còn ông Nhi, vì không có gạo ăn, đã phải nhịn và chết đói.

Trong một năm con chiếm ba chục mẫu về nghề cho vay lãi, bằng giấy nhật trình cũ. Lý Si có hai tối, phải gán cho con bảy mẫu. Anh Vượng suốt hai mươi năm lao khổ, dành dụm tậu được sáu mươi sào, thì có trong một tiếng đồng hồ nướng hết sạch. Chánh Bình thua hết tiền thuế, phải đi tù.

Nói tóm lại, trong một năm trời, con gian ác đến nỗi nhiều gia đình khánh kiệt, trở nên tan nát, con lừa cha, vợ mất chồng, nhiều người không biết còn sống hay đã chết.

Thủ đoạn làm giàu của con ít ai nghĩ nổi, phải có cái óc bóc lột gia truyền của giai cấp hàng nghìn năm chuyên môn hưởng sung sướng trên mồ hôi nước mắt, xương máu nhân dân, mới có thể tàn nhẫn như con được.

Ruộng đất của con là do bàn tay lao động của nông dân làm ra. Con đã chiếm đoạt một cách phi pháp. Thóc gạo của con cũng không tự tay con cấy bừa cấy gặt mà có. Con đã bóc lột nông dân một cách vô lý, bất công. Tiền bạc mà con có để tậu thêm ruộng đất, làm lại nhà cửa, ăn tiêu vung phí hàng ngày, cũng là do sức lao động của nông dân làm ra hạt thóc.

Đời sống của con là đời sống ô nhục. Từ hôm Đội phát động về đây, con cứ thấy các ông nông dân tố khổ, kể tội ác của giai cấp địa chủ, gọi chúng con là thàng, thì con rất bực mình. Con cho là *Trời làm một trận lăng nhăng, ông hoá ra thàng, thàng hoá ra ông*. Nhưng được học tập, con mới hiểu rằng cái trận lăng nhăng chính là vào thời kỳ phong kiến và đế quốc thống trị, cho nên những thàng ăn bám, bóc lột mới trở nên ông, và những ông lao động chịu bao nỗi vất vả để làm nên hạt thóc nuôi sống người, mới hoá ra thàng.

Bây giờ, dưới chế độ dân chủ nhân dân, Hồ Chủ tịch và Đảng đã làm cho xã hội ta không còn lăng nhăng nữa. Ai đáng là thàng, ai đáng là ông, mới thật rõ rệt".

CHỊ LIÊN

Chị Liên quê quán ở đâu, bố mẹ tên là gì, chị không biết. Cả họ thật của chị, tên thật của chị là gì, chị cũng không hay. Liên là tên người bạn đã chết. Và đến mãi sau ngày Khởi nghĩa tháng Tám, để lấy thẻ bầu cử, chị mới khai liêu là họ Nguyễn. Chị nói lý do:

- Bởi vì em thấy ở nước ta phân đông là họ Nguyễn. Em vốn lẻ loi, nên muốn cùng họ với đa số.

Rồi chị tiếp:

- Có làm sao? Miễn là em cứ là dân cụ Hồ, hăng hái đấu tranh đánh đổ địa chủ phong kiến, hăng hái kháng chiến, tiêu diệt hết quân xâm lược.

I

Theo sự hiểu biết của chị, thì gốc gác của chị như thế này:

Mẹ chị ngày trước lấy một người bán nông, để được một gái và một trai. Đến năm bà ba mươi năm tuổi, thì chồng bà chết. Thằng địa chủ ở làng - chị không biết tên là gì - thấy bà còn trẻ, xinh, và khoẻ mạnh, nên muốn lấy bà làm lẽ. Nó vừa tham nhan sắc, vừa tham nhân công.

Người đến nói chuyện với bà hộ nó, đem cái trăm mẫu và cái uy thế của nó hống hách một vùng ra, để làm nôi phú quý, dỗ dành bà. Nhưng bà không bằng lòng:

- Tôi có con giai rồi, tôi có ruộng rồi. Thế là đủ. Tôi chả cần bước đi bước nữa.

Thằng địa chủ suy nghĩ.

Nó lập tâm.

Nó thuê người rủ con trai bà ra cầu chơi, rồi đẩy xuống nước, cho chết đuối. Nó lại xui những người nhà chồng bà, đến bà, bắt phải tìm một người cháu trai để lập tự, sau này hương khói cho ông. Lẽ cố nhiên, sáu sào ruộng mọi ngày vẫn nuôi sống mẹ con bà, nay về tay người khác.

Thế là câu bà nói "tôi có con giai rồi, tôi có ruộng rồi", để bà 'chả cần bước đi bước nữa", không còn lý do tồn tại.

Lần này, thằng địa chủ nhờ người đến hỏi bà, thì bà phải suy nghĩ. Nó lại tán công bà bằng cách nhờ những người thân mến của bà, nói vào hộ rất nhiều. Sau hết, bà bằng lòng lấy nó.

Bà lấy lẽ thằng địa chủ. Nghĩa là thằng địa chủ đã có sẵn vợ ăn cơm nóng và nằm nhà trong. Và con vợ cả này đã có cả con trai lẫn con gái. Chính nó là chủ trăm mẫu ruộng. Ngày nào con mẹ cũng ra đồng, để lao động... cái môn: luôn miệng, nó quang quác máng chửi người làm. Như vậy, nó đầy đủ quá lắm rồi, đầy đủ gấp mấy bà, khi bà mới goá chồng.

Nhưng có một cái mà gia đình địa chủ nào cũng thiếu, cũng cần, là nhan sắc và nhân công, thì bà không nghĩ ra.

Cho nên bà trở thành cái môi ngon cho cả hai vợ chồng nó, là những quân chuyên môn dâm dục và bóc lột.

Ban ngày bà hùng hục làm từ gà gáy. Xénh đâu là bị quất, bị đánh. Đến nửa đêm, bà mới được nghỉ, nhưng không bao giờ thằng chồng cho bà ngủ ngay.

Được ba tháng, bà có mang. Thật là lôi thôi. Vì bà sẽ đẻ ra một đứa con, mà vợ chồng thằng địa chủ không cần có. Đứa con ấy, sau này, lại được hưởng một phần gia tài. Như vậy, lũ con vợ cả mỗi đứa phải bớt đi một ít ruộng. Mà có

mang thì kém sức lao động, khi đẻ, phải nghỉ việc. Nhà thì bận. Một người phải nghỉ việc, thì rất thiệt thòi. Thuê người khác làm thay, thì phải trả công. Hơn nữa - theo thằng địa chủ nghĩ - người mà nó nhận là vợ lẽ, khi có con, yếu đi, già đi, sẽ trở thành vô dụng, thì khó nuôi. Nó phải nuôi báo cô suốt đời.

Do những lẽ ấy, vợ chồng thằng địa chủ làm như đã làm với những người vợ lẽ trước có mang. Chúng nó dõ dằn, khuyen nhủ bà uống thuốc thôi thai.

Nhưng không như những người trước, bà không uống. Chúng nó nói vã bọt mép, bà cũng không nghe. Bà không thể tàn nhẫn.

Bảo ngọt không được thì nó bắt.

Một hôm, con vợ cả gọi bà vào buồng ngủ riêng của nó.

Bà biết là chuyện chẳng lành.

Bà thấy trên bàn có một bát thuốc màu đen, hơi còn lên nghi ngút. Hai vợ chồng nó vào. Thằng chồng, một tay cầm dây thừng, một tay cầm đòn cân. Con vợ khoá cửa lại.

Con quạ cái trở vào bát thuốc, nói:

- Bà nói đã hết lời mà mày không nghe, thì bà bắt mày uống. Mày ở nhà này, thì phải theo gia pháp nhà này. Ở nhà này không có lệ vợ lẽ đẻ con!

Bà đứng lặng. Nó quát hỏi:

- Mày có uống không?

Thằng chồng giục:

- Khôn hồn thì uống đi. Không uống cũng không được.

Bà bưng mặt, hu hu khóc:

- Tôi tưởng tôi lấy ông để...

Con vợ trừng mắt, đập bàn:

- Không kể lễ! Uống!

Bà nhìn nó bằng đôi con mắt nằn nì:

- Thưa bà, tôi không uống. Lấy chồng, ai chả muốn có con...

- Không muốn được! Nói nhiều rồi! Uống!

- Thưa bà, bà giết tôi thì giết. Tôi không uống.

- À, con này khó bảo!

Nó cầm cây vó, quật vào lưng bà đánh chát, rồi kê bát thuốc vào mồm bà:

- Uống!

Nhưng bà quay mặt đi, mím chặt môi.

Thấy bà gan, hai vợ chồng nó, mặt đỏ bừng, vật ngựa bà xuống đất. Bà quần quại. Thành chồng ôm ghì lấy hai tay và đầu bà. Con vợ gang mồm bà, đổ thuốc vào. Bà không thể cự. Nhưng bà phì thuốc ra. Nó đánh cho bà kêu để thuốc trôi vào họng. Nhưng bà không kêu, chỉ ằng ặc và cố cự quậy cái đầu, cho thuốc khỏi vào miệng. Nó bèn thọc hai tay vào nách để cho bà sặc cười, phải nuốt thuốc. Nhưng bà không buồn. Cả bát thuốc đổ ra ngoài gần hết.

Con vợ nghiêng răng, vừa vắn lại khăn, vừa nói:

- À con này rắn đầu rắn cổ!

Rút lời, nó lấy dây thừng, buộc một đầu vào cánh tay bà. Rồi nó quấn xung quanh mình bà. Nó thít thật chặt. Bà mất cự. Không thể cưỡng nổi, bà nằm ườn, thở hổn hển. Vợ chồng nó cũng mệt, cũng thở hổn hển. Thành chồng quấn thêm dây vào hai cẳng chân bà. Bà cố sức rẩy đành đạch. Nhưng sức một người địch sao nổi hai người. Một lát, bà bị trói chặt như con lợn sắp đem mổ. Con vợ, muốn chứng dây kinh nghiệm, nhét giẻ vào miệng bà, cho bà chửi không rõ tiếng.

Hai vợ chồng nó lật ngựa bà ra. Con vợ ghì chặt. Bà không thể lật nghiêng. Bà thở phì phì ú ớ kêu.

Thằng chồng hỏi:

- Tao hỏi mày lần nữa, có uống thuốc không?

Bà lắc đầu. Con vợ nói:

- Được rồi!

Nó cầm cái đòn càn, để ngang bụng bà, ấn hai tay xuống, để càn đi càn lại. Bà rầy rụa. Nhưng thằng chồng giữ chặt quá.

Bà vừa rầy vừa kêu.

Bực mình, thằng chồng bảo con vợ giữ. Nó phăm phăm đứng dậy, và cứ cả giầy tây đánh trống, nó dẫm lên bụng bà. Nó dận, dận thật mạnh. Bà kêu u ú.

Một lát, bà không quẫy, không cựa, không kêu được nữa. Máu đỏ ướm đẫm quần. Cái thai phọt ra.

Bà ngất đi.

*

* *

Sợ bà chết ở nhà nó, vợ chồng nó bắt khênh bà ra cổng. Anh Sơ, một tá điền nghèo, đem bà về nhà, chữa chạy cho bà.

Bà thoát chết.

Bà thoát chết thì khoẻ dần ra. Và lại đẹp dần ra. Nghĩa là lại có nhan sắc và sức lao động.

Thằng địa chủ tiếc của trời, bắt bà về nhà nó để ở.

Nhưng bà sợ quá rồi. Nghĩ đến hai vợ chồng đứa tàn ác, bà rùng mình.

Thằng địa chủ bảo:

- Không ở chung nhà thì thôi. Lấy chồng không có phép ở nhà người khác.

Nó cho bà ở cái nhà mà nó vừa chiếm để bắt nợ, cách dinh cơ nó độ nửa cây số. Nhà có người ở thì dỡ nát. Ban ngày bà phải đến nhà nó để làm việc cho nó như trước. Ban đêm, được về ngủ với con gái.

Nhưng thằng dê già không để cho bà được sống yên thân một mình. Thỉnh thoảng nó vẫn dùng cái quyền làm chồng, để đến hiếp bà. Phải gọi là hiếp mới đúng. Vì bà kính tởm nó, nhưng không sao trốn nổi nó.

Chẳng bao lâu, bà lại có mang. Lần này thì bà dắt đứa con riêng, trốn đi biệt. Để khỏi phải cán bụng, phọt thai lần thứ hai.

*

* *

Bà đẻ ra chị Liên. Gọi tên là cái Gái con. Chị của chị tên là cái Gái.

Vợ chồng thằng địa chủ dò biết chỗ bà ở. Thấy bà vẫn còn khoẻ mạnh, thì bắt về. Để bóc lột nhân công.

Nó sợ bà mẫn đẻ, nên cấm chỉ thằng chồng không được bén mảng đến nhà bà ở. Nhưng cấm sao nổi. Nó đã đánh bà bằng những trận đòn ghen thừa sống thiếu chết. Nó lại đẩy đoạ bà phải làm lụng vất vả và ăn đói uống khát hơn cho thân hình xấu xí đi.

Nhưng nó vẫn cứ sợ. Sợ cái nghề đàn bà trẻ chưa qua, già chưa tới, lại ở một mình, lỡ ra đại đột với đứa nào, ểnh bụng ra với nó, thì chồng nó không thể không nhận con. Vì cấm rất ngặt, mà thằng này vẫn cứ thì thọt lui tới với bà, nên muốn giải quyết sự không yên tâm này cho êm thắm, nó lừa cho bà uống thuốc độc.

Bà chết.

Năm ấy, chị Gái lên bảy tuổi, chị Liên lên hai tuổi. Vợ chồng thằng địa chủ đuổi chị Gái về ở với họ nội. Còn chị Liên, thì nó giữ lại.

Chị Liên gọi vợ chồng thằng địa chủ là thầy và u, xưng là con. Nhưng những đứa con của vợ cả thì được ăn với cha mẹ, mặc lành lặn, ở nhà trên, nằm ngủ có chăn màn. Lên sáu tuổi còn có người phải xỉ mũi và rửa dít hậu. Còn chị thì cả ngày trần truồng, có mỗi cái áo thái, thì rách tả tơi, ít dám mặc, vì loè soè, sợ nó đánh. Chị ăn với đầy tớ, ngủ dưới bếp, nằm ổ rơm với nửa mảnh chiếu thủng. Bất cứ có cớ hay không có cớ, hễ vợ chồng nó ngứa mồm hoặc ngứa tay, thì nó chửi và đánh chị. Chị phải chửi và phải đánh nhiều quá, đến nổi gây gò, xanh xao, lúc nào cũng ngẩn ngơ, len lét, sợ sệt tất cả. Thằng chồng bảo chị là cái bấu, sao không chết quách đi cho đỡ bẩn mắt. Con vợ nhiech chị là con con đĩ, nuôi làm gì cái giống ấy để ăn hại cơm chó. Nhiều lúc đứa trẻ nô đùa ở sân, chị ngồi đằng sau vách bếp, ngó qua lỗ thủng để dòm ra.

Thấy chị Liên bị đầy đoạ khổ sở, có ngày đến chết oan vì đòn, nên cậu ruột chị bắt trộm chị đem về nhà.

Người cậu cũng nghèo, nên năm lên năm tuổi, chị Liên đã phải kiếm ăn lấy.

Chị đi ở chẵn trâu cho người ta.

II

Tôi về công tác tại xã Toàn thắng. Qua thăm nghèo hỏi khổ, tôi được biết chị Liên. Năm nay, chị hai mươi chín, bị què từ năm hai mươi bảy. Chị đã có chồng. Chồng chị là một thương binh, cụt bàn tay trái, được đón về xã bốn năm nay. Nay chị đã có một con trai.

Hội phát động giảm tô, hai vợ chồng đều được bắt rẽ. Qua phong trào đấu tranh, hai người đều được vào Đảng. Chồng chị được chọn đi dự hội nghị tổng kết và được đào tạo làm cán bộ đi phát động cải cách ruộng đất.

Người làng kể lại cái tình duyên của hai anh chị cũng khá hay hay. Nguyên là ở xã, anh thương binh ấy phụ trách lớp Bình dân học vụ. Thấy chị Liên trốn chủ đi học tập anh ấy chú ý và đi sâu tìm hiểu. Ngày ấy, chị Liên còn ở nhà địa chủ. Nó không cho chị đi lớp. Nó không cho chị lấy chồng. Nó hung ác đến nỗi đánh chị què, tàn tật suốt đời. Anh ấy thương chị Liên, đã từ chối một người nhà giàu gọi gả con gái, để kết hôn với chị. Hôm tuyên bố đám cưới, anh ấy phát biểu:

- Tôi là cố nông. Chị Liên là cố nông. Chỉ có người cùng cảnh nghèo khổ mới hiểu nhau để thương yêu nhau lâu bền. Tôi cụt tay vì đế quốc. Chị Liên què chân vì phong kiến. Chị ấy lại khổ hơn tôi, là bị đế quốc nó làm cho mù chữ, và bị phong kiến nó kìm hãm, ngăn ngừa, không cho học tập để u mê thêm. Chúng tôi đều là nạn nhân của cả đế quốc lẫn phong kiến. Chúng tôi có thù sâu với đế quốc phong kiến thì chúng tôi mới lấy nhau. Tôi lấy chị Liên thì mới cứu chị ra khỏi bàn tay địa chủ nó đầy đoạ chị khổ cực từ đời mẹ. Chị Liên lấy tôi để giúp tôi thêm sức mạnh lao động. Chúng tôi lấy nhau để nâng đỡ, an ủi nhau, đem hạnh phúc cho nhau, vượt cho nhau khỏi cái nạn thương tật của đế quốc và phong kiến nó gây cho chúng tôi. Chúng tôi lấy nhau, sung sướng, không khổ nữa, là chúng tôi thắng cả đế quốc và phong kiến.

*

* *

Chị Liên kể cho tôi nghe quãng đời từ năm chị hiểu biết như sau này:

- Năm ấy lên chín tuổi, vẫn ở chăn trâu ở nhà quê. Chị Gái em thì đi ở cho một người ngoài Hà Nội. Một hôm chị em về, bảo em ra Hà Nội chơi.

Em theo chị em đi. Xe lửa tới ga. Người xuống xe đông nghìn nghịt. Chị em bảo em nín áo cho khỏi lạc. Trước cửa ga, đèn điện sáng trưng. Xe pháo, người qua kẻ lại ồn ào, tập nập. Em hoa cả mắt. Em theo chị đi quặt phố này sang phố khác, đến một cửa hiệu, đèn sáng quá, có bày hai con ngựa giấy ở trong tủ. Em đứng lại xem. Lúc quay ra, em không thấy chị em đâu. Em gọi to, rồi khóc âm ĩ. Bấy giờ có một người đàn ông đến bảo em:

- Mày nín đi, theo tao, tao dắt về với chị mày. Chị mày ở gầy đây.

Em theo nó. Nó đưa đi mãi, đến một nhà có hai tầng (chị Liên muốn nói nhà gác) thì vào. Em trèo lên thang, thấy đến hơn một chục đứa trẻ bằng tuổi em, ngồi lổc nhốc trên mặt ván. Chúng nó trở mắt nhìn em. Không thấy chị Gái, em oà lên khóc. Thằng đàn ông đỡ em, em không nín. Tức thì, nó dơ tay tát em một cái. Đầu em rập vào tường. Em không dám khóc. Nhưng tất cả những đứa khác khóc vang. Thằng đàn ông trợn mắt, lấy ở tường cái roi to bằng ngón tay cái người lớn, nói:

- Có cầm họng cả đi không? Đến đây, ông cấm khóc kia mà, quên rồi à?

Tất cả chỉ dám thút thít, rồi im bật.

Em ở đây hai hôm, thì thấy thằng đàn ông đưa một con đàn bà lạ mặt đến. Hai đứa bắt bọn trẻ con chúng em cởi trần truồng ra, để ngắm nghía từng đứa một, bắt quay đằng trước, quay đằng sau, để nhìn từng li từng tí.

Nó chọn được bốn đứa, trong đó có em, với một đứa nữa, tên là Liên. Nó trả thằng đàn ông hai mươi bốn đồng, rồi

bảo chúng em: - Chúng mày theo tao, tao đưa về nhà bố mẹ chúng mày.

Chúng em tưởng thật, rất mừng rỡ, theo nó ra ga, lên xe lửa.

Con Liên tinh nhất đám, oà lên khóc. Nó nói:

- Về nhà em phải đi xe điện kia mà!

Con mẹ tát nó dúi dụi, đẩy nó lên toa, và giao hẹn:

- Đứa nào khóc tao vát xuống đường.

Xe chạy, chúng em ngơ ngác nhìn nhau. Chúng em khôn rồi. Đứa nào khóc nhiều thì phải đánh nhiều, khóc ít, phải đánh ít, không khóc, không phải đánh. Cho nên thằng Cung, mau nước mắt nhất, cũng phải thín thít. Vì con mẹ ấy ngồi ngay bên cạnh.

Xe dần dần đến đồi núi. Em sợ quá. Em vẫn nghe chuyện ở rừng có ma hay ăn thịt trẻ con. Em cố nhịn khóc, nhưng không nổi. Em oà lên, đứng dậy, đòi về. Ba đứa kia cũng khóc.

Con mẹ quát mắng, ấn vai em ngồi xuống. Cả bốn đứa khóc loạn lên. Con mẹ tát mỗi đứa một cái. Em bị đình tai, nhưng cũng nghe rõ nó nói với người đi tàu:

- Thật là cái tội. Tôi là cô chúng nó, đưa chúng nó lên chơi với bố mẹ chúng nó ở Phú Thọ, mà chúng nó cứ đòi về.

- Thấy nói bố mẹ, em ngó ra để nghe.

*

* *

Con mẹ buồn người đưa chúng em về nhà nó. Đến hôm phiên chợ, nó đem đi bán, mỗi đứa giá mười lăm đồng.

Con mẹ chánh Mừng mua em với con Liên.

Em ở nhà vợ chồng thằng chánh Mừng mười chín năm. Nó bảo con Liên với em làm con nuôi nó, lớn lên, nó gả chồng và cho quần áo, mấn vàng, xà tích, và ruộng nương.

Trong mười chín năm, mình em đếm được hai mươi ba cái sẹo vì bị đòn, và nay thì què. Vợ chồng nó ác quá. Nó đánh bất cứ bằng cái gì. Vợ được cán cuốc, nó đánh bằng cán cuốc. Vợ được con dao, nó đánh bằng con dao. Chúng em bị đánh nhiều quá, đến nỗi mặt cả người, cả ngày không dám nói năng gì, nhưng đêm đêm lại ôm nhau mà khóc.

Cả ngày chúng em làm quần quật ở ngoài ruộng, thật là bán lưng cho trời, bán mặt cho đất ngay từ năm mười ba tuổi. Vợ chồng nó chỉ ngồi phưỡn ra mà ăn, để chửi, để đánh chúng em.

Bất cứ thế nào, nó cũng đánh, cũng chửi.

Nó thấy dít quần chúng em còn lành nguyên, mà hai ống đã rách tả tơi, thì nó chửi rằng mặc hại. Nó thấy mùa rét, áo chúng em dẫm mồ hôi, thì nó chửi rằng bẩn. Nó không biết rằng tại nó bắt chúng em làm cả ngày, có lúc nào được ngồi như chúng nó đâu để dít quần mòn rách trước ống như quần của hạng chúng nó.

Chúng em phải cũng bị nó đánh chửi, trái cũng bị nó đánh chửi. Thành thử không biết thế nào là phải, là trái. Hình như nó mắc bệnh chửi người, đánh người. Không chửi, không đánh, thì nó ngứa ngứa cái mồm, cái tay hay sao ấy.

Chúng em không đếm xuể là bị đánh, bị chửi bao nhiêu rận.

Một hôm, con Liên bảo em:

- Bây giờ mày với tao làm thế này thì đếm được đòn. Thôi thì không kể những cái dấm đá, tát lật vạt, cứ những

trận nào ra trận, thì chúng ta bỏ một hạt ngô vào trong ống. Cuối năm, róc ra đếm xem, đũa nào phải đòn nhiều hơn. Năm nào ống em cũng nhiều ngô hơn, có năm đếm được một trăm hai mươi chín hạt. Ngày ấy, con Liên và em, mỗi đũa có một nguyện vọng khác nhau. Nó ước ao được trọn một ngày không bị chửi, bị đánh. Em ước ao được nguyên một bữa ăn toàn cơm nông. Bởi vì chúng em với chúng nó ăn chung mâm thật, nhưng mình thì mũi ngửi thấy mùi cơm tám ngon ngào ngạt, mà miệng thì nuốt cơm chua.

Một lần, em đi chợ bán khoai cho con mẹ chánh Mừng được một đồng hai. Bà Nhự, là một bản nông, thương em đói rách, bảo:

- Mày bớt ra hai hào mà ăn quà, tao không phò bà ấy đâu mà sợ.

Nhưng em không dám. Không biết bà Nhự tử tế thật, hay định lừa em. Em sợ vợ chồng thằng chánh Mừng quá, đến nỗi nghi kỵ hết cả mọi người, cho ở đời không ai là tốt cả.

Năm chúng em mười sáu tuổi, thằng chánh Mừng dở thói hiếp dâm. Con Liên bị nó đè sấn ra kêu không được, mới nói:

- Thầy là bố nuôi con, sao thầy làm thế?

Nó đáp:

- Tao nuôi mày chỉ mong mày báo hiếu những lúc này thôi.

Còn em thì nó không hiếp nổi. Vì con vợ nó biết, nên thoát. Hôm sau, nó bảo:

- Đấy là thầy thử con, xem có kiên gan không, chứ thầy còn thèm nhạt gì.

*
* *

Năm khởi nghĩa, con Liên với em bị một trận đòn như tử, vì trốn vợ chồng nó đi biểu tình. Con Liên mới cất cơn sốt, bị đòn, lại ốm lại. Nó bắt nằm ở chuồng trâu.

Thấy mỗi ngày một ốm nặng thêm, nó đuổi ra khỏi cổng. Vì cổng lúc nào cũng khoá chặt, nên em thương nó quá, mà không tài nào cứu được nó. Rồi nó chết. Em căm thù quân giết người, nhất định đổi tên là Liên. Em nghĩ bây giờ nước nhà độc lập rồi, em phải đi trình Uỷ ban để trừng trị thằng địa chủ gian ác. Nhưng sau em mới rõ, chính thằng chánh Mừng làm chủ tịch Uỷ ban lâm thời.

Em biết Cách mạng làm cho người nghèo không phải khổ nữa, nhưng vì tội chúng nó chui vào chính quyền, nên chúng em không được hưởng một cái gì là sung sướng của độc lập. Chỉ trừ phi bây giờ em thoát ra khỏi nhà địa chủ, tự tay lao động, kiếm lấy mà ăn, mới không bị ai áp bức bóc lột. Nó bảo nó nuôi em, nhưng kỳ thực chính em và con Liên dựng nên cơ nghiệp nhà nó, nuôi vợ chồng con cái nó.

Em đòi đi học và đi họp. Nó bảo:

- Học để ăn cứt à? Không đi họp với lũ đi.

Thành thử em đi học và đi họp như đi ăn trộm.

Một lần, em xin nó đi dân công, nhưng nhất định nó không cho đi. Em cãi nó. Sẵn con dao dựa cầm trong tay, nó quăng vào chân em. Một miếng thịt thây lầy, máu chảy lênh láng.

Em bị thương, nhưng nó không cho nghỉ và cũng không cho thuốc. Nó còn bắt em lội vào chuồng trâu để lấy phân. Vì vậy thành ra sâu quặng. Rồi vì không được kiêng phân, kiêng bùn, nên đau đớn non một năm và đến bây giờ em bị què.

Em thâm thù thằng hung bạo và thương những người cùng cảnh khổ như em. Nhiều lần, vợ nó đi coi gặt, nhưng lại về sớm, nên giao cho em giả công thợ. Vì không có mặt nó, nên đáng trả ai mười hai gô, thì em trả mười bốn gô. Em định hễ nó chửi thì em chửi trả. Cách mạng rồi, em không sợ.

Em thấy nếu ở mãi với vợ chồng thằng chánh Mừng, thì rồi em cũng chết theo con Liên mất thôi. Đời chúng em đáng lẽ được sướng, đời chúng nó đáng lẽ phải khổ, mới phải chú. Mấy lần em định trốn ra khỏi nhà nó, nhưng chưa lần nào thoát.

Thì đến ngày nhà em tìm hiểu em, và nói với nó để tuyên bố. Trước hết, nó nhất định không nghe, nói rằng nó là bố nuôi, thì có quyền gả bán. Sự thực, nó sợ em lấy chồng thì nó mất một nhân công. Sau nó nể nhà em là thương binh, bằng lòng cho cưới, nhưng bắt phải ở gửi rể. Thủ đoạn của nó là để mua chuộc và bóc lột thêm một sức lao động nữa.

Nhưng nhà em không mắc mưu. Nó nhất định không cho cưới. Nhưng nhà em cứ tổ chức lễ tuyên bố, và giao hẹn với nó rằng nó còn phải tính công mười chín năm nợ của em.

Nói đến đây, chị Liên ồm con vào lòng, nở một nụ cười sung sướng, rồi tiếp:

- Nhà em nói thế, chứ em tính em không thềm tiền nơ bản của nhà nó. Chúng em tuy tàn tật, nhưng sống để thương yêu nhau. Chúng em có sức lao động, nhất định không chết đói. Chúng em đã trải qua nhiều đau khổ, nhất định đấu tranh để những người nghèo khỏi đau khổ.

Anh ạ, không kể cái Liên, riêng em, trong mười chín năm trời, làm lợi cho vợ chồng thằng chánh Mừng vô kể.

Hồi giảm tô, em đã tính em bị nó bóc lột tròn là một nghìn hai trăm tạ. Thế mà khi bước ra khỏi nhà nó, vẫn hai bàn tay trắng. Vợ chồng nó không làm gì cả, đáng lý thì phải đói rách, khổ sở, mà em thì được no ấm, sung sướng. Nhưng hai bàn tay em xúc của vào cho nó, mà hai bàn tay nó thì đánh đập, đẩy đoạ em. Thật hết sức là vô lý và bất công.

Ngày phát động giảm tô, anh cán bộ đến nhà em. Anh ấy hỏi đời em. Em cứ ngại ngại, không dám nói. Bởi vì em là con đẻ của địa chủ, lại là con nuôi của địa chủ. Máy tôi đầu, em đi họp, thấy bà con tố khổ nhiều, lắm lúc em cứ muốn kể cái đời khổ của em cho hả dạ. Ngồi im mà nghe, nó cứ thế nào ấy. Em chỉ muốn thở dài và khóc. Là vì em sợ rằng em kể khổ, thì phải động chạm đến những đứa làm em khổ, người ta sẽ trách là em tố bố đẻ và tố bố nuôi, trái với luân thường, đạo lý. Nhưng không rõ người ta có biết cái giai cấp gian ác ấy có còn hiểu luân thường đạo lý là cái gì không?...

CÂY MÍT

Sau nhà ông Lũng có một cái vườn rộng ngót nửa sào. Giữa vườn có một cây mít to, lá rườm rà, bóng rợp cả khu. Từ gốc lên, bám vào thân cây, đến cành, chi chít những quả lớn. Khách qua đường, ai không biết, nhìn cái cây sai quả, thì tấm tắc khen:

- Quý hoá chưa! Thật là hái ra bạc.

Nhưng sự thực, cây mít này đã gây bao tai hoạ cho gia đình ông Lũng, và chứng kiến bao đau khổ của bố con ông.

*

* *

Ngày xưa - nghĩa là sáu mươi năm về trước - còn đời ông nội ông Lũng, thì ông cụ vẫn trồng trọt hoa màu ở cái vườn này. Tuy đất hẹp, nhưng mùa nào thức ấy, thu hoạch quanh năm cũng có đồng ra đồng vào.

Một năm - năm ấy ông Lũng lên chín - ông cụ xin được của người họ ở làng Vòng một cây mít mật con. Ông cụ gánh về, trồng ở giữa vườn, rào xung quanh cẩn thận, và bảo con cháu:

- Giống này sai và ngon. Tao chưa được ăn bao giờ. Nghe nói quý lắm. Nhưng chắc gì tao đã sống đến ngày có quả. Tao chỉ ước chết vào vụ hè, để chúng mày cúng tao toàn bằng mít.

Cây mít lớn dần.

Ông nội ông Lũng qua đời.

Bố ông đẻ thêm nhiều con.

Gia đình trở nên túng quẫn, thường ngày ba tháng tám, vẫn phải đi vay gạo hàng bữa.

Xóm ông có thằng địa chủ tên là Tôn. Hiện nay nó vẫn còn sống. Nó thích ăn mít. Nhà nó cũng có một cây, nhưng cây nhà nó quả không sai và không ngon. Nó đã lấy giống mít Vòng, nhưng trồng cây nào, chết cây ấy. Nó chỉ ước ao có cây mít Vòng để ăn và lễ quan. Nhưng muốn có, thì phải mua. Mua thì phải mất tiền. Giống địa chủ có quen mua mất tiền cái gì bao giờ đâu. Giống ấy chỉ quen nhận đồ biếu. Nếu không ai biếu thì ăn hiệp hoặc ăn lửa. Nhưng khốn nỗi, ở Vòng, không ai là tá điền của nó, mà cũng không ai nợ nần gì nó để nó kể ơn, lấy không mít của người ta.

Một lần mẹ ông Lũng ốm. Bà thèm của ngọt. Trong nhà lại hết tiền. Bố ông nghe nói nhà thằng lý Tôn có mật, nên đến mượn tạm. Nó đưa hẳn một bát, lại cho vay thêm hai đấu gạo nếp. Nó bảo:

- Người ốm thèm ăn gì, cứ cho ăn cái ấy, tự khắc khỏi.

Sau khi mẹ ông khỏi bệnh, thằng Tôn đến đòi mật và gạo. Bố ông không có để trả. Nó không nói gì, ra vườn ngắt cây mít, mới cao độ một thước. Nó hỏi:

- Có đúng giống mít Vòng không?

Bố ông đáp:

- Thưa đúng.

Nó đứng một lát rồi về.

Nửa tháng sau, nó lại đến đòi nợ. Bố ông lại không có để trả. Nó nói:

- Thế thì vợ chồng mày gán cho tao cây mít con này.

Mẹ ông thấy không thiệt thòi gì, lại được sạch nợ, thì cho là một sự may mắn, nên bảo chồng:

- Phải đấy, cứ gán cho ông Lý. Đến kỳ cúng ông, thì xin ông ấy một quả. Chứ nhà ta ai thiết ăn.

Thằng Tôn bắt bố ông làm giấy nhường dứt cho nó cây mít.

*

* *

Vườn nhà. Nhưng cây của người.

Cái năm cây mít bói quả đầu tiên, bố ông đến nói với nó, xin để cúng ông cụ. Nó ngọt ngào đáp:

- Thế là đúng. Người trông cây phải được ăn quả trước người khác. Được, mà cứ lấy. Nhưng đừng bỏ. Cúng xong lại mang trả tao.

Đến mùa rau, mẹ ông nhìn cây cải cứ bé cần đi, nghĩ mãi mới tìm ra lý do:

- Tại cây mít che mát nắng, nên rau không lớn được. Phân gió tắm tưới là thế chứ còn thế nào nữa.

Bố ông thở dài:

- Rồi cây mít còn to, bóng rợp còn rộng. Rễ nó lại ăn hết màu đất. Không biết rồi vườn này trồng gì.

Năm sau, theo lệ năm trước, bố ông không nói với thằng Tôn, trảy một quả mít chín, định để cúng ông cụ.

Thằng Tôn - khi ấy đã làm phó tổng - giận cái thói nông dân tự do chiếm đoạt tài sản của địa chủ, nên phải làm cho bố ông biết tay nó.

Tay nó cầm cái ba toong, hăm hăm đến nhà. Nó không đánh bố ông. Nhưng quạt vào bài vị ông nội ông, và chửi thằng ăn trộm mít. Nó hất cả mâm cơm cúng xuống đất.

Thấy bố ông nói bướng, nó trói vào gốc mít, bắt quì hai đầu gối vào hai nửa quả mít mới bỏ đôi. Rồi nó đánh và giao hẹn:

- Từ nay, ông giao cho vợ chồng mà phải trông cây mít. Mất quả nào, ông chẻ xác vợ chồng mà ra. Cho chùa thói ăn cắp!

Bố mẹ ông cực quá, nhưng không biết làm thế nào được.

Cây lớn dần. Cả vườn bị cớm nắng. Cỏ cũng không mọc được huống chi là hoa mầu.

Mẹ ông bàn:

- Hay là bán quách vườn đi?

Nhưng không ai mua. Vườn ấy không thể trồng trọt. Và không ai dại mà làm người canh mít công không cho địa chủ gian ác, mất quả nào, chết với nó quả ấy.

Mẹ ông kiếm ăn mỗi năm một vát vả thêm. Thiếu đất để trồng hoa mầu, gia đình bớt hẳn một mối lợi. Rồi sức nghĩ ra, bà bàn:

- Hay là ta bán vườn cho cụ chánh? (thằng Tôn đã làm chánh tổng).

Bố ông đến nói với nó:

- Ngày xưa, cái năm u cháu ốm, cụ có giúp một bát mật với hai đấu gạo. Con gán hầu cụ cây mít. Ngày ấy cây còn nhỏ, không nói làm gì. Nhưng hai mươi năm nay, cây ấy sai quả, mùa nào cụ cũng hưởng. Đó là quyền của cụ. Con không dám nói đi nói lại. Nhưng có một điều con phải nghĩ ngợi nhiều, là cây của cụ, nhưng nó lại mọc trên vườn nhà con. Cho nên, con muốn nhường đứt hầu cụ cái vườn. Kẻo con vẫn mang tiếng là có cây mà không được ăn quả.

Thằng Tôn bỏ dục tẩu xuống, ngồi nhóm dậy, đáp:

- Anh nói cũng có lý, nhưng anh có để phần có lý cho tôi nữa hay không. Anh làm như ở đời này chỉ có mỗi một mình anh là khôn thôi ấy.

Rồi nói thêm:

- Anh xem, gần tất cả cây ăn quả ở xóm này là của tôi mua hết. Cũng như cây mít của anh. Nhưng có ai kêu ca phần nản gì đâu? Có ai đến nói nhường vườn cho tôi không? Ai cũng trông nom cho tôi rất cẩn thận, không cây

nào suy suyển quả nào. Hơn hai mươi năm nay, tôi ăn mít Vòng đã quen rồi. Thôi anh về đi, nói lắm, rác tai tôi.

Nói đoạn, nó sai người đuổi bố ông Lũng ra cổng.

Năm năm sau, bố mẹ ông qua đời.

Ông Lũng cũng đẻ nhiều con. Gia đình càng dâm ra túng thiếu. Ông đã phải bán đến thửa ruộng cuối cùng cho thằng Tôn. Nhưng cái vườn sau nhà thì cho cũng không ai muốn lấy.

Bà Lũng bực mình lắm. Mỗi năm mùa mít đến, bà nhìn những quả xanh nhu nhú như cái nắm tay ở thân cây, bà tính lấy gậy nhọn chọc cho thối mẹ tất cả đi cho đỡ ngứa mắt. Nhưng bà không dám. Tuy thằng Tôn đã từ chánh tổng, nhưng con cả nó làm lý trưởng, uy quyền không kém bố ngày trước. Thằng này cũng có cái thói cho vay để chiếm cây ăn quả của vườn người ta.

Ông Lũng thì coi cây mít như một vật thù. Chính nó làm cho hai đời trong gia đình ông, vì túng bán, mà vợ chồng, bố con lục đục, cãi cọ nhau luôn. Mùi quả chín thơm ngào ngạt luôn luôn nhắc ông đến những nỗi uất ức. Nhất là khi thấy đứa con nhỏ tập nói "Cây mít của nhà ta", thì ông càng căm hờn. Ông nội ông, bố mẹ ông, nay đến vợ chồng ông, có cây mít ở vườn đấy, nhưng đã ai được biết mùi mẽ nó như thế nào đâu.

Một hôm, nghe con ông khóc, đòi ăn mít, ông không thể nhịn được. Ông cầm con dao dứa, chém vào thân cây hai nhát thật mạnh.

Việc đến tai thằng Tôn. Lập tức, nó phăm phăm đến. Nó chửi ông là làm phản. Nó sai đầy tớ đóng bốn cái cọc ở cạnh gốc mít, buộc bốn chân tay ông vào, rồi cắm cây chuối vào lỗ đất, và đánh. Ông như con ếch bị căng, rẫy rụa. Một lát, máu đất vọt ra.

Bà Lũng ở đồng về, tay xách dỏ ốc. Thấy chồng bị đòn, bà vội vàng chạy đến. Thằng Tôn giật lấy dỏ, quăng ra ngoài hàng rào, rồi đá bà một cái ngã sóng soài. Ốc rơi tung toé. Thằng bé con bò lồm ngồm theo cái dỏ, vừa nhìn qua kẽ rào, vừa khóc. Nó đói, mong mẹ về để có ốc ăn.

Sau trận đòn, mình mẩy ông Lũng sưng vù, bốn năm hôm mới khỏi.

Đạo tháng năm năm ngoái, một đêm, mưa to gió lớn. Cái cành mít to nhất bị gãy rơi thẳng xuống nóc nhà. Nhà vốn yếu, nên đổ. Cái cột đè lên đùi bà Lũng. Bà chữa mãi không khỏi. Hiện nay, đi đâu bà cũng phải chống nạng.

*

* *

Cho tới năm nay, vừa đúng bốn mươi một năm, thì đội phát động về. Ông Lũng lấy lại được cây mít. Các cây trong làng cũng được giải phóng, thoát tay địa chủ, về với gia đình nông dân.

Lại đúng vào vụ mít chín. Ông Lũng bổ một quả to nhất làm tư, bóc ra múi, đặt lên bàn thờ, rơm rơm nước mắt, khấn ông bà cha mẹ. Rồi vợ chồng con cái xúm lại ăn. Không ai nói với ai câu nào. Hình như họ sướng quá. Không phải sướng vì được hưởng cái vị thơm ngọt của giống mít vòng, nhưng sướng vì đã dành được cái quyền ăn quả của cây nhà trồng đã ba đời nay.

Nhưng ông Lũng ăn có ba miếng. Ông đứng phắt dậy, lấy cái đĩa, xếp vào đó độ hai chục múi to nhất, và nói:

- Để đến tối, hộp xong, tao đánh lừa anh cán bộ về nhà, để mời anh ấy ăn với ta, thì tao mới thật thấy ngon, thấy sướng.

BÃI CỨT TRÂU

Thằng địa chủ Ích, đi tỉnh về, mới nhặt được một em bé ở ngoài đường, đem về nuôi. Em lên sáu tuổi. Nó lại đặt tên em là thằng Cu. Ta dùng tiếng *lai*, là vì từ ngày nạn đói, chớm nở, em này là em thứ ba ở nhà nó, và nó cũng gọi tên là thằng Cu như hai em trước. Nhưng cả hai em Cu trước, mỗi em đều chỉ ở được có trong ít lâu. Em Cu thứ nhất, vì nó cho ăn đói quá, em trót vào bếp vét vụng của nó một sét cơm nguội, bị nó dơ thẳng cánh cho một cái tát vào mang tai, ngã rập đầu xuống gạch. Em run lấy bầy một lúc, rồi chết. Em Cu thứ hai, không chịu nổi mấy đứa con nó bắt nạt, đánh đập cả ngày, nên bỏ trốn đi.

Hai em trước đến ở với nó, là vì bố mẹ các em đói quá, không thể nuôi được, phải đem cho nó, để đi, không biết đi đâu. Cho nên, sau khi nó đánh chết em thứ nhất, nó nói:

- Số nó chết, không tránh được. Ở với bố mẹ nó, nó cũng đến chết vì đói.

Và sau khi em thứ hai bỏ đi, nó nói:

- Không biết hưởng sung sướng thì chỉ có là chết!

Em Cu thứ ba này, nó bắt được trong trường hợp như sau:

Ở tỉnh về, nó ngồi trên xe nhà, đương ngẩng thuôn mặt lên trời để nghĩ một việc gì. Bỗng nó nghe thấy tiếng khóc và tiếng gọi ở bên đường:

- Thầy ơi! U ơi!

Nó nhìn, thấy một em bé trần truồng, đen đũi, chân tay như bốn ống sậy, tóc lơ thơ màu hung hung dí bết xuống

đầu, hàm răng dưới nhô ra, da nhăn nheo. Em ngồi ôm mặt, gò lưng xuống để kêu. Cạnh em, có một cái xác của đứa bé không rõ là mấy tháng, vì nó chỉ là bộ xương.

Thằng Ích bảo anh xe đỗ lại. Nó xuống đất, cúi hỏi:

- Thầy u mày đâu?

Mãi em bé mới lấy cánh tay quệt ngang mắt và đáp:

- Cháu biết đâu. Bỏ đi từ sáng. Giờ chưa thấy về. Em cháu chết rồi.

Nó ngấm em, rồi bảo:

- Thầy u mày bỏ mày, thì mày về với tao. Tao nuôi. Tao cho ăn.

Sở dĩ nó biết như vậy, vì ít lâu nay, nhiều nhà bị đói quá, cha mẹ không nỡ trông thấy con gầy lả dần rồi chết, nên cắn răng mà bỏ con mà đi.

Em bé thấy nó nói cho ăn, thì nín ngay. Em quên cả việc nhìn lại đứa em chết đói nằm bên cạnh. Em đi theo nó liền.

Thằng Ích, ít lâu nay nuôi những em bé bằng ấy tuổi, không phải vì nó phúc đức, thương các em đói khát, bơ vơ. Nhưng vì nó nghĩ: Mỗi con trâu, khi giết ra khỏi chuồng, bao giờ cũng ỉa, mà ỉa một bãi to. Nhà nó có nhiều trâu, đánh đi làm ngay từ lúc tờ mờ, thì ỉa rơi ỉa vãi cả ra đường. Bỏ cứt đi thì phí. Cho nên phải hốt về. Việc này nhẹ nhàng, trẻ con cũng làm nổi.

Vì vậy, nó nảy ra ý kiến là nuôi trẻ để hốt cứt trâu. Nó nuôi em Cu thứ nhất. Nó nuôi em Cu thứ hai. Và đến bây giờ em Cu thứ ba này.

Em Cu ở nhà nó, được ăn không một ngày đâu. Rồi nó mới giao việc.

- Mày chịu khó làm, thì không những việc ăn no, còn được tiền thêm nữa. Cứ mười ngày, tao trả một hào. Không muốn lấy tiền công, thì hễ ngoan ngoãn, tao nhận cho làm con nuôi, sau này tao gây dựng cho, cho nhà cửa, ruộng nương mà ở, mà cày cấy.

Em chưa đủ trí khôn để nghĩ đến tương lai, chỉ biết hiện giờ như thế là đỡ chết đói. Công việc hàng ngày chỉ là có hai buổi, đi nhặt hai sọt cứt trâu, với đun vài ấm nước, quét nhà, và hầu những việc lặt vặt. Có thế thôi.

Hôm đầu, buổi sáng lúc các anh người làm đánh trâu ra đồng, và buổi trưa, lúc các anh đi chăn, em đi theo, nhưng tìm mãi, không thấy bãi cứt nào. Em xách sọt về không. Nó giảng:

- Cứt trâu ở ngoài đường khối ra. Nhưng chậm thì có đứa nó hốt mất. Mày phải đi sát theo trâu mới khỏi mất cứt.

Học được kinh nghiệm ấy, em dặn các anh lớn, khi đi làm, thì gọi em.

Sáng hôm sau, người ta đánh thức em. Mới có ba giờ sáng. Em ngái ngủ, không dậy vội. Khi tìm được cặp và sọt, thì trâu cũng đã đánh ra đồng từ lúc nào rồi. May có ánh trăng, em cố tìm, chỉ thấy còn sọt có một bãi.

Thằng Ích lại giảng:

- Phải theo trâu ngay từ khi ra khỏi chuồng, nếu không, có đứa hốt tranh mất cứt.

Em lo làm tròn nhiệm vụ thì mới được ăn no và trả tiền công. Vì từ hôm đến, mỗi bữa em chỉ được có ba khúc sắn nhỏ. Có được việc mới được ăn cơm. Hôm sau, được đánh thức, thì em nhồm ngay dậy. Em đi theo đàn trâu liền. Hễ con nào đương đi mà dừng lại, rặng hai chân sau ra, uốn

cong đuôi lên, là em đứng chờ. Khi nó ỉa xong thì em gấp. Đủ mỗi con một bãi.

Em vui sướng, quên cả rét, dù em vẫn trần truồng như trước.

Khi đem cứt trâu về, em đổ vào chuồng phân. Thằng Ích ra nhìn, chê:

- Vẫn hót chưa hết. Còn dính ở đường nhiều.

Bữa cơm ấy, em được bớt một khúc sấn, thay bằng một bát cơm con.

Hôm sau, em hót cẩn thận hơn, nên được nhiều cứt hơn. Nó khen:

- Được, cứ thế. Nhưng từ nay, mỗi buổi đi hót về hãy trình tao. Tao khám xong mới được đổ vào chuồng. Hễ sọt đầy như thế này, thì tao kể cho một công.

Cả sáng và chiều, em được ăn mỗi bữa một bát cơm thay một khúc sấn.

Nhưng không phải trời đêm nào cũng có trăng vào lúc gần sáng như độ này. Dậy từ ba giờ sáng, em quen mất rồi. Nhưng đêm hôm trước, mãi đến khuya chưa hết việc lật vạt để được đi ngủ, thì tuy em không đói ăn, nhưng lại đói ngủ. Nhiều tối, phải thức chia bài, em gật lia lịa, lằm be bét, phải đếm đi đếm lại mãi mới đúng. Lắm lúc chờ việc, em ngồi gục ở xó tường, ngáy khò khò. Có bận đun nước, em chống cái que đời ở đằng trước, để tì cầm vào, thế mà em gật một cái, ngã giúi cả vào bếp lửa.

Em đã bắt đầu phải đánh, phải chửi là lười.

Nhưng được cái em không có quần áo, nên rét quá không ngủ được, ai gọi là thưa ngay được, nên cũng ít phải đánh phải chửi.

Công việc hót cứt vào buổi tối trời, trở nên chí vất vả.

Em đi theo trâu, đường tối đen như mực, mắt không trông thấy gì. Nhưng em dùng tai để lắng nghe. Khi thấy tiếng bẹt bẹt, thì em đến, lấy chân sờ ở đường xem cút chỗ nào. Gấp xong, em lại sờ bằng chân xem đã sạch hết chưa. Thế mà nhiều lần hốt cũng sót. Nhất là đến những khúc đường hẹp, có cây um tùm. Có bận mấy con cùng ỉa một lúc, thì em làm việc cuống cuống. Hôm nào thằng Ích khám thấy ít cút, thì nó phạt, không tính là một công. Ít khi nó khen là nhiều.

Sự cần thiết có mỗi ngày một xu, nảy ra cho em một sáng kiến. Em không để cho trâu ỉa xong mới hốt. Em lắng tai, không phải để nghe tiếng bẹt bẹt, mà là để nghe tiếng chân trâu. Những con đương đi đều bước, mà đứng dừng lại, là em biết nó sắp ỉa, thế là bưng cái sọt, kê vào đít nó. Vừa không mất thì giờ hốt, vừa không lọt ra ngoài một tí nào.

Từ hôm đó, thằng Ích không chê em được điều gì.

Tính từ ngày vào ở nhà địa chủ, đến nay, vừa chẵn ba mươi hôm. Không kể những ngày mới nhận việc còn bỡ ngỡ, và những ngày còn vụng về, không được nó kể cho là một công, chỉ tính từ ngày biết hứng sọt vào đít trâu đến nay, cũng là ba mươi hôm rồi.

Tức là mười ba xu công. Trừ một lần đun nước chưa sôi, một lần nó gọi mà lên chậm, và một lần không hiểu vì lý do gì, nó gắt và bảo trừ công, thì cũng còn được mười ngày hoàn toàn.

Được lĩnh một hào công, em sẽ mua lại của một anh tấm thất lưng cũ, để dùng mà đóng khố. Lắm lúc nhà nó có khách, em mang siêu nước sôi lên, thấy em trần truồng, con vợ nó ngượng với khách, cứ mắng em là vô ý vô tứ. Vì nó đã giao hẹn trước là phát công hàng tháng, nên các anh lớn nhắc em đến xin nó tiền.

Em nói với nó. Nó vờ ngạc nhiên:

- Mà lại đến đòi tao một hào công à? Thế mà thử nghĩ xem, ai nuôi cho mày sống một tháng nay?

Rồi nó cau mặt:

- Được, mày muốn đòi thì chiều, đến đây tao trả.

Đến chiều, em Cu lên buông nó.

Ở ngoài hè, em đã thấy một em bé, trạc tuổi em, gầy gò dẫn dùm, chẳng khác gì em, một tháng trước. Em bé ấy ngờ nghếch như em. Hai em nhìn nhau, và nói chuyện với nhau, bằng những câu rất ngây thơ, nhưng rất dễ hiểu:

Em Cu hỏi:

- Mày tên là gì?

Em bé mới đáp:

- Thế mày tên là gì?

- Tao tên là Cu.

- Thế ông ấy cũng đặt tên tao là Cu.

- Mày đến đây làm gì?

- Thế mày ở đây làm gì?

- Tao hốt cứt trâu.

- Thế ông ấy cũng bảo tao đến ở hốt cứt trâu.

Em Cu mới vui vẻ, nói:

- Hai đứa cùng hốt, tha hồ vui.

- Ừ, vui, nhưng mà buồn ngủ lắm.

Vừa lúc ấy thì thằng Ích ra. Nó quắc mắt nhìn em Cu:

- Ừ cái gì? Mày xui gì nó?

Em nhìn nó bằng đôi mắt thật thà:

- Không ạ.

- Mày ranh quái vừa vừa chứ. Tao trả tiền công mày, nhưng rồi có đường có nẻo thì xéo. Tao không mượn nữa.

Em dương đôi mắt to để nhìn nó, muốn tìm hiểu lý do. Nó giảng:

- Là tại chưa chi mà đã đòi công tao. Mà chỉ nghĩ đến tiền, chứ không còn biết tình nghĩa là gì cả.

Em nghĩ được nhiều, nhưng biết nói ít, nên nét mặt buồn buồn. Nó hỏi:

- Bao nhiêu công?

- Thưa ông một hào.

Nó móc túi tìm. Không có hào lẻ. Nó càu nhàu:

- Mất cả thì giờ. Thôi biết vậy, lúc khác vào đây, tao trả.

Em thui thủi bước chân ra khỏi nhà nó. Cánh cổng đóng ập lại.

Suốt năm hôm sau, ngày nào người ta cũng thấy em đứng chờ ở cổng nhà nó. Nhưng không được vào.

Em vẫn trần truồng, đen đũi như trước. Nhưng bốn chân lại khểnh khiu như bốn ống sậy. Tóc lại hung hung, dí bết xuống đầu. Hàm răng dưới lại nhô ra. Da mặt lại nhăn nheo, toàn thân người em xám như đồng đen.

Đến sáng hôm thứ sáu, sau một đêm mưa, người ta thấy em và mười ba em bé nữa cùng tuổi, ôm nhau chết cứng trên cái bãi cỏ cạnh đường cái đá.

CHI VÚ EM

Vợ thằng Tần, là con dâu cả của con mẹ địa chủ Hương, mới đẻ con trai. Cả nhà quý như vàng. Nhưng thằng bé gầy nhom, vì sữa mẹ nó đã ít lại chua. Nó ăn sữa bò không chịu. Mấy hôm nay, nó khóc sa sả cả đêm, vì đói.

Về việc nuôi trẻ, thằng Tần đồng ý là sữa người tốt nhất. Nhưng nó không tán thành việc bắt vợ nó cho con bú. Nó cho rằng người đàn bà phải là cái hoa, cần giữ sao cho hương sắc lâu tàn. Nghĩa là người đàn bà phải trẻ lâu, đẹp lâu. Người đàn bà nuôi con thì chóng già, chóng xấu. Vì đôi vú sẽ tét đi, bộ ngực dẹp lại. Dùng sữa nuôi con, thì mẹ phải gầy. Đêm hôm thức giấc, thì mẹ phải yếu. Con chơi đã vậy, con hay quấy, thì mẹ sinh ra cái kính, gắt gỏng. Thiệt hơn nữa, là người chồng phải kiêng nằm chung. Vì lỡ ra, mẹ có mang cho con bú sữa trong thì con yếu.

Vì nghĩ như vậy, nó đòi mẹ nó nuôi cho vợ nó một người vú em. Nhà có cửa, hà tiện làm gì mà không trút cái vất vả cho người khác.

*

* *

Ở trong đồn điền, có vợ anh Bao cũng mới ở cũ trước vợ thằng Tần nửa tháng. Chị Bao khoẻ mạnh, nên sữa tốt, nuôi thằng bé con, cứ lớn phổng như thổi.

Tin ấy đến tai con mẹ Hương. Con mẹ đến tận nhà anh Bao để xem. Nó thấy thằng bé bụ quá, ngoan quá, bú nó là

thức chơi, cứ toét mồm ra cười như con chó. Chơi chán thì ngủ im thin thít. Mới hơn hai tháng đã biết hóng chuyện, và tập lẫy.

Anh chị Bao thấy tự nhiên con mẹ Hương đến nhà, biết là sẽ có chuyện. Vì nhà có nợ nó bốn thùng thóc.

Quả nhiên, sau khi con mẹ ngắm nghía thằng bé, thì nó bảo chị vắt sữa vào gan bàn tay nó, cho nó xem. Nó đưa ra sáng, nhìn kỹ. Bỗng nó đả động đến món thóc nợ. Nó dỗ chị ở vú cho con nó, thì nó trừ cho. Nhưng chị nói:

- Nợ thì bà rộng cho đến tết, chả còn mấy ngày nữa. Chứ cháu đi thì không ai nuôi con cho cháu.

Nó bảo:

- Bố nó trông cũng được chứ sao? Thằng bé ngoan, dễ nuôi, cho ăn cơm càng chóng cứng cáp.

- Bố cháu vụng lắm, bà ạ. Bé con thì cứ bung, mấy lần suýt đánh ngã.

- Đàn ông gì mà đoảng thế. Để vợ đi làm thì được ăn no, mặc lành, được đỡ một miệng ăn, lại được công để trừ nợ. Thế không hơn à.

Anh Bao suy tính hơn thiệt, nói:

- Nhưng nhà con đi vắng, con phải bận về cháu, thì mất hết việc. Mà lúa xấu, thì phải nộp cho bà thóc xấu.

- Tao không cần xấu tốt, tao chỉ cần vợ chồng mà nghe tao.

Anh lắc đầu:

- Vợ chồng con sợ ông bà thật, ơn ông bà thật, nhưng đi thì nhà neo người.

Thấy nói ngọt thế mà anh không nghe, thì nó bắt đầu sốt ruột. Vì xưa nay nó có phải nói với ai nhiều lời bao giờ. Nó xằng:

- Tuỳ vợ chồng mày đây, món nợ ấy đã lâu rồi. Tao không cho chịu nữa. Bàn kỹ với nhau đi, muốn hay được hay, muốn dở được dở.

*
* *

Con vợ thằng Hương về. Chị Bao chỉ thở dài. Món nợ ấy không ngặt, nhưng vì ý nó muốn bắt chị ở vú em cho con nó, nên nó làm ra ngặt. Trái ý nó, thì nó làm đủ tình đủ tội.

Anh Bao vốn ít nói, nên chỉ lặp đi lặp lại có một câu:

- Không đi, không giả. Muốn làm gì thì làm.

Thì nó làm như thế này:

Nó cho vợ anh Hoàn đến thúc nợ thay cho nó. Chị này có tiếng là nói dai, nói sỗ, và lắm mảnh khoé. Chị Hoàn đến, không nói gì với chị Bao. Nào chuyện bà chủ đã làm ơn mà cho vay, bà đã tử tế mà cho chịu, nào chuyện những ai không trả được nợ thì bị như thế nào, rồi chị bảo anh Bao nên cho vợ đi ở vú, thì vừa được êm thắm và được sung sướng.

Anh Bao phải ngồi mát thì giờ và mát công việc. Nhưng không có lẽ bỏ khách nợ để đứng dậy. Anh không đáp bằng những câu cộc lốc, nhưng vẫn có những ý nghĩ cộc lốc là: không đi, không giả, muốn làm gì thì làm.

Chứa đạt mục đích là bắt chị Bao đến ở vú, vợ anh Hoàn rất kiên tâm. Lần nào chị ta cũng chỉ nói ngần ấy câu, nhưng chỉ cốt nói dài cho anh Bao mất việc. Nếu không muốn mất thì giờ, anh chỉ có việc ừ một tiếng là xong.

Nhưng anh không ừ. Và chị Hoàn còn đến. Trước thì dăm hôm một lần, sau thì ba hôm. Từ hai mươi lăm tết trở đi, ngày nào chị cũng đến.

Anh Bao trước sau không thay đổi ý kiến. Cho nên, chiều ba mươi tết, chính con mẹ Hương thân hành đến, nó tông tốc chửi từ ngoài cổng, chửi vào, rồi sòng sọc đến bàn thờ, lấy bát hương để xuống đất, vén váy đái vào tổ tồ.

- Mà mà để cháu bà đói, thì ra giêng, bà còn sai đào mả bố mày lên nữa kia, chứ đừng bướng.

Nó làm như cháu nó đói là tội ở nhà chị Bao vậy.

*

* *

Cực chẳng đã, hôm mừng bốn tết, chị Bao phải mếu máo, bỏ con ở nhà, xách cái bị quần áo, đến nuôi con cho vợ thằng Tần trẻ lâu và đẹp lâu.

Từ ngày chị ở cũ, lần này là lần đầu tiên, chị bế đứa con người khác. Chị thấy nó hờ hững thế nào ấy. Chợt chị nghĩ đến chị phải nuôi thằng bé như con, thì chị cố âu yếm nó bằng tâm tính của người mẹ. Nhưng sự nghĩ đến con chị ở nhà, không có sữa thì đói, mà chị thì phải lấy sữa mình để nuôi cháu cái con người gian ác đã đái vào bát hương thờ, để khỏi đào mả bố, thì chị không thể nào vui vẻ được. Khổ tâm nhất là mỗi khi sắp cho thằng bé bú, thấy hai đầu sữa căng ra, thì con mẹ Hương lại bắt chị vắt bớt đi "kẻo sữa xuống mạnh quá, thì anh sặc". Chị nghĩ đến đứa con chị ở nhà lúc này, trong khi chị phải vắt sữa đi, thì nó không có sữa mà bú, có lẽ đương khóc ngằn ngặt.

Ở đây khác hẳn ở nhà. Ăn thì bữa nào cũng cơm thật trắng, thỉnh thoảng được cả cái chân dò hầm với hoa chuối. Cả ngày, chả phải làm việc gì. Nằm thì có giường êm, chiếu sạch, màn rộng và cao. Nhưng chị vẫn nhớ. Nhớ con, nhớ chồng, nhớ nhà, nhớ ruộng, nhớ cảnh làm lụng một nắng hai sương, nhớ cái giường long, nhớ cả con muỗi nó vo ve cạnh tai, làm mất ngủ.

Chị tủi thân luôn. Nhưng không bao giờ dám khóc ban ngày, và khóc ra tiếng. Chị muốn thương yêu thằng bé như con, nhưng không thể. Con chị dần dỏi kia, chứ không ươn hèn như nó. Có lẽ hôm nay đã lấy mạnh rồi.

*

* *

Một hôm, anh Bao nhắn tin cho chị biết rằng con ốm nặng, chị phải về ngay.

Chị như bị sét đánh ngang tai. Chị điên cuồng, sồn sồn đi về.

Từ hôm con chị vắng mẹ, thì nó đâm ra hư. Nó không chịu ăn cơm, không chịu bú chực, và hay quấy. Nó còm dần, xanh đi. Đặt đâu là nằm đấy, không nghịch như trước, không cố nghiêng mình để tập lẫy như trước. Được độ một tháng, nó sút hẳn đi, chỉ bằng nửa trước. Nó ốm từ lâu, nhưng anh dấu chị. Đến nay, nó quá lắm, có thể không sống được. Bất đắc dĩ, anh phải gọi chị về. Nhưng không biết gửi con ở nhà cho ai trông nom để đi xin phép cho chị, nên mãi đến phiên chợ này, anh mới nhắn được tin.

Chị đòi về, ruột nóng như lửa đốt.

Nhưng vợ chồng thằng Hương và vợ chồng thằng Tân không cho về. Nó còn mắng là về, trẻ con đầu giăng cuối giăng bị nóng là thường, việc gì phải nhắn với nhe.

Vợ chồng thằng Tân còn đoán già là vợ chồng nhớ nhau thì bịa ra như thế đấy thôi. Vú em mà về ở nhà cách đêm là một việc tối kỵ. Không phải nó sợ con nó đói, mà nó sợ rồi con nó bú phải sữa trong. Con mẹ Hương nhiều kinh nghiệm hơn, và tự phụ thông minh hơn, nói:

- Có phải bây giờ vú thấy anh hợp với vú thì định giở mặt để bắt bí chúng tao không? Cái thói chúng mày vẫn thế.

Chị nói thế nào, chúng nó cũng cương quyết không cho chị về. Và chị biết nói thế nào? Có thể là chúng nó nói đúng, là anh nhớ chị. Có thể là con chị chỉ nóng soàng. Lại cũng có thể là anh bịa ra tin con ốm để bắt bí, đòi chúng nó trả thêm công.

Mắt chị có trông thấy con chị, từ khi vắng chị, thì nó ra thế nào đâu. Chị chỉ biết là nó ngoan, hay ăn, chóng lớn.

Nhưng chị vẫn cứ sốt ruột, sốt ruột không thể nằm yên được.

Đến khuya, sau khi chị vắt bớt sữa thừa để cho thằng bé bú một bầu thật no, và lửa nó ngủ say, chị lảng vào buồng, bốc trộm một nắm gạo tám, rồi rón rén chui qua hàng rào, về thăm con.

*

* *

Chị vừa đi vừa lo. Về thăm con, là chị làm một việc tối mạo hiểm, phi pháp, Nó bắt được thì chết. Con ốm thực thì còn có lý mà nói. Chứ mà con không ốm, thì thế nào chị cũng phải đánh, và phải chửi hàng mấy ngày. Nhưng dù có phải đánh phải chửi mấy đi nữa, thì chị rất cam lòng chịu đựng, chứ không thể nào chị dám mong con ốm để lấy lý thực mà đỡ đòn.

Đến sân nhà, chị lắng tai nghe. Không thấy, một tiếng động.

Nhưng thoạt bước vào cửa, chị đã thấy tiếng anh:

- U nó đấy à? Tao mong mãi.

Thì ra anh vẫn còn thức. Và vẫn mở mắt. Vì mong chị hàng phút hàng giây. Chị ứa nước mắt:

- Bố nó chưa ngủ à? Thằng cu thế nào?

- Phải, tao chờ u nó. Thằng cu... không khéo thì hỏng.

Chị rung rời chân tay, nức lên khóc. Chị chạy đến sờ chỗ con nằm. Chị ôm lấy nó, bế vào lòng. Nó nhẹ top. Anh nói:

- Từ chập tối, đâm ra sài uốn ván.

Chị chu lên. Thằng bé giật mình. Chị rung rung, vạch vú kề vào mồm nó. Mấy tháng nay nó thiếu sữa mẹ, nhưng lúc này, nó không bú. Chị lắc cái đầu vú, nhét vào miệng nó. Nó không mút. Chị vắt sữa vào. Nhưng sữa chảy ra ngoài, làm ướt tay áo chị. Nó không nuốt. Và cũng không khóc.

Trong khi ấy, anh Bao thổi lửa ở bếp. Ánh sáng lập loè chiếu vào mặt con. Chị không ngờ nó gầy thế. Hai hàng nước mắt chị dòng dòng. Chị hỏi:

- Có cho con thuốc thang gì không?

- Có khối người mách thuốc. Tôi cũng nhờ cả đi tạ mộ rồi.

Chợt chị Bao nghĩ đến cái bát hương chiều hôm ba mươi tết. Chị lại nghĩ đến thằng bé con con Tần. Thằng bé đầy hơn con chị và từ ngày được bú sữa chị, thì chơi ngoan. Nhưng không biết giờ này nó ngủ yên, hay đương khóc. Tay bế con mình mà bụng lo cho con người, chị thấy tủi cực quá. Chỉ tại bốn thùng thóc nợ. Chị nghiến răng:

- Đòi ơi là đòi!

Thằng bé lên cơn sài. Nó cứ trợn mắt, rướn cong người lên. Chị nhìn con, mặt nhăn nhó. Nhưng chị không thể đau đớn thay nó. Một lát, chân tay nó giật. Anh khóc. Chị khóc. Thằng bé lịm đi. Chị lay nó. Anh lay nó. Hai vợ chồng rung rung nước mắt nhìn nhau. Thằng bé chết.

Không rõ lúc bấy giờ chị cảm hờn địa chủ, hay oán giận cảnh nghèo, hay hối hận tội lỗi không nuôi con, hay thương thằng bé chết đói, chị nằm lăn ra đất, đập chân, đập tay và kêu trời. Nhưng anh ngăn:

- Dừng làm âm lên, hàng xóm láng giềng sang, thấy u mày thì không tiện. Bây giờ u mày cứ lại về đặng ấy. Sáng mai tao đến báo tin, rồi hãy về ở lâu.

Chị cho là phải, lau nước mắt, ngồi dậy, và đứng lên. Chị nhìn con, nhìn chồng, nhìn nắm gạo tám. Gan ruột chị như bị đứt từng đoạn. Chị vừa thút thít vừa ra hè, xuống sân rồi ra cổng.

Chị về nuôi cháu con mẹ địa chủ, để trừ bốn thùng thóc nợ, để nó đỡ đái lần thứ hai vào bát hương và để nó khỏi đào mả bố.

Cho nên ra đến đường, chị rảo bước. Chị đi vội, vì lo thằng bé đói và khóc, sợ chúng nó biết rằng chị đã lên về nhà.

THẰNG GIẢNG VỚI ĐẢNG

Ngày Tổng khởi nghĩa năm 45, sau cái buổi sáng thẳm Giảng xám như gà cắt tiết, run như cây sậy, ra nhà Hội đồng cũ, để nộp trả triệu cho dân, thì nó lo ngay ngáy. Trong thời gian liếm gót giầy đế quốc, nó đã phạm rất nhiều tội lớn với Cách mạng, với nhân dân. Đáng lý, nó phải trừng trị nghiêm khắc. Nhưng không rõ tại sao, nó chưa bị bắt bớ gì. Nó nằm im để chờ đợi và nghe ngóng. Một tháng, hai tháng, ba tháng, khi hỏi dò, biết đích là không việc gì, nó sung sướng, ca tụng mãi Chính phủ Cụ Hồ khoan hồng.

Ngày trước, hồi Pháp thuộc, thằng Giảng là đứa lung bắt Cách mạng dữ dội nhất huyện. Nó đã đưa thằng tuần phủ chó săn, là Cung Đình Vận, đem lính khố xanh về Bờ mác, vây bắt thiếu tướng Chu Văn Tấn. Khi không bắt được, nó đốt cả xóm, cháy ba mươi một nóc nhà. Chính tay nó dơ súng, bắn chết hai anh cán bộ, là Tâm và Tính, rồi bê đầu hai anh ra chợ. Minh hai anh thì nó bắt chôn riêng hai hố xa nhau. Nó bảo để xuống âm phủ, khỏi liên kết với nhau, làm giặc ở dưới ấy.

Nó chúa ghét cộng sản, vì nó thấy các quan trên nhà nó bảo cộng sản là cộng vợ, cộng chồng, cộng tiền, cộng ruộng, vô gia đình, vô Tổ quốc.

Nó bảo cộng sản lên thì nó hết cơ nghiệp. Nó cho các cơ nghiệp hiện nay, là do nó làm thêm ra nhiều, chứ chả cứ gì do ông cha nó để lại. Nó làm thêm ra bằng cách hà hiếp cả

làng để ăn tiền, chiếm ruộng, bóc lột sức lao động của nhân dân. Và, vì tranh nhau gia tài với các em, nó đã phải mấy năm trời, hao tài tốn của để theo kiện. Vì thế, nó nhận cái cơ nghiệp ấy là của nó.

Cho nên, tuy nó ca tụng Chính phủ khoan hồng, mà nó vẫn sợ. Nó đã mất quyền rồi, nay mai nó mất nốt lợi nữa, thế là hết.

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến, nó nghe người ta kể chuyện giặc Pháp đến đâu cũng giết người, cướp của, đốt làng và hiếp phụ nữ. Mới đầu, nó không tin. Nhưng khi thấy nhiều người nói quá, nó chắc đúng sự thực, thì nó lại không muốn nghe nữa. Bởi vì nó thấy không khác gì ngày xưa, bọn công sứ công sành, tri phủ, tri huyện, và những thằng gọi là ông chủ, là kỳ hào, cũng tàn ác, ăn tiền, chiếm ruộng, không kém. Nhiều đứa còn đem vợ đem con hiến cho Tây để lo công danh. Thằng nó nằm với vợ thằng kia. Có đứa khốn nạn hơn, ngủ cả với con dâu, con gái.

Bây giờ giặc đến đâu lập tề, thì y như bọn nhà giàu và kỳ hào cũ ra hàng, và xin làm đây tở đắc lực. Những thằng Bảo Đại, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Hữu Trí, và biết bao nhiêu quan lại cũ và địa chủ, đã theo Pháp làm bù nhìn bán nước.

Nó biết bọn ấy táng tận lương tâm, vô liêm sỉ nên nó ngượng. Vì nó cũng là kỳ hào cũ.

Nó ở vùng tự do, nên được nghe nói nhiều về Đảng. Đảng đã lãnh đạo cuộc Cách mạng đánh Pháp đuổi Nhật, giành độc lập cho Tổ quốc. Chưa bao giờ nó thấy một anh cán bộ nào bị đeo tiếng hối lộ và hủ hoá. Phần nhiều được dân yêu, dân tin, dân phục. Chính nó cũng không bôi xấu các anh ấy vào đâu được. Bảo các anh ấy cộng vợ, cộng chồng, cộng tiền, cộng ruộng, vô gia đình, vô Tổ quốc, thì

không đúng tí nào. Trái lại, chính những thằng đồ tội cho người ta như thế, lại là những thằng đại thủ phạm. Chỉ có mỗi điểm nó chê các anh ấy được, là anh nào cũng ăn và mặc khổ quá. Nó thường nghĩ:

"Lãnh đạo mà chỉ đem quyền lợi cho người khác, thì đảng này chả đại".

Theo ý nó, lãnh đạo thì trước hết, phải đem quyền lợi cho bản thân. Có như thế, hãy nên vào Đảng. Đạo năm 47, nó vào hội Liên Việt. Nó nghĩ: "Vào thế cho Chính phủ khỏi nghĩ".

Một đôi khi, nó gặp anh cán bộ ở tỉnh về. Nó đoán chắc anh này phải là đảng viên, vì anh ấy bàn bạc công việc đâu ra đấy. Ở xã, thì những người trong các cơ quan, đoàn thể, toàn là mới học việc, không thông thạo như chúng nó ngày trước. Hơn nữa, những người này, ngày trước nó vẫn gọi là thằng. Thế mà bây giờ nó phải nể họ. Nó nảy ra ý nghĩ: "Ông mà nắm quyền lãnh đạo ở xã, thì ông bỏ rọ tất cả chúng mày!"

Thế là nó làm thân với anh cán bộ. Nó mời anh ấy đến nhà. Nó khoe đã bỏ ra nhiều tiền để ủng hộ bộ đội, ủng hộ du kích, ủng hộ Bình dân học vụ, vân vân. Nhiều lần nó kể lễ tâm sự và tỏ ý rất hối hận những tội lỗi cũ, và muốn làm việc nhiều để phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân.

Chẳng bao lâu, thằng Giảng được vào Đảng.

Vì nó là đảng viên duy nhất ở xã, nên nó hợp ghép với chi bộ xã ở bên cạnh. Nó tuyên truyền Đảng, và kết nạp đồng chí.

Đến năm 48, xã nó được sáu người: Chánh hội Khoa, lý Kiện, phó tổng Thiệu, phó lý Duy và Cả Tụng, là con hàn Bái.

Chi bộ xã nó được sinh hoạt riêng. Nó được làm bí thư Chi uỷ.

Năm 49, Chi bộ thi đua phát triển đảng viên, đã có tới mười tám người, toàn là địa chủ, phú nông, cường hào cũ, những người vào cánh với nó, hoặc anh em, con cháu, dâu, rể bọn ấy.

Thế là vui vẻ.

Dần dần, thằng Giảng thay thế những người trong Ủy ban chính quyền và trong ban Chấp hành các đoàn thể bằng những đảng viên thân thiện với nó.

Nó chỉ giữ chức bí thư Chi bộ, nhưng có quyền làm mưa làm gió trong làng. Nhưng mỗi lần Chi bộ họp, thì thằng Giảng thấy có một sự phiền. Là không có người sửa soạn bàn ghế để ngồi, và khi các đồng chí khát, thì không có nước uống. Vả lại, những buổi họp kéo dài, giá được điếm tâm cái gì cho đỡ đói thì thú hơn.

Vì vậy, nó cần một người phục vụ. Nó nảy ra ý kiến là kết nạp anh Ngân, vì anh ấy là cố nông, cần cù, được nhiều người yêu mến.

*

* *

Anh Ngân được kết nạp vào Đảng. Anh sung sướng quá.

Hôm làm lễ tổ chức, anh run run, phát biểu ý kiến:

- Tôi vẫn nghe nói Đảng mưu lợi ích cho dân nghèo chúng tôi. Tôi cố tìm đến Đảng. Nay tôi được vào Đảng để phục vụ cho giai cấp cần lao, đem hạnh phúc cho nhân dân, tôi thấy như từ nay trở đi mới được làm người.

Anh quên phứt rằng anh là người duy nhất của giai cấp bị bóc lột ở trong một đoàn thể mà toàn giai cấp bóc lột nó chui vào.

Hôm sau, thằng Giảng giao việc:

- Mà còn trong thời kỳ dự bị, mà phải hết lòng hết sức phục vụ Đảng. Đảng còn phải thử thách mà lâu lâu. Mà mới vào Đảng, công tác chưa biết gì, thì hãy làm việc nhẹ. Mà làm giao thông cho Chi bộ. Khi có họp hành, mà phải bày biện cho đủ chỗ ngồi, quét tước bàn ghế cho khỏi bụi bặm, kiếm cái điếu, cái đóm, mượn ấm chén, đun nước, và nếu cần ăn uống, thì phải mượn bát đĩa, mâm nôi, làm gà, làm chó, nấu nướng cho ngon lành, sạch sẽ, chứ không luộm thuộm được như ở nhà mà đâu. Bây giờ là đảng viên rồi. Phải gương mẫu. Bên Nga, bên Tàu, đảng viên dự bị cũng phải thế.

Nghe nói ngần ấy câu, nhất là bị gọi bằng mà, anh Ngân bực mình. Anh đáp:

- Thưa đồng chí...

Không để anh nói nốt, nó dơ tay ngay:

- Trong đảng với nhau, thì gọi nhau là đồng chí. Nhưng đó là trong buổi họp kia. Ngoài ra, mà vẫn là mà, tao vẫn là tao, thế mới giữ được bí mật và kỷ luật của Đảng. Bình đảng quá, lỗ người ta nghe tiếng, người ta cười cho.

Anh ngơ ngác, không hiểu. Nó tiếp:

- Vả lại mà còn dự bị, chưa được gọi cấp uỷ bằng đồng chí.

Anh càng không hiểu.

*

* *

Buổi họp đầu tiên mà anh được thằng Giảng triệu tập đến, mục đích để làm gì, anh không rõ. Anh chỉ được biết là nó lấy quỹ, đưa cho anh đi mua rượu, kẹo, bánh, thuốc lá, thuốc lào và đôi gà. Nó bảo muối và gạo thì đảng viên tự túc. Còn đồ gia vị như hành, ớt, vân vân, thì đảng viên tự giác tự nguyện xung phong ủng hộ.

Cả buổi họp, anh ở dưới bếp.

Không rõ chúng nó bàn nhau những gì. Nhìn lên, anh thấy thằng thì ngồi, thằng thì nằm. Cũng có thằng ngủ. Thỉnh thoảng nó gọi anh chằm đóm. Và khuyen bận sau, nên kiểm cái đèn con, thì tư tưởng mới tập trung được vào trọng tâm công tác.

Anh chẳng hiểu tràng chữ ấy nghĩa là thế nào, nhưng đoán là để thì giờ mà làm chén cho chúng nó.

Anh ức lắm. Vào Đảng thế này thì làm cái gì, phục vụ ai? Nhưng nghĩ đến mình là dự bị, nên anh không dám phản đối.

Khi mâm rượu dọn ra, anh để cả bát đĩa phần anh vào. Nhưng cả ban Chi uỷ không tán thành cho anh ăn chung, lấy lý do là anh góp ít, và còn phải hầu vật.

Anh phải chịu.

Anh chú ý nghe câu chuyện chúng nó nói, biết là chúng nó thảo luận việc tạm cấp công điền công thổ. Chúng nó tranh nhau ruộng tốt, không hề đả động gì đến bản cố nông.

Anh nghĩ:

"Họ thừa ruộng rồi mà còn cứ tranh nhau lấy thêm ruộng, là bất công, là làm mang tiếng Đảng".

Rồi nói:

- Theo ý kiến tôi, công điền công thổ phải cấp cho những người thiếu ruộng cày trước hết.

Thằng Giảng quát mát:

- Mà biết gì? Mà muốn chống cấp uỷ phỏng?

Anh yên lặng, xuống bếp, vừa đi vừa dẫn:

- Mà!

Tối hôm ấy, trước khi giải tán, hội nghị phê bình và tự phê bình để rút kinh nghiệm. Thăng Giảng, làm chủ tịch, phát biểu:

- Tất cả đều ưu điểm, duy có cơm là khuyết điểm. Thứ nhất là thiếu lá chanh. Thứ hai, là nước luộc gà mặn quá. Nguyên nhân là do đồng chí Ngân không chú trọng công tác. Công tác làm bếp cũng là để phục vụ Đảng, vì có thực mới vực được đạo. Như vậy là đồng chí thiếu tinh thần trách nhiệm. Lần đầu, hội nghị hãy tạm phê bình. Lần sau, nếu tái phạm, sẽ đưa đồng chí ra cảnh cáo và có thể khai trừ, vì đồng chí mới là đảng viên dự bị.

Anh Ngân xin chịu lỗi, hứa sửa chữa, nhưng tức lắm.

Anh chán nản, muốn xin ra Đảng.

Nhưng anh nghĩ:

"Đảng lãnh đạo kháng chiến cho nước hoàn toàn độc lập, cho dân được sung sướng, không có lẽ đảng viên nào cũng như bọn này, thì ai tin Đảng nữa? Chắc họ láo, dùng Đảng để lấy vây cánh cho dễ áp bức bóc lột nhân dân".

Anh định hể gặp anh cán bộ ở trên về thì hỏi.

Nhưng anh lại sợ uy thế chúng nó. Vì anh chưa được tuyên bố chính thức. Rồi anh đắn đo:

"Xin ra Đảng thì thỉnh thoảng không mất cả ngày cơm nhà, đến hầu hạ, đỡ bị họ bắt nạt, khỏi bực mình thêm. Hay là ta giới thiệu nhiều người như ta vào Đảng, để ngăn họ khỏi làm mang tiếng Đảng".

Anh tìm bản cố nông tốt, đề nghị với thăng Giảng kết nạp. Nhưng nó mắng:

- Là đảng viên mà không thuộc điều lệ! Dự bị có quyền giới thiệu à? Rồi hôm nào họp Chi bộ đem việc này ra mà kiểm thảo. Quân ngu, vô học có khác, cho vào Đảng chỉ nặng mình!

Anh càng chán nản, càng muốn xin ra Đảng để khỏi bị khai trừ, thì nhục.

Một lần, anh xin ra Đảng thật. Nhưng không được. Nó bảo:

- Ra để lộ bí mật, để phản Đảng à?

Nhưng chủ ý nó muốn giữ anh là để hâu hạ chúng nó.

Anh như bị mắc vào cạm. Quá thời hạn dự bị đã lâu, anh không dám nhắc nhở. Đến mãi hơn một năm, một hôm, nó gọi anh đến để trách:

- Tôi thì lắm công tác, cho nên những việc lặt vặt như việc tuyên bố chính thức cho đảng viên dự bị, tôi quên mất, thế mà đồng chí cứ yên. Như vậy là khuyết điểm, thiếu đảng tính. Tôi phê bình đồng chí điểm đó.

Lần này là lần thứ hai, nó bảo anh thiếu đảng tính. Anh chẳng hiểu đảng tính thế nào. Nó tiếp:

- Kể ra, đồng chí từ khi vào Đảng, cũng nỗ lực công tác. Để rồi hôm nào tôi triệu tập ban Chi uỷ, tuyên bố chính thức cho.

*

* *

Từ ngày cầm quyền lãnh đạo, thằng Giảng hoành hành không coi ai ra gì. Nó hách hơn trước. Nó bắt nạt cả làng. Ai cũng oán nó, nhưng ai cũng sợ nó.

Năm 49, Chính phủ mua thóc định giá. Đáng lẽ nó bán bốn tạ. Nhưng vì giá thóc ở thị trường cao hơn của Chính phủ định, nên nó chỉ bán một tạ. Còn ba tạ nó bắt nhân dân gánh thay.

Về việc mua thóc này, nó loè dân, bắt bán rất nhiều. Nhưng ai hối lộ, thì nó mua ít. To nhất là món nó cùng thằng Khoa, chủ tịch xã, lấy một nghìn đồng của ông Hội,

trung nông, và món hai nghìn đồng, của ông Được, bán nông. Hai thằng chia nhau, mỗi đứa một nửa.

Thóc mua về thì tốt, nhưng nó đổi thứ xấu của nó, rồi giao cho dân xay để bộ đội ăn. Nó bắt dân nộp riêng cho nó mỗi tạ là hai cân, nói rằng trừ hao hụt. Trước khi nộp kho, nó trộn sỏi để ăn bớt một trăm bảy mươi cân gạo. Nó lấy cái hòm gian ở ngoài đình về đựng gạo, rồi chiếm làm của riêng.

Khi Chính phủ trả tiền thóc, nó đổi lấy tất cả giấy trăm đỏ mới, đùn toàn bạc rách cho nhân dân. Nhân dân kêu. Nó bảo đó là lỗi của Chính phủ.

Năm 1951, nó gọi thuế nông nghiệp là thuế tuyệt nghiệp. Khi chỉnh lý, nó thiếu sáu tạ, nhưng nhất định dây dưa, mãi tháng ba năm sau, mới nộp hết. Nó biết nhân dân đem thóc đi nộp thuế bao giờ cũng gánh thừa, nên không lần nào nó đem đủ phần của nó. Thiếu bao nhiêu, nó vay chỗ thóc thừa của nhân dân. Như vậy nó đỡ công gánh. Và khi nhân dân đòi, thì phải đến nhà nó mà lấy. Nó gạt thóc xấu và cân gian để trả. Nhiều người khóc dở mếu dở. Năm 1952, nó kêu hết thóc nộp thuế, để gán cho Ủy ban xã một con trâu đực già và một con lợn nái, bằng giá rất đắt. Để nhẹ thuế, nó sang tên con trai nó hai mẫu năm sào mười hai thước, và cho em ruột nó mượn một mẫu hai sào. Nó lại khai man diện tích và sản lượng. Nó khai man cả nhân khẩu: Nghị định nói rằng ai chết từ ngày 1 tháng 7 trở về cuối năm, thì vẫn được tính nhân khẩu thuế nông nghiệp. Thằng con nó chết từ tháng 6, nhưng nó khai là tháng 7.

Nó không cho vợ nó đi dân công bao giờ. Nó sợ khó nhọc và nguy hiểm. Nó bảo vì Bí thư Chi bộ bận công tác Đảng, nên kể cũng như thoát ly. Thì vợ được kể như chủ gia đình,

được miễn dân công. Con nuôi nó cũng được miễn, vì nó bảo là cần vụ và tự vệ cho Bí thư. Sự thực, nó sợ mất việc nhà của nó. Nó xui em ruột nó đi đến nửa đường thì nên cáo ốm mà đòi về. Nhưng anh Năng, cố nông, què chân, thì nó bắt đi. Anh xin ở lại thì nó đưa ra toà án, xử ba tháng tù, về tội chống kháng chiến.

Ngoài anh Ngân ra, nó nhất định không kết nạp vào Đảng thêm bần cố nông nào, trừ họ hàng và tay sai của nó. Nó bảo Đảng không cần người không có văn hoá, không có gia sản. Cho những hạng khố rách áo ôm, i tờ không biết, vào Đảng, chỉ tổ làm xấu Đảng.

Đó là những việc cả làng biết. Riêng anh Ngân còn biết nhiều hơn người làng. anh biết cả hai tội lớn nữa, mà nó bắt anh phải theo kỷ luật Đảng mà giữ bí mật. Nó dọa hễ tiết lộ ra, thì nó khai trừ ngay.

Việc thứ nhất, là vào năm 1951, nó giết một anh bộ đội, để chiếm đoạt một triệu rưỡi bạc, và đốt kho, để vu oan cho anh ta, ăn cắp ba tấn gạo của Chính phủ.

Nguyên một buổi chiều, nó ra đường làng, ngồi chơi ở hàng nước. Một anh bộ đội đi công tác cũng vào nghỉ ở đấy. Anh kêu sốt. Khi anh mở ba lô ra để lấy thuốc, thì nó trông thấy một tập giấy bạc rất dày. Nó lập tâm lấy. Nó mời anh về nhà. Anh tưởng đó là tình quân dân nhất trí, nên theo nó.

Đến đêm, anh lên cơn rét, đắp chăn, kêu rên, mê mẩn. Nó làm ra bộ sẵn sóc, trùm chăn kín đầu cho anh. Thế là nó cầm chiếc búa đánh, đánh vào gáy anh một cái thực mạnh.

Cho là anh chết, nó thay cho anh bộ quần áo nâu, kéo anh ra đến nhà chứa thóc của Chính phủ, rồi gọi anh Ngân đến, làm ra vui vẻ, nói:

- Đây là thằng ăn trộm thóc công, đã bị trừng phạt xứng đáng. Đồng chí là đảng viên, chắc cũng đồng tình với tôi, là ta phải thẳng tay trừ lưu manh. Tôi không muốn để người ngoài Đảng biết việc này, vì họ không thông chính sách như đồng chí. Vậy đồng chí đến chôn nó hộ tôi. Chôn ngay và chôn ở góc vườn. Mai tôi sẽ báo cáo thành tích của tôi với Huyện uỷ.

Anh Ngân nghi.

Khi ôm xác anh bộ đội, bỗng anh thấy anh này còn ú ớ nói.

Thằng Giảng sợ quá, vội vàng sai anh Ngân đi đào hố. Một mình ở lại, nó bồi thêm cho anh bộ đội một búa nữa, vỡ sọ, lòi óc ra.

Anh Ngân biết rõ mưu mô của nó, nhất định không chôn. Anh đòi báo cáo với Chi bộ. Nhưng nó nói cứng:

- Chi bộ cũng là tôi. Đồng chí muốn chống lại chính sách của Đảng thì đồng chí bảo.

Hơi một tí là nó giơ Đảng với chính sách ra loè, nên anh Ngân không biết trả lời thế nào được. Anh đành khênh anh bộ đội đi chôn. Nhưng khi đương làm việc, anh lảng lạng trở lại gần buồng nó, nhìn qua kẽ cửa, anh thấy nó đếm tiền, cạnh đó là chiếc ba lô. Không thể để yên cái thằng khốn nạn nó đang tâm giết một người cầm súng cứu nước, để ăn cắp tiền của Chính phủ. Anh đẩy mạnh cửa, xông sộc vào, bắt quả tang. Thấy anh, nó giật mình, nhưng giữ ngay được bình tĩnh. Nó phân trần là thằng lưu manh ăn mặc giả bộ đội. Muốn mua chuộc anh, nó cho anh bộ quần áo ka ki. Nhưng anh nhất định không lấy và lập tâm điều tra xem thực hư thế nào, để rồi báo cáo cấp trên. Đến nửa đêm, nó đốt một cái nhà lá cũ của nó vẫn bỏ không. Rồi hôm sau, nó phao tin là cháy mất kho thóc chứa ba tấn

gạo của Chính phủ gửi ở đây. Nó trình Ủy ban chứng nhận.

Mấy hôm sau, thấy có người đi hỏi thăm để tìm tung tích một anh bộ đội mang theo một triệu rưỡi đi, rồi mất tích. Anh Ngân đem việc gian ác của thằng Giảng ra tố cáo.

Khi cấp trên về điều tra, thằng Giảng vẫn bình tĩnh như thường, nói là người ta đổ oan cho nó giết bộ đội để chiếm của và chôn ở vườn. Khi người ta khám vườn, đào chỗ chôn anh bộ đội, thì không thấy xác đâu.

Về việc này, ngay hôm đầu, nó kể công là có tên phản động len vào kho gạo của Chính phủ để đốt, bị nó bắt được và đánh chết.

Nhưng sau, sợ anh Ngân tiết lộ bí mật, nên nó khôn ngoan, thủ tiêu xác anh bộ đội đi mất. Nó không dám nói là đánh chết nữa, mà là tên phản động chạy trốn được. Còn việc anh bộ đội mất tích, thì nó không dả động đến, nhưng mắt anh Ngân đã trông thấy sự thực, và nhận rõ trước sau nó nói hai phách khác nhau, vì thế nó sợ anh.

Nó dọa:

- Tôi với anh cùng là đồng chí. Tôi lại là người giới thiệu anh vào Đảng, nên có trách nhiệm theo dõi, giáo dục anh. Việc tôi làm hôm nọ minh bạch như ban ngày. Pháp luật đã chứng thực rõ ràng. Anh chớ nên có tư tưởng sai lệch về tôi. Từ nay, ai còn xuyên tạc việc ấy ra thế khác, sẽ bị tòa án quân sự trừng trị nghiêm khắc về tội phản tuyên truyền.

Anh Ngân cố tìm xác anh bộ đội để vạch tội của thằng Giảng, nhưng không sao thấy được. Thế là nó ăn ngon ba tấn gạo và một triệu rưỡi bạc của Chính phủ.

Việc thứ hai của nó là năm 52, khi ta mở chiến dịch Tây Bắc, thằng Giảng biết quy luật chiến tranh, đoán thế nào địch cũng nhảy dù một nơi nào đó, hòng phân tán lực lượng của ta, để đỡ đòn cho chiến trường chính. Chắc hẳn nó mong vùng nó được giặc đến, để nó được làm chó ngựa như bọn thằng Bảo Đại, để lấy lại quyền lợi xưa. Nên nó sửa soạn đón giặc. Nó lấy ở trên trần cái ảnh mặt phèn phẹt của thằng bù nhìn, lau chùi cho hết bụi, đóng vào khung kính cẩn thận, rồi cất đi. Nó lại may cờ trắng. Rồi nó họp Chi uỷ, phân công nhau đi mua gạo và lợn, để tích trữ ở nhà nó. Anh Ngân hỏi thì nó nói:

- Đây là chiến thuật để cứu dân cứu làng.

Nghĩa là nó chuẩn bị bán nước. May mà thằng Pháp không lên, nên làng nó thoát khỏi tan tành vì bị đốt, cướp, giết, hiếp.

Chỗ gạo ế, bị mốc, nó đem cho dân vay.

Anh Ngân biết nó tấp tễnh làm Việt gian, nhưng sợ nó đổ tội là chống cấp uỷ, chống chủ trương của Đảng, nên không dám báo cáo cấp trên. Anh chỉ nghĩ: "Không khi nào Đảng lại hàng giặc. Những thằng này chỉ là những đứa đội lốt đảng viên để làm hại thanh danh Đảng".

Anh thấy cần thiết ở lại Đảng, để cản tay chúng nó lại. Dù anh thân cô thế cô, nhưng nhất định anh phấn đấu.

Năm 53, có sắc lệnh triệt để giảm tô. Thằng Giảng xui bọn chúng dìm đi. Nhưng anh Ngân biết. Anh đi cổ động nông dân, rủ nhau thật đông đến nhà nó, đòi thi hành sắc lệnh.

Nó chịu nhượng bộ.

Từ đó, nó thấy rõ anh Ngân là người nguy hiểm cho nó, nhất là nay mai lại phát động quần chúng. Vì nó am hiểu chủ trương, nên nó bắt đầu ăn mặc rách rưới và kêu túng

bán. Nó cho vợ nó đi xin rau, xin tương, của nhà bản nông. Nó ngọt ngào với mọi người, để tuyên truyền:

- Làng nào chứ làng này thì làm gì có địa chủ mà phát động với phát địa. Đảng vừa quy định tôi là bản nông tích cực.

Đối với anh Ngân, nó dùng thủ đoạn thâm độc hơn. Nó khen anh là tiến bộ, là có triển vọng, phải nhận một công tác khác, hợp với khả năng hơn, cho khỏi phí người.

Thế là nó vận động để anh Ngân được điều đi một công trường tận Lạng Sơn.

Tổng anh đi xa, thằng Giảng đỡ được mối lo, một kẻ thù. Nó tiếp tục mơn trớn nông dân. Nó đến từng nhà, nói chuyện:

- Chúng ta thân mật với nhau hàng mấy đời rồi. Có cái gì không nên không phải, thì ta đóng cửa bảo nhau. Chả nên tố cáo nhau ra làm gì. Ta nên giữ lấy đức về sau cho con cháu hưởng. Không nên gây oán gây thù nhau ra làm gì. Chúng ta ăn ở với nhau lâu dài. Cán bộ chỉ về một thời gian rồi lại đi. Vả lại, cán bộ cũng là đảng viên như tôi, chứ xa lạ gì. Tôi tự phê bình trước kia có ít nhiều khuyết điểm. Nhưng trước không phải thì nay phải. Bây giờ tôi là bản nông rồi. Nay mai phát động, chúng ta cùng đấu tranh cho giai cấp chúng ta được sung sướng. Đời tôi cũng đại lao đại khổ, bị áp bức bóc lột rất nhiều. Cho nên từ khi vào Đảng, tôi hết sức bênh vực quyền lợi cho nông dân. Tôi đã hy sinh nhiều quá, nên bây giờ hai bàn tay trắng, bữa nào cũng phải ăn độn, mùa rét không còn chăn mà đắp. Có ít ruộng, tôi bán và cho đi tiết rồi. Bây giờ thật là vô sản. Nay mai, tôi đề nghị xin công tác thoát ly. Tôi còn mấy cái nhà gạch đó, anh em ai muốn đến ở thì ở. Đồ đạc tôi để lại tuốt, ai muốn dùng, cứ lấy về mà dùng.

*

* *

Đội công tác phát động quần chúng giảm tô đợt I về xã, dựa vào ban chi uỷ để nhờ giới thiệu bản cố nông tốt. Nhưng đội gặp toàn những người không trong sạch. Cho nên, ở nửa tháng rồi, mà không sao phát hiện được tội ác của thằng Giảng. Cũng không tìm ra được thằng địa chủ nào là đầu sỏ.

Là vì thằng Giảng đã khéo cài tay sai để bao vây Đội mắc vào tổ kén. Nhưng đồng chí đội trưởng sáng suốt, sau khi nghiên cứu lịch sử chi bộ xã, đề nghị toàn Đội nhất định chịu đi đường vòng, bỏ rế cũ, tự lực bắt rế mới, và đồng thời, gọi đồng chí Ngân về xã.

Đồng chí Ngân về, yêu cầu Đội trấn áp ngay thằng Giảng. Từ đó, nhân dân phấn khởi, tố cáo hết tội ác của nó.

Những thằng địa chủ cường hào, gian ác, phản động, đội lột đảng viên, lợi dụng danh nghĩa Đảng để bôi nhọ Đảng, đều bị xử trí thích đáng.

Những bản cố nông lịch sử trong sạch, được nhân dân tin yêu, kiên quyết đấu tranh, được bồi dưỡng trong phong trào, thì được kết nạp vào Đảng.

Hôm nghe toà án nhân dân đặc biệt tuyên bố án thằng Giảng, mấy nghìn người đồng thanh hoan hô và vỗ tay đến mười phút.

Rồi tất cả kêu không ngắt:

- Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!
- Hồ Chủ tịch muôn năm!
- Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

TRUNG THÀNH

Hồi còn thực dân Pháp thống trị, không biết nịnh hót giỏi thế nào, mà thằng Mai, từ là một chú bé con kéo quạt ở trong trại binh, nó làm được đến tuần phủ một tỉnh. Chắc hẳn nó phải phản dân, phản nước ghê gớm đến thế nào mới được. Để thưởng mỗi thành tích của nó, quan thầy nó gắn cho nó một cái mẽ đay. Nó có cả thấy bảy chiếc, đeo choáng cả ngực. Cái dấu hiệu nhục nhã nhất của đời làm quan nó, là cái Bắc đầu bội tinh, thì nó lại cho là vinh dự nhất. Nó khoe mãi đó là phần thưởng cao quý nhất của "chính phủ" đền công cho các quan "An nam", mà chỉ từ hàng tổng đốc trở lên mới được. Sở dĩ nó được thưởng mẽ đay đó, là vì năm đó nó ở Thái Nguyên, đã có công dẹp cộng sản rất đắc lực.

Thường nói chuyện với bạn đồng liêu, nó tiếc sinh không hợp thời. Giả thử nó sinh sớm hay muộn bốn mươi năm, thì nó còn làm to hơn "cụ Hoàng Cao Khải..." - Cụ Hoàng Cao Khải của nó là loại Việt gian bán nước số một, được Tây cho làm Kinh lược Bắc Kỳ và được thưởng hàm Quận công.

Năm 1930, sau ngày Khởi nghĩa Yên Bái, nó nghe chuyện giặc Pháp đem máy bay đến triệt hạ làng Cổ am, vì làng ấy chứa cách mạng. Một tên tổng đốc về hưu, ở làng, lo sợ bom đạn dội xuống nhà mình, bèn mặc mũ áo đại triều, đeo tất cả mẽ đay, ra ngồi ở sân. Khi thấy máy bay liệng đến gần, thì nó nâng cái mẽ đay Bắc đầu trên gan bàn tay, giơ lên cao, để các quan ở trên trông rõ. Thằng Mai phục và khen mãi bạn là thông minh, nhanh trí khôn.

Cho nên sau ngày Tổng khởi nghĩa, người ta khuyên nó đốt mẹ cả mũ áo lẫn mề đay đi, thì nó không nghe. Nó dấu tất cả lên trần nhà. Bởi vì nó tiếc sự nghiệp làm giàu làm sang của nó, nên giữ lại để kỷ niệm, làm gương cho con cháu. Biết đâu sau này không có lúc lại dùng.

*

* *

Trong thời kỳ kháng chiến, để thúc đẩy tính lưu manh của quân lính, thỉnh thoảng giặc Pháp kéo đến các làng gần vị trí để cướp của và hiếp phụ nữ. Đối với nguy binh, thì chúng đặt ra ba hạng vé để bán. Hạng 20đ, hạng 50đ và hạng 100đ. Đứa nào mua hạng nào phải trả tiền trước, mới được đi. Và tùy theo giá vé, chúng được chia nhiều hay ít, hoặc hiếp những người đẹp hay xấu. Cũng có thằng mua vé mà về không được gì, hoặc vợ phải cái váy đụp, thì chửi nặng cả cấp chỉ huy. Rồi bất kể cả kỷ luật, nó ra phố, xông bừa vào nhà người ta, để ăn lương, chơi quít.

*

* *

Vì quanh miền này luôn luôn bị giặc đến tàn hại, nên nhân dân sống như cá nằm trên trời. Du kích làm vọng gác ở tận trên ngọn cây đa cao để canh. Suốt đêm, họ cật lẫn nhau ngồi trên cái viển vọng tiêu ấy. Ai không phải lượt gác, thì lúc nào lượt đạn, dáo, mác cũng ở cạnh mình, để sẵn sàng bảo vệ xóm làng. Nhưng nhiều người chỉ dám ở làng ban ngày. Từ xẩm tối trở đi, họ phải tản cư đến một nơi khác, cách chừng năm cây số. Họ sợ giặc tới bất thần thì chạy không kịp. Bởi vì chúng có thói đến ngay từ tờ mờ sáng.

Đến lượt làng thàng Mai ở vào tình trạng bị đe dọa.

*

* *

Một buổi sáng, có tiếng súng liên thanh, ở đằng xa. Giặc đến. Người ta chạy rầm rập, gọi nhau đi lánh nạn ời ời. Cả làng tức tốc gõng gánh, dắt díu nhau sang bên kia sông. Người không kịp chèo thuyền bì bơi cố. Có chết đuối cũng còn hơn chết trong tay giặc.

Nhưng thằng Mai bình tĩnh như thường. Nó đã nghĩ và định trước cả rồi. Nó theo gương thằng tổng đốc Cổ Am. Nó quát con cháu, cấm không được chạy. Nó bảo: Đã có tao. Không việc gì mà sợ.

Nó đội mũ giát vàng, mặc áo cổ đồng, đi hia nhung và cầm cái hốt ngọc. Nó đeo đủ mẽ đay trên ngực. Nó bắt vợ nó mặc mệnh phụ, tay bưng hòm sắc. Nó đứng ở cổng, chấp tay sẵn. Giặc tiến đến. Nó khom lưng, vái một cái thật dài.

Thằng chỉ huy người Pháp, mặc quần cộc ống, áo cộc tay, lông lá xồm xoàm, râu ria hung hung, tua tủa như bàn chải, thấy có thằng ăn mặc ngộ nghĩnh, thì nó cau cái mặt tím như quả bồ quân lại, long đôi mắt lên để nhìn, như nhìn một cái quái vật. Nó sai một thằng tùy tùng nấn người để khám khí giới.

Thằng Mai nói tiếng Pháp với thằng Pháp. Rồi gọi vợ mang hòm sắc ra. Nó mở, lấy bằng, sắc, và rất nhiều ảnh chụp chung với bọn toàn quyền, thống sứ, và những thằng mũi lõ khác.

Nó dẫn thằng chỉ huy và bọn tùy tùng vào nhà. Nó mời uống rượu và thết cơm chúng nó. Rồi nó xin một đặc ân:

- Tôi vốn là một tên đầy tớ rất trung thành với Chính phủ Bảo hộ. Suốt ba mươi năm làm quan, tôi lập được rất nhiều công trạng. Những mẽ đay, những bằng sắc đây,

chứng thực cho những thành tích của tôi. Cho nên, tôi tin rằng lính Pháp nhân đạo, và chắc rằng các quan không nô xử với tôi như với dân thường. Vì vậy, không làm như người làng tôi, tôi cấm gia đình chạy trốn. Các quan đến đây thì tôi mừng, cho nên tôi phải mặc phẩm phục, ra đón tiếp. Nếu bận sau, các quan đến làng này, xin cứ vào nghỉ ở nhà tôi, muốn gì cũng có.

Thằng chỉ huy nốc cốc rượu thứ hai xong, nó gật đầu, khen tốt:

- Tốt thì các quan để cho yên. Dân làng không chống lại các quan, thì các quan cũng để cho yên.

- Vâng, chúng tôi hiểu lắm. Quan lớn nhân đức, thế là phúc cho tôi. Nhưng tôi có một điều e ngại. Là nếu quan khác đến đây, thì sợ không được như quan lớn. Cho nên tôi muốn xin quan lớn một cái giấy cấm bận sau quân lính không được vào nhà này. Lý do là nhà của một tên đầy tớ cũ rất trung thành của nước Pháp.

Thằng chỉ huy gật đầu. Nó vắn bút máy và lấy giấy để viết. Rồi nó đưa cho thằng Mai và nói:

- Ông cứ yên trí là từ nay không ai được vào nhà này để quấy nhiễu. Đây là lệnh của cấp chỉ huy, quân đội Pháp rất kỷ luật. Nhưng ông còn phải bảo du kích không được chống lại các quan, nghe chưa.

Thằng Mai khúm núm, giơ hai tay ra đỡ, và cúi rạp lưng xuống để cảm ơn. Nó coi mảnh giấy như đạo bùa hộ mệnh. Trong khi ấy, thằng chỉ huy cùng bọn lính kéo nhau đi xục làng. Độ một giờ sau, lợn, gà, mâm nôi, bát đĩa, và những chiếc bồ nặng, không biết trong đựng những gì, bị gánh kiu kịt đi. Từng chòm nhà tranh, khói bốc lên ngùn ngụt.

Thằng Mai tiến giấc lên đường, thấy làng mạc xơ xác, nó nghĩ đến nhà nó nguyên vẹn, càng tự đắc là khôn ngoan.

*

* *

Một tháng sau, lại có toán giặc đến làng. Nhân dân lại bị một mẻ chạy. Nhưng thằng Mai vẫn bình tĩnh. Nó mặc áo thụng xanh, đeo mề đay, đứng ở cổng đón. Bọn giặc này là bọn giặc khác, chứ không phải bọn trước. Lính đi qua, đọc tờ giấy thì vùng vằng đi thẳng. Thằng Mai cũng mời được thằng chỉ huy vào nhà thết cơm rượu, để tỏ tình chó ngựa trung thành.

Sau khi bọn giặc cướp bóc xong, ra khỏi đầu làng, thì thằng Mai sung sướng cười với vợ con:

- Dân mình còn ngu dốt thế không trách chết cũng phải. Tao đã bảo chúng nó không phải chạy đâu. Cứ vào đây, gửi đồ đạc vào đây, có phải được yên lành không. Còn chỗ trú ẩn nào chắc chắn hơn nhà này nữa? Tao thấy là đánh lại các quan là một, chạy trốn các quan là hai, thế nào cũng chết. Cho nên làng nào còn du kích, thì làng ấy còn bị tai hại.

*

* *

Muốn tỏ cho mọi người biết cái đời làm quan với Pháp của nó còn có ảnh hưởng tốt cho cả nhân dân thời Dân Chủ Cộng Hoà, nên nó bảo các tá điền của nó, rồi nó bảo cả người làng, có gì quý thì cứ gửi nó. Đến khi có báo động, thì cứ vào nhà nó, nó sẽ nhận là con cháu, đầy tớ, thì được yên vẹn cả người lẫn của. Nó khuyên tá điền đừng vào du kích, trả vũ khí cho Uỷ ban. Bởi vì đã có nó bảo vệ làng.

*

* *

Một buổi sáng, có tin giặc tới. Một số người tản cư sang bên kia sông. Một số người chạy tọt vào nhà thằng Mai. Thằng Mai súng sính cái áo gấm. Cái giấy lệnh cấm được đóng khung kính để giữ nguyên vẻ mới, treo ở cánh cổng. Thấy toán lính đến, thằng Mai vái chào, và nâng cái khung bằng hai tay giơ lên. Một thằng giặc đọc xong, nó bĩu môi, nhún vai. Rồi, không biết nghĩ thế nào, nó quật cái khung xuống đất, và hất hàm gọi nhau.

Cả toán giặc kéo ô vào trong nhà. Không phải mất công tìm, tất cả phụ nữ đã tập trung cả ở đây, tất cả cửa cái đã bày sẵn cả ở đây. Tha hồ chúng nó hành động dã man.

Chúng nó bắt thằng Mai ra đứng ở sân. Một tốp khuôn vác đồ đạc. Một tốp hăm hiếp phụ nữ. Và hai tốp thay đổi nhau làm việc. Cả vợ lẽ, con dâu, con gái thằng Mai cũng bị giặc thay nhau làm nhục hàng giờ.

Giặc được món bở. Người đã đẹp, của lại nhiều. Nguyên những đồ dùng của thằng Mai cũng đáng giá hàng vạn hàng triệu. Tất cả những sập gụ, tủ chè ngà voi, đồ thờ đồng, cốc chén bạc, nữ trang vàng ngọc và kim cương, vân vân, là những thứ nó vơ vét của mấy tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hà Đông, Hải Dương, trong đời làm quan của nó, đến nay theo chân giặc tách ra khỏi nhà, trông chất lên mấy xe ô tô cao vòi vọi.

Thằng Mai chết điếng. Vừa tiếc của, vừa ức với lũ lính vô kỷ luật, nó lại sợ người làng oán thù.

Cho nên khi bọn lang sói sắp trở ra, thì nó đi theo, tìm thằng chỉ huy.

Tưởng nó phản kháng, thằng chỉ huy đuổi nó quây quây. Nhưng nó nói:

- Tôi xin các quan cho tôi theo ra Hà Nội. Tôi không thể ở làng được, vì người ta sẽ giết để báo thù tôi. Tôi mất tín nhiệm rồi. Tôi xin các quan bảo vệ cho tôi.

Thằng chỉ huy nhún vai, quay đi. Thằng Mai cứ lẻo đẻo đằng sau. Nó van lạy những thằng lính để xin một chỗ trong ô tô. Rồi cứ trèo bừa lên một chiếc.

Xe ấy đã chất đầy những đồ đạc. Lại còn lính và phụ nữ nữa. Một thằng thấy sống áo thằng Mai thùng thình, thì cầu nhàu, văng tục để chửi. Thằng Mai nghe hiểu, nhưng cố bám chặt lấy cửa xe.

Đi được ba cây số, lũ lính thấy thằng Mai vương vít quá, nên đuổi xuống. Thằng Mai nản nì. Một thằng lính giơ báng súng vào ngực nó để dọa. Không ăn thua. Thì một thằng khác, thực tế hơn, gỡ tay thằng Mai vúi ở cửa, đẩy mạnh nó xuống đường. Xe đương chạy, thằng Mai ngã còng queo. Bốn chân tay co quắp. Cái khăn xếp nhiều tây lẫn lông lóc, méo xệch. Cái áo gấm rách lỗ chỗ thành hoa thị. Mặt mũi nó bị bụi đá bám bết vào với máu, thành trắng xoá, lẫn cả với màu tóc, màu râu.

XÓM BẾN SIM

Xã Bình dân có mười xóm. Xóm nào cũng trên dưới một trăm nông hộ. Duy có xóm Bến Sim là bé nhất, đất rộng người thưa, hai mươi ba gia đình ở lơ thơ, xa nhau, trên khoảng chừng bốn cây số vuông. Xóm ấy trước kia thuộc xóm An ninh. Nhưng từ sau phát động giảm tô, hai mươi ba gia đình này mới rời khỏi An ninh, để lập riêng một xóm, lấy tên là xóm Bến Sim.

Người ta nói là cả cái khoảng rộng của Bến Sim bây giờ, gồm những thửa ruộng lúa nặng trĩu bông vàng, và những con đường màu gan gà lượn từ sườn đồi này sang sườn đồi khác, nối nhà nọ với nhà kia, cho đến tận huyện, tận thị xã, thì ngót ba mươi năm về trước, chỉ là rừng hoang, cây cối rậm rạp, rần rết, cây cỏ rất nhiều. Lắm buổi sáng có cả vết chân cọp.

Người khai thác đầu tiên chỗ đất hoang này, hiện nay là một trung nông có bốn mẫu ruộng. Dân cả vùng vẫn gọi ông là ông Hai Mạ.

Ông Hai Mạ quê ở Gia Lâm, nhà có ba mẫu ruộng vào hạng nhất đẳng điền. Năm 1926, nước sông Nhị Hà lên to và nhanh quá. Nhưng nhân dân vẫn giữ vững những khúc đê xung yếu. Năm ấy, phố Bờ sông chưa được chắn bằng con đê cao như bây giờ, nên nước có thể tràn vào Hà Nội. Muốn cấp cứu thành phố, sở Lục lô Pháp không kịp mở các cống ở Vĩnh Yên. Chúng nó nổ mìn ngay khúc đê ở bên Gia Lâm, đối diện với Hà Nội.

Thành phố trung tâm chính trị thực dân được thoát nạn. Nhưng nước sông Nhị Hà tàn phá bốn tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Phúc Yên, biến đồng ruộng, làng mạc thành một biển nước trắng xoá mất mấy tháng.

Khi nước rút, ông Hai Mạ trở về quê nhà. Ông thấy gia đình chết mất bảy người, duy còn anh thứ ba, với ông, là em thứ tám, sống sót.

Nhưng đế quốc lại nhờ thiên tai đưa phù sa bồi cao cánh đồng thành bãi phẳng rộng, để cắm mấy trăm mẫu làm trường bay.

Bị thêm nhân hoạ, gia đình ông Hai Mạ đương là trung nông, sống cảnh no đủ, thì tự nhiên tụt xuống là cố nông, trong tay không có một thước đất.

Hai anh em ông đành phải gạt nước mắt, rời quê hương, dắt nhau đi ăn mày để lần lên Thái Nguyên, định nhờ người cháu gọi bằng cậu ruột, tên là Đáp, nghe nói bây giờ Đáp đã có ruộng cấy trâu cày.

Sở dĩ anh em ông đến thẳng Đáp, vì nghĩ tình máu mủ ruột thịt.

Hồi còn bé, mồ côi cha, vả bên nội nghèo, nên thằng Đáp được ông ngoại nuôi cùng với các cậu. Năm lớn tuổi, nó đi lập thân, lên tận Thái Nguyên, làm ruộng thuê ở xã Bình dân bây giờ. Ở đấy, nó tằng tịu với con gái thằng Chánh Cóc, rồi lấy nhau, được chia ba mẫu ruộng phát canh thu tô.

Hai anh em ông Hai Mạ gặp thằng Đáp. Trước hết, nó mổ gà thết cơm rượu. Nhưng nó biết hai cậu hiện nay khánh kiệt, đến đây để làm phiến vợ chồng nó, thì nó bắt đầu lãnh đạm. Một hôm, chúng nó giả vờ đi vắng để không thổi cơm. Hai anh em ông đói, vào buồng tìm gạo, nhưng không thấy. Đến quá trưa, anh ông vào bếp, vét nồi cơm

ngươi. Vừa bốc bỏ vào mâm, thì thằng chồng về. Thằng khốn nạn đẩy anh ông ngã dúi, giật lấy cái bát. Nó chửi là quân ăn cắp, tống hai cậu ra khỏi ngõ nhà nó.

Hai anh em ông ôm nhau khóc. Nó suýt chó ra đười. Cái áo của ông chưa đến nỗi rách quá, nay toang hẳn cả cái lưng. Anh ông bị mất một miếng thịt đùi. Ông phải ghé vai vào công, để chạy mới thoát.

Ra đến xa, ông đặt anh ông xuống, nhìn lại nhà thằng cháu tệ bạc, giơ nắm tay, mắt môi nói:

- Rồi đời mày với đời tao, xem ai khổ ai sướng? Mày cậu giàu khinh nghèo. Nhưng anh em tao cậu có hai cánh tay khoẻ. Chúng tao không hèn. Quyết thế nào chúng tao cũng lại có ruộng.

Hai anh em không ăn xin nữa, mà đi nhờ mạ thuê. Vì hiền lành, thực thà, chăm chỉ, nên ai cũng thích mượn. Người ta hỏi thăm nhau để tìm. Vì không biết tên là gì, nên người ta gọi anh em là ông Cả và ông Hai Mạ.

*

* *

Một hôm, ông Hai Mạ bảo với anh:

- Ta không nên làm thuê làm mượn mãi, vì cùng lắm, chỉ đủ ăn hai miệng, mà suốt đời vẫn tay không. Hai bàn tay ta phải làm cho ta thành chủ đời ta, chứ không làm mãi đây tớ người. Bán hết cả sức cho người, thì còn sức đâu mà gánh vác gia đình cho mình được.

Thế là ông bắt đầu đi tìm đất. Một lần, đứng trên núi Đẩu nhìn xuống, ông thấy xung quanh cây cối hoang rậm, nhưng lá rất xanh tươi. Ông lách cày, vên lá, đi thăm, bới đất để xem xét. Ông ngắm một lúc nữa, rồi quyết tâm phá chỗ này để làm thành ruộng.

Hai anh em ăn nhịn để dành mỗi ngày mỗi người bớt ra hai xu, để sắm một đôi dao nạm và một con dao lẹ. Dần dần, mua thêm được cái cuốc. Hai người thay phiên nhau, một người đi làm thuê, một người đi phát rừng. Nhưng được đến hôm thứ ba, thì chẳng may, anh ông bị một đàn ong độc đốt. Cả người sưng vù lên. Bốn hôm thì chết.

Chôn anh xong, ông đau thương quá. Ông nghĩ: Vì thằng Tây nó hại, cho nên thằng cháu nó khinh. Vì thằng cháu nó khinh, cho nên con vật mới có thể giết chết được. Ông căm giận cái nghèo, nó làm người ta thành kẻ chiến bại.

Nhưng ông lại nghĩ: muốn không bại, phải vượt khỏi cái nghèo. Muốn vượt khỏi nghèo, trước hết, phải có ruộng đất.

Ông nhất định không chán nản. Đã không chịu người sao lại chịu vật. Đã không chịu cả người lẫn vật, sao lại chịu cái mưa nắng, rét nực, ngày đêm, lam chướng?

Nhưng anh ông chết. Bây giờ ông chỉ còn một nửa sức mạnh. Thì ông cương quyết làm việc gấp bội. Ông tự ấn định một chương trình, và nhất định theo kỳ đúng. Ông tin tưởng ở sự thành công.

Ban chiều, hết buổi làm thuê, ăn cơm xong, ông mang dao đến chỗ đất đã chọn trước. Ông bắt đầu ngả những cây nhỏ, đánh bật gốc lên, và chặt thành khúc ngắn để cho nắng phơi khô.

Công việc có vất vả, nhưng trông thấy kết quả, nên ông rất vui vẻ. Đạo ấy có trăng, đến nửa đêm mới lặn, nên ông sẵn có ánh đèn thiên nhiên. Một khoảng khá rộng đã được le lói ánh sáng.

Nhưng ông không ham việc quá đến nỗi kiệt sức. Ông nghĩ đến tương lai dài lâu, cho nên mỗi tối, ông không làm quá bốn giờ đồng hồ.

Nhưng không phải đêm nào cũng có ánh trăng đúng vào buổi ông làm việc. Bởi vậy, nửa tháng đầu, ông làm từ chập tối đến nửa đêm, nửa tháng sau, thì từ quá nửa đêm đến sáng. Những lúc trăng chưa mọc mà đã đến giờ làm, hoặc trăng lặn rồi mà chưa đến giờ nghỉ, thì củi khô tích trữ đó, ông đốt lên.

Sau một tuần lễ nỗ lực lao động, những cây nhỏ trong khoảng ba sào đã hạ hết. Ngẩng lên trời, ông nhìn thấy trăng sao mà mừng. Nhưng còn những cây to hàng ôm, không thể đẽ được. Đến lúc này, thì ông rất kiên tâm. Ông giơ thẳng cánh giáng mạnh dao vào gốc. Mới đầu, dao cứ nảy ra chỉ phập một vết nông và nhỏ. Rồi sau, cánh tay làm việc như cái máy, chạt chan chạt. Một buổi như thế, hai buổi như thế, sau ba bốn buổi, vết sâu đã được độ một ngón tay, gỗ tươi mầu mỡ gà, đã vạch một khoanh vòng quanh gốc. Vết dao sâu dần, mỗi ngày một sâu. Và đến một buổi, cây chỉ còn dính với gốc bằng một tí lõi. Cành trên nặng, thân cây ngả rãng rặc, rồi lăn kên ra: Cả một khoảng rừng như bị động. Ông vui sướng quá, đứng lặng để nghỉ và ngắm. Cả cây to đã gục, không lẽ cứ để nguyên nó nằm xù xù thế này, phải đến hàng năm mới khô được. Vả thân to, cành rậm, choán cả đất. Sức một người không thể lôi nó ra chỗ khác. Mà chỗ khác là chỗ nào? Chỗ nào rồi cũng phải khẩn để trồng trọt. Nhưng ông nghĩ: Ở đời không có cái gì là khó, cái khó là gồm nhiều cái dễ hợp lại cũng như cái to là gồm nhiều cái nhỏ hợp lại. Thì ngược lại, đem tách cái to ra từng cái nhỏ, thì cái khó trở thành nhiều cái dễ. Ông bèn ra công chạt cành, chạt thân ra từng đoạn, lõi ra, xếp một đống cao, chờ có thì giờ thì chỉ làm củi.

Nhưng không phải chỉ có một cây to như thế mà thôi đâu. Còn nhiều. Còn phải kiên tâm, hết sức kiên tâm.

Một hôm, ông thấy gầy gầy sốt, nhưng cứ đeo dao đi. Đến nơi, ông không làm. Ông nghĩ công việc còn lâu còn dài. Nay tham, thì rồi ốm to, phải nghỉ lâu, và sức sẽ yếu đi. Cho nên thà nghỉ hẳn một buổi, còn hơn phải nghỉ nhiều vì ốm.

Song, con ma bệnh nó không cho ông chỉ nghỉ một buổi. Ông sốt rét, phải nằm mát bốn hôm.

Ốm dậy, còn yếu, ông chống gậy đi thăm chỗ đất mới vỡ. Ông định nơi làm nhà, nơi trồng trọt. Ông cho việc có cái nhà ở là cần thiết nhất. Không những chẳng phải nhờ ai, mà lại luôn luôn để mắt xung quanh nơi ấy để sửa sang dần cho vừa ý.

Vì chưa khoẻ thật, nên ông chỉ làm những việc nhẹ, là đắp nền, chặt cây nhỏ làm cột, làm xà, để chuẩn bị vật liệu dựng nếp nhà một gian. Ông cuốc đất, đập tơi, để tra vừng. Đất được bón bằng lá ải, nay thêm tro than, nên vài hôm sau, mầm đã lấm tấm mọc xanh. Để khỏi bị cớm nắng, ông trèo lên những cây cao chưa kịp ngả, phạt hết cành lá rậm.

Từ ngày ông dựng xong nhà, thì lối đi từ xóm An ninh đến, đã thành một vệt rõ. Không những vì một mình ông phát lá, lầy cành, mà một vài người nghèo như ông, đã đến thăm ông, muốn đường phẳng phiu thêm, nên bạt những chỗ quá cao và đắp những chỗ quá thấp. Rồi con đường ấy không chỉ đến có nhà ông mà thôi. Các bà ra chợ Bùng, sẵn lối gân, cũng đi nhờ, rồi xuyên thẳng một quãng nữa thì đến đường cái.

Từ đó, một khoảng rừng hoang của xóm Bến Sim đã đỡ tịch mịch, vì thỉnh thoảng có nổi lên những tiếng nói cười.

Ông Tư, di cư từ Thái Bình lên, nói với ông Hai Mạ:

- Rồi tôi cũng theo ông, ra ở ngoài này kiếm đất mà làm lầy.

Ông Hai Mạ vui sướng:

- Phải, để cho tôi có hàng xóm, ông thì đỡ phải ở nhờ làm thuê.

Vì chương trình làm việc ấn định sẵn, nên ông Hai Mạ không để mất thì giờ. Cái lần ốm, ông phải nghỉ bốn buổi, thì ông làm bù mỗi buổi sau thêm nửa giờ. Cho nên hễ ốm, ông nhất định không tham công tiếc việc. Đến khi khoẻ, thì lại mỗi buổi làm thêm một lúc. Có ai đến chơi vào lúc bận, thì ông mời ra rừng để nói chuyện. Ông tự chủ, chứ nhất định không bị động. Nhiều người không hiểu, thì chê trách ông, nhưng đều phục ông là có gan vượt khó khăn, gian khổ.

Chẳng bao lâu, những cây lớn ở cánh rừng này đều ngã gục dưới cánh tay ông. Vừng đã lên cao, sắn đã nhú mầm non, khoai lang đã xoè lá, mọc theo những luống thẳng...

Ông dự tính, khi hoa mầu được thu hoạch, thì trong một tháng, ông chỉ cần đi làm mười lăm hôm.

Ông bà Tư đến Bến Sim, được ông giúp phương tiện và ý kiến. Nhiều lúc ông giúp cả công sức để khuyến khích cho bạn khỏi nản lòng. Bà Tư tin ma thiêng nước độc, thì ông giải thích cho đừng tin nhầm, miễn là mình cứ giữ vững điều độ làm ăn.

Con ông Tư sợ vất vả và rắn rết. Ông nói: Nông dân không sợ đĩa thì sao lại sợ vất. Vất sợ người chứ sao người lại sợ vất. Con ông Tư trở nên bạo dạn. Một hôm, vào chập tối, ông Tư bị con rắn xanh ba cánh cắn vào kẽ chân. Nọc độc chạy rất nhanh. Trước thì chân ông giật, sau đến tim cũng giật mạnh. Ông nằm không yên, độ vài phút lại ngồi dậy, rồi lại nằm và kêu rất thảm thiết. Bà Tư thấy thế nguy, lúc hai giờ sáng, cho mời ông Hai Mạ đến.

Ông Hai Mạ đến nơi, soi đèn, thấy cẳng bạn sưng to. Ông Tư dặn ông những điều như lời dối dăng của người

sắp chết. Nhưng ông Hai Mạ khuyên bà Tư đừng khóc lóc vô ích, vì ông có thứ thuốc hay, rất dễ kiếm.

Ông đốt đuốc, vác cuốc vào làng ra bãi ngòi tìm cây dền gai. Ông đào rễ, đem về giã nhỏ, lấy nước cho ông Tư uống, còn bã thì rịt vào chỗ đau.

Ông Tư uống xong thuốc thì đòi nằm. Một lát, không thấy kêu rên. Ông Hai Mạ mừng thầm. Chừng hai mươi phút sau, ông Tư thở đều rồi thở to ra tiếng. Ông ấy đã ngủ được, và ngáy. Ông Hai Mạ vui vẻ, nói với bà Tư:

- Thế là tốt. Mai bà kiếm thêm rễ dền gai, cho ông ấy uống và rịt nhiều lần thì chóng khỏi.

Chiều hôm sau, ông sang thăm ông Tư. Chân ông này đã bé lại. Bà Tư nói vì mãi việc, không lấy thêm được thuốc. Ông Hai Mạ phàn nàn:

- Bà bạn, sao không bảo tôi lấy cho.

Nhưng ông Tư cảm động:

- Tôi khỏi rồi, chỉ mai là đi lại được. Ông đừng mất công việc về tôi nữa.

Quả nhiên, ba hôm sau, ông Tư đi lại được như thường.

Món thuốc rắn thần hiệu phổ biến, cứu sống được nhiều người.

*

* *

Vỡ xong chỗ năm sào mầu, ông Hai Mạ làm đất để trồng lúa. Bước đầu khó khăn đã vượt, nên bước sau tiến dễ dàng.

Ông vẫn theo đúng chương trình làm việc đã ấn định.

Những đêm mùa đông, trăng mọc về sáng, rét buốt đến xương, nhưng ông không kỳ quẩn. Ông mặc kệ cả mưa phùn. Gió bắc, mưa râm không đủ sức ngăn ông. Ông đã có

nón trên đầu, lá cọ sau lưng, lại trang bị thêm bằng cả một ý chí thắng thiên nhiên. Cho nên, dù đương đêm, nhưng đến giờ làm việc, ông cũng không ngần ngại. Ông Tư thường khuyên ông nên giữ sức khoẻ, ông đáp:

- Bên ông ba người, bên tôi có một, nên tôi phải cố.

Ông Tư cười:

- Bên tôi ba người nhưng vẫn phải thua một mình ông.

Mấy tháng sau, cả một triền rộc độ bốn sào, ở chân núi Đẩu, trở nên quang đãng. Chỉ còn mỗi một gốc cây to hai người ôm, nhu nhú trên mặt đất. Chờ trời mưa to xong, ông Hai Mạ cày đi cày lại, bật từng khúc rễ ngắn, vút từng hòn đá nhỏ ra tận xa. Sở dĩ ông làm đất kỹ lưỡng như vậy, là vì bốn sào ruộng giộc này, sẽ là nguồn sống chính của ông.

*

* *

Một năm sau, Bến Sim có thêm hai gia đình, anh Tam và anh Chính.

Thế là bốn.

Đứng trên núi Đẩu nhìn xuống, người ta đã thấy một vẻ hoạt động: người, chó, lợn, gà, luôn luôn đi lại quanh những mái nhà xám, nhiều lúc toả ra những tia khói lam mềm mại.

Đó là một biểu hiện của sự no đủ, sự hạnh phúc. Nhưng đó cũng là một kêu gọi lòng tham của bọn địa chủ bạo tàn.

Thằng Chánh Cóc nhận thấy từ ngày ông Hai Mạ tự tay gây dựng cơ nghiệp, thì ít đi làm thuê làm mướn, để nó phải mượn người khác, mất nhiều tiền công mà được ít năng suất. Ba gia đình theo ra Bến Sim cũng dần dần thoát ly được sự bóc lột nhân công của bọn địa chủ. Vì vậy, nó cần triệt tình trạng nguy hiểm này. Tìm mãi lý do, nó chỉ lấy cớ là gia đình ngụ cư, không có phép vỡ hoang.

Nhưng lòng tham ăn của nó lại phản nó. Là khi ông Hai Mạ hoặc ông Tư đánh được con cây, bẫy được con gà cỏ, đem biếu nó, thì nó lại không hoạnh hoệ nữa. Nó chỉ bắt mỗi năm, mỗi gia đình nộp cho nó hai thùng thóc, gọi là thóc đổ lửa (hoả hồng).

Nhưng thằng con rể nó là thằng Đáp, tức là cháu gọi ông Hai Mạ là cậu ruột, được gia đình ông nuôi cho từ tấm bé, vừa mới được làm phó lý. Thằng Đáp lo công danh mất năm sào. Nay nó phát canh một mẫu rưỡi, thuê người làm một mẫu. Nhân công ở năm này vừa cày ruộng, vừa làm những việc nặng nhọc trong nhà.

Khi nó nghe tin anh ông Hai Mạ bị ong đốt chết, nó không hề nhẩn nhe hỏi thăm nửa lời.

Nay nó thấy ông làm ăn khấm khá, thì thỉnh thoảng nó đến chơi. Nhưng vì ông tham công tiếc việc, vả lại cảm giận thằng cháu bất nhân, nên ông lãnh đạm. Ông không đến mừng và cũng không dự tiệc khao phó lý của nó. Nó đến, ông tiếp ở chỗ làm việc, chứ không mời vào nhà. Vì vậy nó phật ý.

Nhiều lần nó kêu bố vợ nó quá dễ dãi với quân ngụ cư. Nó nói bây giờ nó làm phó lý, quyền hành trong tay, muốn cho ai ở cũng được, đuổi ai cũng được. Nó thù nhất là ông Hai Mạ, vì nghi ông ghét nó, tất bới xấu nó. Vả ông là cậu nó, lại ở ngay cạnh nó, thì muốn làm bậy, nhưng nghĩ đến ông, nó phải kiêng. Vì gì thì ông cũng là hàng trên nó.

Họ nhà vợ nó có một thằng làm chưởng bạ, tên là Khôi.

Một hôm, thằng Đáp đến nhà thằng Khôi, mượn sổ địa bạ. Xem xong, nó vui vẻ quá. Nó biết đích rằng cả khu vực mà bây giờ thành xóm Bến Sim, là đất công, chứ không phải đất tư của ai. Nay bốn gia đình đã vỡ được đến hơn hai mẫu rồi, và chưa nộp thuế. Nó bèn làm đơn, dán 12 xu tem, đưa lên sở

Địa chính trên tỉnh, xin khẩn hoang mười mẫu làm đồn điền. Nó đút tiền cho một nhân viên về đo đạc và vẽ địa đồ. Đơn của nó được Địa chính duyệt y và toà sứ phê chuẩn.

Nắm được giấy phép có tên công sứ kỳ và đấu toà, nó gọi bốn gia đình đến. Nó tuyên bố cho biết là ruộng đất trong khu vực đồn điền của nó, thì nó có quyền lấy lại.

Bốn người không cãi nổi với luật pháp của chế độ thực dân bênh vực chế độ chiếm hữu ruộng đất cho giai cấp địa chủ. Họ hậm hậm trở về.

Hôm sau, thằng Đáp đến từng nhà, dỗ dành bằng giọng giả nhân giả nghĩa. Nó nhận công lao khai phá không phải của nó, nên nó chịu nhượng bộ mà thương lượng với mọi người, là nó cho làm rẽ, lấy tô một nửa số hoa mẫu thu hoạch.

Nhưng ông Hai Mạ nhất định không chịu cho nó yên hưởng số ruộng chiếm đoạt trắng trợn như vậy. Ông lấy quyền làm cậu, sỉ vả nó, rồi xui mọi người không thêm làm cho nó. Ông bảo:

- Ta có sức lao động, nhất định ta tự chủ, không khi nào ta chịu làm đầy tớ kẻ thù.

*

* *

Cả bốn gia đình bị chung một hoạn nạn, nên càng thương yêu và tin nghe nhau. Họ góp sức để hấn đấu với cái đói một phen nữa.

Ông Hai Mạ đi tìm đất ngoài phạm vi đồn điền của thằng Pháp. Ông được bầu làm trưởng nhóm, điều khiển việc khẩn hoang. Lại một nửa nhân số đi làm thuê, để nuôi sống một nửa nhân số ở nhà làm việc.

Thằng Đáp rủ được gia đình ông Cận ra Bến Sim. Gia đình này gồm năm người, có ba nhân công chính. Nó thu tô

ruộng đã dành, nó thu tô cả mầu nữa. Ngoài việc ông Cận phải làm ruộng của nó, nó còn bắt ông khẩn hoang thêm. Vì bị bóc lột nhân công quá sức, ăn đói, uống khát, khi ốm đau không có thuốc thang, ba người lần lượt chết. Còn ông Cận và đứa con út thì một hôm đói quá, bắt cóc để ăn, nên cũng chết nốt hai bố con.

Nhưng thằng Đáp không nhận tội ác là của nó. Nó đổ cho đất có ma. Nó dựng miếu thờ. Và vẫn đỡ được những người miền xuôi, bị địa chủ vùng họ làm cho khánh kiệt, di cư lên đây để cho nó bóc lột.

Trong thời gian ấy, thì nhóm ông Hai Mạ vẫn nỗ lực phấn đấu để giành lấy sự sống còn. Họ đã làm được năm mẫu thành điền.

Thằng Đáp thấy của ngon xơi, lại nổi lòng tham. Nó mở địa đồ ra ngắm, rồi lấy bút chì đỏ, khoanh rộng thêm ra bảy mẫu nữa. Nó lại làm đơn lên tỉnh, xin mở rộng đồn điền. Và lại được chuẩn y. Nó lại cướp không nốt năm mẫu.

Nhưng lần này ông Hai Mạ không chịu. Ông Tư xui ông đến nói tử tế với nó, để xin nó đừng chiếm ruộng. Ông không đến, nói rằng không cậu cháu gì với quân đểu. Ông cho rằng pháp luật tất sáng suốt bênh vực lẽ phải, nên ông làm đơn khiếu.

Nhưng đơn của ông đến huyện thì nằm đó. Ông lo tiền để dứt tên lục sự cho chóng xong việc.

Tên này nhận tiền, nhưng trả lời rằng huyện không có quyền xử, vì không thể trái ý toà.

Ông kiện ở tỉnh. Nhưng đơn không được xét. Ông còn bị dọa rằng nếu chống lệnh trên, thì phải ngồi tù.

Ông bực mình, nghĩ: Nam quốc Nam nhân với nhau mà không bênh nhau, còn mong gì đến thằng Tây.

Song, ông cũng cứ ra toà. Ông không dám vào buồng giấy, mà đứng chực ở cổng. Khi thấy một thằng mũi lõ tóc quăn, ông vái và đưa đơn. Thằng Công sứ nhìn ông, giơ chân hất khế ông một cái sang cạnh đường như ta gạt một con vật bẩn mắt, rồi đi thẳng.

Ông Hai Mạ ỨC LẮM. Thế là hết chỗ kêu.

Ông đem chuyện kiện tụng kể cho nhóm nghe, rồi kết luận rằng bọn địa chủ, bọn thống trị vào hùa với nhau để hà hiếp dân đen, chúng không có tình máu mủ, không có tính nòi giống. Dân đen muốn sống, chỉ còn cách đánh cho chúng nó chết.

Nói đến đây, ông rất buồn, nhìn lại các bạn, thấy người nào cũng yếu đuối, xanh xao. Ông nói:

- Hiện nay, thế chúng ta chưa thể địch được chúng nó, nhưng nhất định chúng ta không sợ chúng nó.

Rồi ông tiếp:

- Ta không sợ thiên tai, ta không sợ nhân hoạ. Ta chỉ sợ lòng ta không kiên quyết. Ta kiên quyết thì thế nào cũng thành công.

Ông khuyên các bạn kiên quyết. Nhưng người ta chán nản vì hữu lao vô công.

Kết cục, anh Tam không chịu nổi uất ức, thắt cổ chết. Anh Chính bỏ nhóm, lên vùng mỏ kiếm ăn bằng nghề khác. Gia đình ông Tư trở về An ninh, lại chịu làm thuê làm mướn cho nhà giàu.

Còn trợ trợ một mình ông Hai Mạ với hai bàn tay trắng.

Song, trong cái thân hình tàn tạ vì mấy chục năm dầy dạn phong sương cùng khổ ải ấy, chứa một sức mạnh của tấm lòng muốn sống tự chủ. Cho nên thua keo này, bày keo khác, ông tin tưởng ở tương lai.

*

* *

Lần thứ ba, ông Hai Mạ lại bắt tay vào việc. Lại chặt cây, lại đốt cành, lại cuốc đất lại làm nhà, và lại trồng trọt. Ông được thêm một người bạn lao động giúp việc đắc lực, là vợ ông, em ruột ông Tư.

Hai vợ chồng theo chương trình làm việc cũ, chẳng quản mưa nắng, sớm khuya, nóng rét.

Cả xóm An ninh, cả xã Bình dân, kêu ông là gàn, là dại. Ông trả lời giọng đùa cợt:

- Tôi không gàn, không dại, chỉ là gan và dai. Rồi đây, khu này sẽ trở lên một xóm sầm uất. Tôi sẽ có rất nhiều bạn. Các ông các bà ngắm xem, rồi đời tôi khổ hay đời chúng nó khổ.

Ông nói chúng nó là ám chỉ bọn cường hào, bọn quan lại, bọn thực dân, đã bao phen làm hại ông.

Bốn cánh tay của vợ chồng ông nổi bắp, sù chai vì lao động, đụng đến chỗ nào là cây chỗ ấy đổ rảng rác, đất chỗ ấy sỏi lộn thành tốt và trở nên có giá trị nuôi sống con người.

Sang năm 1943, nhiều người vùng Thái Bình, Nam Định, tránh nạn đói, lên Thái Nguyên, nghe tiếng ông Hai Mạ thì tìm đến để ở nhà và làm chung. Họ không bị chết và ông cũng thêm bạn phẩn đấu để tăng sức mạnh. Khu mới này đã dần dần mọc được năm nóc nhà nhỏ. Kể cả hai khu bị chiếm trước, thì, đến cuối năm 1944, gần một nửa xóm Bến Sim bây giờ, trở lên quang đãng hoạt động. Riêng ông Hai Mạ có hai sào thổ cư, hơn hai sào thổ mẫu, và chín sào ruộng vừa rộc, vừa cạn.

Thằng Đáp thấy đất mới, ruộng mới, nó lại ngứa mắt quá. Lại theo lối làm giàu cũ, đầu năm 45, nó làm đơn xin các quan thầy khẩn thêm đồn điền.

Vì xã Bình dân chưa được mặt trận Việt Minh giải phóng, nên đơn nó được giặc Pháp chấp nhận.

Nhưng đến tháng Tám, khi thằng Đáp mắt nhìn thấy lá cờ đỏ sao vàng, thì nó sợ hãi quá. Nó vội vàng lên tỉnh, rút đơn ra. Nó về nằm yên ở nhà để nghe ngóng.

Ông Hai Mạ thấy ngọn cờ Cách mạng thì hết sức phấn khởi. Ông tin rằng ngọn cờ ấy sẽ cứu sống ông và các bạn ông. Ông mừng như đứa trẻ trông thấy mẹ về chợ.

Ông may lá cờ nhỏ, căng ở sau cái bàn bày hoa, gọi là bàn thờ Tổ quốc. Ngày nào ông cũng thay hoa mới, và lúc rồi, thì đứng lặng để ngắm cờ. Rồi khi các cơ quan, đoàn thể ở xã đã xếp đặt, ông xin học lớp bình dân, và vào tự vệ. Đến ngày tác chiến, ông xin làm du kích.

Nhưng ông không lơ là nhiệm vụ đối với ruộng đất. Ông tiếp tục phá rừng để khẩn hoang. Cuối năm 49, ông đã có tới trên hai mẫu.

Năm 1950, Chính phủ tịch thu ba trăm mẫu của con địa chủ Gây vào Thành theo giặc, tạm cấp cho nông dân thiếu ruộng, mỗi nhân khẩu một mẫu một sào.

Đáng lẽ ông Hai Mạ được thêm một mẫu, vì ông mới có một con trai, nhưng ông không nhận. Ông nhường cho những gia đình tuy đã được chia đủ, nhưng còn thừa sức lao động. Ông nói:

- Tôi cứ cố chăm bón cho hai mẫu của tôi thêm sản lượng, còn hơn nhận nhiều mà làm không xuể. Xóm ta, xã ta, và xã bên cạnh còn biết bao nhiêu gia đình còn thiếu thốn hơn tôi. Và tôi đã dự tính đến cuối năm 53, nhất định tôi có thêm hai mẫu nữa.

Ủy ban nài ép ông, ông lại nói:

- Và sức tôi đem hết ra để đương đầu với thiên tai với nhân họa mấy chục năm nay, bây giờ tôi bắt đầu thấy suy

yếu. Vợ tôi, tôi đã đặt cho nhiệm vụ là võ thêm ruộng, còn riêng tôi, tự biết mình làm nhiều không nổi. Từ nay, thằng Đáp không dám chiếm ruộng của tôi nữa, là nhờ công ơn của Cách mạng, đó cũng như Chính phủ cho tôi hai mẫu ấy, tôi đã được hơn anh em nhiều quá rồi. Thằng Đáp là địa chủ, nó chỉ có tình nghĩa với tiền của. Tôi là nông dân, trải qua nhiều khổ cực, tôi biết thương yêu những người khổ cực như tôi, tôi không muốn ai cũng khổ cực như tôi nữa. Cho nên bây giờ được đầy đủ, tôi phải nghĩ đến anh em. Xưa nay địa chủ nó chiếm đoạt ruộng đất của chúng ta, bóc lột nhân công của chúng ta, làm cho chúng ta khổ sở. Nay Cách mạng lấy lại ruộng đất ấy trả về cho chúng ta, tôi sướng quá. Thế thì bạn tôi hưởng cũng như tôi hưởng. Không may cho tôi, là trong thời kháng chiến này, tôi quá tuổi, không được đi bộ đội, không được đi dân công, thì tôi chỉ còn cách là nỗ lực sản xuất để góp phần vào công cuộc cứu quốc, khởi phụ lòng Cụ Hồ và Đảng đã có công giã: phóng cho giai cấp chúng ta... Thế là tôi được hả, tôi không dám ước mong gì hơn nữa.

Rồi yên lặng một lát, để ôn lại cảnh khổ xưa, ông tiếp:

- Trước kia tôi bảo rồi tôi với thằng Đáp, ai khổ ai sướng, thì bây giờ tôi thấy rõ rệt là tôi sướng hơn nó. Tôi có nhiều bạn, được giúp đỡ nhiều người và được nhiều người tin yêu. Trái lại, dân làng ai cũng coi nó như kẻ thù để oán ghét nó. Từ ngày Khởi nghĩa, nó sống cô độc. Nó giả dối như con mèo nằm khoanh trên đồng tro trong xó bếp, vờ ngủ, nhưng vẫn lé mắt để rình chuột. Nó coi chúng ta như đār chuột. Nhưng không, Cách mạng bệnh vực chúng ta. Vì chúng ta làm cách mạng.

LƯU MANH

Anh Nong - không biết gọi đúng thì là Nong hay Long - ở hàng xóm nhà thằng địa chủ Lại. Anh nghèo quá, không hiểu nghèo từ bao nhiêu năm nay rồi. Chỉ biết rằng ngày còn ông nội anh, thì ông cụ bán cái nhà trên cho bố thằng Lại hiện nó ở bây giờ. Chỉ còn giữ lại cái bếp và một tí đất làm sân, tất cả chưa đầy mười thước.

Kể ở hàng xóm nhà địa chủ, thì có cái tiện, nhưng có nhiều cái bất tiện. Tiện, vì thỉnh thoảng nhà nó có việc, cần người làm giúp, thì nó gọi sang ngay, được làm và được ăn. Không tiện, vì nhà nó có nhiều việc lật vặt quá, ngày nào cũng gọi, anh mất cả thì giờ làm cho người khác. Vì làm những việc linh tinh như thế, thì cứ nhập nhằng, nó không cho gì, bảo rồi để gộp thành một công cho dễ tính.

Bởi luôn luôn anh phải làm không cho thằng Lại, nên không có gì để ăn. Anh đói, không có một thước ruộng, không có một hạt thóc, nên lắm hôm, anh phải ăn cháo cám, cháo sắn, hoặc củ chuối để trừ bữa. Những lần không có cám, không có sắn, không có củ chuối, thì anh chịu nằm bệt ở nhà, chờ cho đến khi có việc làm.

Một lần, vào năm 1941, anh không thắng nổi con ma đói. Anh nhịn đã ba bữa rồi. Cùng lắm, anh chui vào vườn nhà thằng Lại - trước kia là vườn nhà anh - bẻ trộm một quả bưởi. Anh nghĩ anh có quyền lấy bưởi, vì nó quít công anh. Vả cây ấy, ông anh trồng. Nhưng chẳng may, nó bắt được. Anh không cãi kịp mồm nó, bị một trận bò lê kéo càng.

Năm 1943, anh đi ly tưởng chết. Thấy cạnh giàn mướp nhà thằng Lại có dây mơ tam thể, anh sang xin lá để làm thuốc. Nhưng nó đi vắng. Anh cho là vật thử chả mấy, cứ việc bứt. Sực nó về. Nó đổ cho anh ăn cấp mướp. Anh lại bị một trận đòn nên thân.

Năm 1944, vào tháng ba, anh đói quá, lẻn vào vườn nhà ông Đĩnh, hàng xóm, đào trộm củ sắn. Ông Đĩnh không biết. Nhưng hôm sau, bà Đĩnh cứ đứng bên hàng rào, chờ sang nhà anh, chửi bâng quơ thẳng ăn cắp sắn.

Thằng Lại gọi anh sang, dọa:

- Mà mày còn tắt mắt, ông bắt được quả tang, thì ông cắt gân.

Đến năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công. Anh nghĩ: Dân nước độc lập thì phải nỗ lực làm ăn, kẻo không xứng đáng là con cháu cụ Hồ.

*

* *

Từ năm 1949, thấy hàng xóm đã có tiếng chửi mát gà. Ngay ban ngày ban mặt cũng mát. Một mát mười ngờ. Ăn cơm mới, nói chuyện cũ. Người ta ngờ anh Nong. Nhưng may quá, một hôm anh đi đồng, đuổi đánh được con cáo. Anh sung sướng, xách về để minh oan.

Thằng Lại nghe tin, vội vàng sắm một cái cạm. Cái cạm bằng sắt. Nó dương lên, thử cho cả nhà xem. Nó thò cái que vào: Phập! Hai vành răng cửa ập vào nhau, nghiền chặt lấy cái que. Nó khoái trí lắm.

Nó rạo quanh hàng rào để ngắm xem nên đặt cạm vào chỗ nào. Sực nó nghĩ đến đàn gà nhà ông Đĩnh hỗn như ranh, vẫn sang sân nhà nó ăn thóc, đuổi sao cũng không được. Nó không tính đến việc dùng cạm để bẫy cây cáo nữa, mà tính ngay đến việc dùng cạm thay cây cáo để bắt gà.

Nó đặt cạm cạnh lỗ hàng rào nhà ông Đĩnh.

Buổi chiều hôm ấy, ông Đĩnh kêu mát gà. Bà Đĩnh không nghi cây cáo bằng nghi người, chỗ mồm sang nhà anh Nong mà chửi.

Anh Nong ức lắm, đành làm ngơ.

Vào khoảng đầu thu năm 1950. Sau khi giặc Pháp nhảy dù hiến thân ở thị xã Thái Nguyên, thì nhà thằng Lại luôn luôn có những buổi họp. Những người đến họp là những người rất quen, mọi khi vẫn đến nhà nó, và nó cũng vẫn đến nhà những người ấy. Độ này thì họ hay đến cùng một lúc, và ngồi lâu. Mỗi lần chúng nó họp, thì anh Nong phải sang phục dịch. Anh thấy thằng chánh Chép, thằng lý Phình, thằng tiên chỉ Chi, thằng cha Quảng, thằng phó hội Tính, vân vân..., tóm lại, toàn những thằng nhà giàu xưa đã có một thời kỳ thét ra lửa, và hiện nay, vẫn còn đánh chửi anh, và đánh chửi nhiều người trong làng. Thằng cha Quảng còn hiếp dâm cả phụ nữ nữa.

Anh không rõ chúng nó chuyện trò với nhau những gì, mà có vẻ bí mật lắm. Lúc thấy anh, thì chúng nó im bật, và đuổi anh xuống bếp.

Có một cái tháng tư, mà anh thấy nhà nó họp đến ba lần. Họp xong, khi mổ gà, khi mổ chó, ăn với nhau. Lần nào, anh cũng phải hầu từ đầu đến cuối.

Vào cuối tháng năm, một lần thằng Lại gọi anh sang nhà nó, nói rằng có việc hay lắm. Anh tưởng nó cho tiền, cho nong, hay cho ăn, cho uống gì. Chẳng hoá ra nó đưa anh vào buồng, cho anh xem một cuốn sách bé bằng bàn tay. Nó hỏi:

- Mày có biết sách gì đây không?

Anh ngớ ngẩn, đáp:

- Không.

Nó dĩ tai:

- Đây là quyển điều lệ hội. Ai vào hội, thì sau này cũng được sung sướng.

Anh khẽ gật.

- Vâng.

- Nhưng trước hết, mày phải hết sức bí mật. Lộ ra thì mất đầu đấy, con ạ.

Anh ngỡ ngác, không hiểu. Nó nói:

- Tao thấy mày gan dạ, nên tao tác thành cho mày. Tao muốn giới thiệu mày vào hội này, gọi tên là hội Bảo hiểm.

Anh chưa nghe rõ, hỏi lại, nó đáp:

- Hội Bảo hiểm. Mày hãy cứ biết thế đã. Vào hội thì sau này được sung sướng.

Anh nhìn nó. Nó nói khẽ:

- Mày xem, rồi Chính phủ này thế nào cũng thua. Người ta có máy bay, có xe tăng, có đại bác, có liên thanh, muốn chiếm đâu, là nhảy dù chỗ ấy. Mình thì có đêch gì. Bộ đội mình thì đánh chác gì. Thua đến nơi rồi. Người khôn phải biết đón thời cơ. Không biết đón thời cơ thì cứ bị khổ sở như thế này mãi. Vào hội thì sau này được trọng dụng, danh giá, muốn có bao nhiêu tiền cũng được.

Nghĩ đến tiền, anh thèm, nên nói:

- Nếu thế thì ông cho con một chân.

- Thế thì tốt lắm.

- Bao giờ thì được tiền?

- Phải nhận công tác đã chứ?

- Có khó không, hở ông?

- Không, rất dễ. Ở vùng này, bao nhiêu cơ quan, kho tàng của Chính phủ ở chỗ nào, mình đều rõ cả.

- Để làm gì hở ông?

- Để báo cho máy bay, chứ để làm gì. Cách báo cũng rất dễ. Rồi tao báo sau. Máy bay có bắn phá, thì Chính phủ mới mau thua.

- Thế thì Chính phủ bị thiệt hại nhỉ.

- Phải rồi, chỉ cần thế thôi.

- Sao lại cần thế, hở ông?

- Mà y dở lắm. Việc khác thì khôn, sao việc này mà yngốc thế.

- Thế gọi là làm Việt gian à?

- Nhưng mà có danh có lợi. Rồi Pháp trở lại cai trị, bố đũa nào dám báo chúng ông là Việt gian.

- Nhưng công an bắt thì chết.

- Cho nên phải giữ bí mật.

- Con ngại, ông ạ.

- Được, tao cho mà y nghĩ kỹ. Nhưng tao giao hẹn, mà y mà nói cho ai biết, thì mà y bị tử hình, nghe chưa?

Từ hôm ấy, anh Nong sợ quá. Anh cố hỏi dò xem hội Bảo hiểm là thế nào mà lại bậy bạ thế. Sau anh biết rằng đó là ủng hộ Bảo đại, ủng hộ Pháp, đánh lại Chính phủ ta. Anh giật nảy mình. Anh kính tởm bọn chúng nó.

*

* *

Từ hơn ba tháng nay, luôn luôn xảy ra mất gà của những nhà ông Đĩnh bà Thôn, là hàng xóm anh Nong. Và cũng là hàng xóm thàng Lại.

Lần nào anh Nong cũng bị chửi bóng chửi gió. Lần nào anh cũng sang tận nhà khổ chủ để phân trần và thể độc. Nhưng người ta bĩu môi:

- Giá thể chết được thì chết từ tám đời rồi!

Anh tức lắm, đáp:

- Chửi ai thì chửi đích danh có được không?

Người ta không chửi đích danh, nhưng chửi dứa vừa đánh trống, vừa ăn cướp. Anh cáu quá, nghĩ: "Họ mất thì họ ức, nên họ chửi. Mình không lấy, mà bị chửi, nên mình ức. Thế thì không lẽ có hai người ức mà lại không có người sướng vì được ăn". Anh để ý dò thằng ăn cắp.

Một hôm, anh sang nhà thằng Lại xay thóc nhờ ở bếp. Cả nhà nó đi vắng. Anh khát, chống hông ám nước vối lên, cũng không được một giọt. Bỗng anh nhìn lên gác bếp, thấy cái ấm tích. Anh nhấc thử, thấy nặng. Anh ghé mồm vào vòi để tu. Mẹ ơi! Anh ngạc nhiên. Anh mở nắp ra nhìn. Nước trong, vàng mỡ nhoáng vàng. Té ra là anh uống phải nước suýt gà. Thảo nào thấy beo béo và mần mẩn.

Anh sực nghĩ ra. Thôi! Đúng rồi. Anh phải làm ra ngô ra khoai mới được.

Anh bỏ thóc đấy, đi quanh hàng rào. Quả nhiên ở hố rác, có nắm lông gà mái mơ còn ướt.

Anh gói tang vật vào lá chuối, đến nhà các hàng xóm, xem ai mới mất gà mái mơ mà chưa biết. Anh sẽ mách cho người ấy ai là thủ phạm những vụ ăn cắp gà.

Bà Vè mất con gà mái mơ thật. Nhưng bà không dám tin anh Nong là nói đúng.

Lúc ấy thằng Lại về, nó xuống bếp, thấy ấm nước suýt gà để chỗ khác và vòi đi một ít. Khi nó biết là anh Nong đã làm lộ bí mật của nó, nên nó phải bảo toàn danh dự. Nó tung cái tin anh Nong ăn cắp gà của bà Vè, còn định vu oan giá họa cho nó.

Ai cũng tin lời nói dối của thằng giàu. Anh Nong bị cả làng chửi là con người lưu manh, con người thủ đoạn.

Độ ấy lại vừa xảy ra việc một con nữ gián điệp bị bắt. Con Việt gian này giả vờ bế con, nhưng là một hài nhi bị ướp xác, mổ rỗng bụng để dấu tài liệu ăn cắp được vào đó.

Thằng Lại lo ngay ngáy. Nhân việc anh Nong bị tố cáo ăn cắp gà, nó sợ anh tố cáo luôn nó ở hội phản động. Nó bèn làm to chuyện. Nó nhốt anh lại, đưa ra toà án, về tội ăn cắp gà lại đổ cho người, là phá đoàn kết, chống Chính phủ.

*
* *

Nhưng anh Nong trốn thoát, đi biệt tăm từ ngày ấy.

Cho đến ngày Đội phát động về xã độ mười hôm, thì đột nhiên, anh lù lù về.

Cả làng nghe tin, lại lo âu.

Buổi tối, anh đến ngay chỗ họp tổ khổ. Người ta cố ngồi xa anh, hoặc vờ không trông thấy anh để khỏi hỏi han. Anh mặc kệ, im lặng để nghe, thỉnh thoảng thở dài, gục đầu vào gối.

Người ta cho đó là anh dở mảnh khoẻ, để âm mưu làm một hành động ghê gớm gì đây.

Hôm sau, lúc nhân dân sắp họp, thì ở nhà thằng Lại, gà vịt chạy rầm rầm, kêu quang quác. Và có tiếng: Trộm, trộm!

Nhưng người ta căm thù địa chủ, nên không ai đến cứu. Song ai cũng nghĩ đến anh Nong, lúc ấy chưa có mặt.

Hôm sau nữa, dây điện thoại của Đoàn phát động bị cắt đứt ngay quăng nhà anh Nong. Dư luận căm phẫn nổi lên. Ai cũng muốn tìm cho ra kẻ phản động để đưa ra công chúng vạch mặt.

Lại hôm sau nữa, một anh bộ đội đứng gác (vì có bộ đội đóng ở trong làng), đến chiều, thấy mất cái ba lô quần áo mà anh ta dấu vào bụi cây ở cạnh.

Dư luận càng xôn xao. Đã có người đề nghị đưa thẳng lưu manh ra toà án nhân dân đặc biệt. Người ta muốn ám chỉ anh Nong.

Nhưng anh cán bộ sáng suốt. Anh nghi hành động này là của giai cấp địa chủ bày ra để reo mỗi ngò, cho nông dân chia rẽ nhau, cho bộ đội với nông dân chia rẽ nhau.

Sau buổi họp, anh động viên lòng thành thực của mọi người và ý thức cảnh giác đối với giai cấp địa chủ. Anh nói bộ đội là nông dân mặc áo lính, cầm súng để bảo vệ quyền lợi cho nông dân. Anh kêu gọi tình hữu ái giai cấp, ai lấy ba lô của anh bộ đội thì nên đem trả, nếu không thì cũng cố điều tra xem kẻ gian là ai.

Hội nghị lắng tai nghe. Ai cũng liếc mắt nhìn anh Nong sẽ dò thái độ.

Ông Đĩnh phát biểu:

- Trong khi xã nhà được phát động, mà mấy hôm nay xảy ra nhiều chuyện không hay như thế này, thật là phiền. Tôi có ý kiến là người giác ngộ quyền lợi, thì không nên có lòng tự tư tự lợi, để mang tiếng cho cả giai cấp. Nên đấu tranh với tư tưởng địch mà trả lại anh bộ đội. Đừng để chúng tôi phải khám xét, rồi lại trách.

Anh Nong vẫn gục mặt, ngồi im lặng.

*

* *

Lúc ấy độ mười giờ khuya. Lốp sắp giải tán. Tự nhiên, anh Nong đứng phắt dậy, giơ tay xin nói:

- Xin phép hội nghị tôi có ý kiến!

Mọi người nhìn nhau, tùm tùm cười. Họ đợi những lời anh Nong thú tội, anh nói:

- Mấy năm nay, tôi bị thành kiến là lưu manh. Trong làng ai cũng nhất định cho tôi là lưu manh. Vậy tôi đề nghị hội nghị cho tôi nói dài, để xét kỹ xem tôi có phải là lưu manh hay không.

Có tiếng điều cày rít. Người ta xin nhau thuốc lào. Điều cày rít liên hồi, ròn rã như tiếng chim hót. Người ta để ý đến điều kêu, hơn là nghe anh Nong kể khổ.

- Một lần, vì tôi bị thằng Lại nó bóc lột nhân công nhiều quá, không trả tiền, không cho ăn nên tôi đói, mới vào vườn nhà nó, bẻ một quả bưởi. Lần sau, tôi bị đi lý. Thấy nhà nó có lá mơ tam thể, tôi định xin, nhưng nó không có nhà, nên tôi cứ lấy. Nó đổ cho tôi ăn cắp bưởi. Lại một lần nữa, tôi đào trộm sắn nhà ông Đĩnh. Ông Đĩnh không biết, nhưng bà ấy thấy tôi đã bị đeo tiếng hai lần là ăn cắp, nên cứ réo chửi tôi. Vậy các ông các bà thử nghĩ xem, nếu tôi không bị bóc lột sức lao động, được trả công sòng phẳng, tôi được ăn no, thì tôi có phải bứt bưởi, đào sắn trộm không? Chẳng qua là vì tôi bị thằng Lại nó ăn cướp công, nên đói quá, bất đắc dĩ phải liêu.

Bà Đĩnh bĩu môi, nói thêm:

- Thanh minh khéo quá!

Nhưng bà Đắc nhăn mặt, nói:

- Yên mà nghe.

- Bây giờ tôi xin nói sang chuyện hàng xóm mất trộm gà. Ngày ấy, ai cũng nghi cho tôi, đến nỗi tôi có chứng cứ rõ ràng là thằng Lại đánh bẫy gà, thì các ông các bà lại bênh nó, và đổ tội cho tôi là vu oan cho nó.

Vậy tôi thử hỏi, sau khi tôi bỏ làng rồi, xóm ta còn ai mất gà nữa không? Nếu không, thì các ông các bà có quyền

ngni cho tôi, vì tôi đi vắng thì xóm được yên. Nhưng nếu xóm ta vẫn còn mất gà như trước, thì hẳn các ông các bà thấy rõ thằng ăn cắp không phải là tôi. Thế thì ai là thằng ăn cắp? Một tôi với một thằng Lại, một đảng vì bị bóc lột, đói quá, mà phải làm liều, một đảng giàu có hẳn hoi mà vẫn có tính gian tham, ăn cắp công, cắp của của người nghèo, thì ai là lưu manh. Nhà giàu dễ đổ cho nhà nghèo là có tính xấu. Người ta sẵn lòng đổ hàng trăm tội lên đầu kẻ nghèo.

Nói đến đây, anh Nong nhìn mọi người. Đã có những tiếng thở dài khẽ. Người ta cất điệu vào xó cửa, để tránh tiếng rít ồn ào, và lắng tai nghe.

- Các ông các bà đã được học tập thì tôi xin hỏi hạng người nào xấu có nhiều tội nhất? Không như chúng ta, vì hoàn cảnh bắt buộc, những thằng địa chủ, thằng nào cũng tự tạo nên tội ác.

Có một tiếng trả lời to:

- Đúng đấy!

Anh Nong tiếp:

- Nhưng ngày ấy, tôi bỏ làng đi, không phải vì xấu hổ, hay sợ tội. Chính là tôi muốn tránh thằng Lại, nó lập tâm hại tôi. Bề ngoài, nó bịa có là muốn trị tội tôi ăn cắp gà. Nhưng sự thực, nó cản trừ tôi, vì sợ tôi tố cáo tội phản động của nó. Nó bắt tôi trước, để nó khỏi vì tôi mà bị bắt, như con Việt gian bẽ xác trẻ con để đi dò la tin tức cho giặc. Chỉ có tôi là biết nó vào hội phản động, lấy tên là hội Bảo hiểm. Hội này giúp thằng bù nhìn Bảo Đại và giặc cướp nước là thằng Pháp, đánh lại Chính phủ mình. Bảo hiểm chỉ là tên nói lóng. Chính mắt tôi thấy họp ở nhà nó, những thằng chánh Chép, thằng lý Phình, thằng tiên chỉ Chi, thằng cha Quảng, thằng phó hội Tính, và còn nhiều

thằng nhà giàu ở vùng này. Chính nó đã rủ tôi vào hội, cho tôi xem điều lệ, nói rằng vào thì được giàu sang. Nhưng tôi yêu cụ Hồ, yêu Chính phủ, không đời nào tôi phản quốc. Tôi nghèo, nhưng tôi không chịu nhục làm Việt gian. Lỡ ra mà thằng Pháp lên đây, bọn chúng nó làm tay sai cho giặc thì liệu làng ta có được như thế này không? Chúng ta có được như thế này không? Chúng nó đáng băm vằm mổ xẻ!

Anh giơ nắm tay cầm thù lên cao. Tất cả ngàn ấy con mắt nhìn theo, tức giận.

- Tôi đi lang thang từ ngày ấy đến giờ, chịu đựng biết bao nhiêu khổ cực. Tôi mong một ngày về làng để trả thù nó. Gia đình tôi bị chúng nó đầy đọa mấy đời rồi. Trong chúng ta đây, có ai được chúng nó đối xử tử tế không? Không. Chúng nó có tình nghĩa với ai? Chúng ta bị chà đạp, không thể nào ngóc đầu ngóc cổ lên được, là vì còn chúng nó.

Tiếng thở dài, tiếng chép miệng. Năm sáu người gục đầu lên gối, ngồi ủ rũ buồn.

- Tôi về đến làng thì thằng Lại biết. Nhưng vì nó mất uy thế chính trị rồi, nên nó không làm gì nổi tôi. Muốn tôi mất tín nhiệm, phải bỏ làng đi lần nữa, dùng ra đây tố giác tội ác nó, nên nó bày những mưu kế thâm độc để hại tôi. Nó xua gà vịt chạy tán loạn và kêu là có trộm. Để làm gì? Để cả làng cho là có tôi về thì không được yên. Ai nấy phải ở nhà coi nhà. Buổi họp tố khổ sẽ kém đông. Tôi không rõ ai cắt dây điện thoại, nhưng tôi biết đích là chính thằng Lại lấy ba lô của anh bộ đội. Nó làm thế, để các ông các bà nghi ngờ cho tôi, để chúng ta nghi ngờ lẫn nhau, để bộ đội nghi ngờ nông dân chúng ta. Sở dĩ tôi dám quả quyết là nó lấy, vì tôi đã điều tra, bắt được cái ba lô quăng ở góc vườn nhà nó. Và trưa hôm nay, tôi thấy ở sân nhà nó có phơi một bộ quần áo ka ki.

Tất cả mọi người nhìn anh Nong, như nhìn một người đương kể chuyện quái gở. Rồi lại gục đầu vào gối. Có người ngả đầu vào vách. Có người kê đầu vào nhau. Ai cũng nghe cho thấm thía. Anh Nong ngồi xuống, nói tiếp:

- Từ hôm tôi đến họp, các ông các bà có thái độ nghi kỵ tôi. Tôi biết. Tôi buồn chán lắm, lại định bỏ làng đi lần nữa. Tôi suýt trúng kế thằng Lại. Nhưng anh cán bộ khuyến khích tôi ở lại, và bảo tôi cứ đi họp và tố khổ để bà con nghe.

Thưa tất cả các ông các bà, tôi nói từ nãy đến giờ, các ông các bà có tin tôi là thành thực không? Trước kia, chúng ta chưa được học tập, tư tưởng chúng ta chưa được phát động, thì chúng ta coi giai cấp địa chủ là giai cấp cao quý, sang trọng. Nhưng chúng nó cao quý, sang trọng, vì chúng nó đã ăn cướp của cao quý, sang trọng của chúng ta. Chúng nó dẫm lên đầu lên cổ chúng ta. Nhưng đến nay thì chúng ta hiểu rằng giai cấp cần lao chúng ta làm ra thóc gạo nuôi sống người. Từ mấy năm nay, nông dân đi bộ đội, đi dân công, đóng thuế nông nghiệp, lại cố tăng sản xuất để giúp kháng chiến chóng thắng lợi. Trái lại, địa chủ thì phản động, làm Việt gian. Chúng nó chỉ mong dựa vào giặc để giữ vững địa vị cường hào, làm hại chúng ta như trước.

Từ ngày Đội về đây, chúng nó cố tình mua chuộc chúng ta. Chúng nó giả nghèo giả khổ để gọi lòng thương của chúng ta. Nhưng có phải chúng nó thực tâm tử tế không? Sao bây giờ chúng nó mới tử tế, và chúng nó tử tế được đến bao giờ. Chúng nó là những đứa quỷ quyết, trước kia áp bức bóc lột chúng ta, nay thất thế, không làm hại nổi chúng ta thì lợi dụng những người trong hàng ngũ chúng ta làm tay sai để chúng ta hại lẫn nhau.

Anh Nong đang nói, bỗng cánh cửa kẹt mở. Mọi người nhìn. Trong bóng tối, hiện ra một người nét mặt phờ phạc.

Người ấy là anh Lọ, một cố nông, ở nhà thằng Lạ. Anh Lọ chạy đến, đứng gần anh Nong. Hình như anh này vừa khóc xong, nên hai mắt còn đỏ hoe. Anh giơ ngón tay trở lên trời:

- Tôi có ý kiến. Anh Nong nói rất đúng. Tôi đứng ngoài kia, tôi nghe thấy hết. Tôi là thằng khốn nạn. Tôi để cho thằng Lạ mua chuộc và nhận làm tay sai cho nó. Chính nó đã xui tôi đi nói xấu anh Nong từ hôm anh ấy về. Chính tôi đã ba tối nay đứng ở sau nhà này để rình và nghe xem những ai tố gì nó, để về ton hót với nó. Bây giờ tôi hiểu rằng anh Nong không lưu manh, thằng Lạ mới là lưu manh. Nông dân không xấu, địa chủ mới xấu. Thằng Lạ xấu, thằng Lạ đểu, nó làm tôi khổ cực không kém anh Nong. Cho nên nghe anh Nong tố khổ, tôi thương anh ấy quá, tôi cứ nao nao trong lòng, tự xét mình, không sung sướng gì hơn anh Nong. Nhiều lúc, tôi muốn chạy vào ôm lấy anh Nong mà khóc. Cho nên tôi phải thú tội, với các ông các bà, với anh Nong, với anh cán bộ, là tôi đã làm tay sai cho địa chủ. Nhưng bây giờ thì tôi xin tố thêm rằng, chính thằng Lạ đã cắt dây điện thoại. Và anh Nong nói đúng, nó đã ăn cắp của anh bộ đội. Nó cho tôi hai thước vải bạt, bảo đừng nói với ai rằng nó cắt dây thép và lấy ba lô.

Có tiếng quát to:

- Quân phản động!

Anh Lọ gật đầu, nói tiếp:

- Trước kia, ở nhà thằng Lạ, tôi bị nó đầy đoạ khổ sở, mà vẫn không nhận ra nó là kẻ thù. Tôi cứ tưởng chỉ có một mình thằng Lạ ác với một mình tôi. Nhưng mấy hôm nay, đứng ngoài nghe, tôi mới thấy rõ là thằng địa chủ nào cũng gian ác, thằng địa chủ ở đâu cũng gian ác, mà nông dân nào cũng khổ, nông dân ở đâu cũng khổ. Giai cấp địa

chủ làm nên những tội to lớn không ngờ được. Tôi nghe các ông các bà kể khổ, tính nợ bóc lột, so sánh đời sống của mình với đời sống địa chủ, truy nguyên nguồn gốc khổ, tôi sức nghĩ đến thân tôi, hơn mười năm nay, tôi giật nảy mình. Thì ra tôi cũng bị nó cướp đến hàng nghìn tạ thóc, mà rút cục đến nay vẫn hai bàn tay trắng. Ấy thế mà tôi vẫn tưởng nó tử tế. Hôm nợ tôi còn cho những lời bà con tố khổ là lời bịa đặt, đổ oan cho thằng Lại. Giả thử chính bản thân tôi không bị nó làm khổ, thì không bao giờ tôi tin những lời tố khổ là thực. Có được nghe tố khổ mới hiểu nhau mà thương nhau. Vậy thì trước mặt các ông các bà, các anh các chị, tôi xin nguyện đứng hẳn về phía giai cấp chúng ta mà đấu tranh với chúng nó. Nhất định tôi không thềm trở lại nhà thằng Lại. Tôi dứt khoát với nó từ đây.

Nói xong anh nắm chặt lấy anh Nong. Cả hai người cùng giơ cao nắm tay và cùng hô: Đả đảo giai cấp địa chủ! Tự nhiên lớp học cũng làm theo. Ngót trăm người vùng đứng dậy, ngót trăm cánh tay cứng rắn đã tạo nên lịch sử, đâm ra tua tua thẳng lên không, để nhấn mạnh thêm ý chí sắt đá của những tiếng đả đảo vang ồn đến năm phút.

CHỊ TRẦN HỌC

Vì phải đi ở ngay từ năm lên sáu, làm lưng vất vả quá sức, nên cha tôi đã xấu xí lại mắc thêm bệnh suyễn và bệnh tê thấp. Cho mãi đến năm bốn mươi năm tuổi, cha tôi mới lấy được vợ. Mẹ tôi lùn và nói ngọng, lại bị bệnh đau bụng kinh niên, nên cũng ế chồng. Sau, hai người cùng ở làm cho thằng địa chủ Ngũ, nên lấy được nhau. Những người ác mồm ác miệng cứ chế là đẹp đôi.

Khi có mang tôi, vì mẹ tôi quặt quẹo luôn, nên không đi ở nữa. Cha tôi lấy số tiền dành dụm được, dựng ngôi nhà nhỏ ở đất của trường làng. Có con xong hai người cùng đi làm thuê để kiếm ăn. Tôi ốm yếu. Lên bảy mà chỉ bằng đứa lên năm. Đáng lẽ vào tuổi tôi thì đã đi ở được, cha mẹ khỏi phải nuôi. Năm ấy, mẹ tôi lại có mang em tôi. Gần đến tháng đẻ, thì vào kỳ thuế. Vì không có tiền nộp, nên cha tôi bị bọn cường hào bắt, đánh đập, cùm kẹp rất đau đớn. Chúng bắt bán ruộng để nộp sưu, nhưng mẹ tôi không bán:

- Giữ được ruộng thì còn sống, bán hết ruộng thì chết đói cả nhà.

Vì vậy mẹ tôi dạm bán tôi cho thằng Đìn, lấy mười hai đồng. Nhưng tôi khóc, nhất định không đến nhà nó. Tôi cho bán tôi thì tôi mất cha mẹ, mà cha mẹ tôi cũng mất tôi. Tôi chỉ bằng lòng đi ở, bán sức trong ít lâu, thì còn có ngày được trở về nhà.

Mẹ tôi đánh tôi, bảo rằng gửi thân vào cửa nhà giàu thì được no ấm suốt đời, mà ngay bây giờ bố được thoát nạn.

Thấy tôi khóc lóc kêu van thăm thiết, thì ông tôi mắng mẹ tôi:

- Năm nay chúng mày thiếu sưu thì còn có nó để bán, nhưng sang năm, cũng thiếu, thì bán ai. Để nó ở nhà thì nó đỡ dần được việc, học làm học ăn, ngày sau trở nên người. Làm con nuôi nhà giàu, được người ta chiều chuộng thì hư, bị người ta đẩy đoạ thì khổ. Nhà ta nghèo, nó chịu đói rét quen rồi. Để con rút ruột ra, mà nỡ thò tay ký văn tự bán nó, thì thà bop mũi cho nó chết từ bé. Tao chết đi, chúng mày muốn bán ai thì bán, nhưng tao còn sống, tao không cho chúng mày bán cháu tao.

Thấy mẹ tôi không bán ruộng, ông tôi không bán cháu, bọn cường hào cho là ương bướng, bắt trói hai người, giải đi khắp làng. Bất đắc dĩ, ông tôi phải bán cái nhà ở, lấy tám đồng.

Năm tôi lên chín, đương đi ở cho thằng bá Khôi, thì một hôm cha tôi gọi tôi về lấy chồng. Vì mẹ tôi ốm nặng, nên cha tôi đã nhận lời cho người ta xin cưới.

Tôi giật nảy mình, chả hiểu đầu đuôi ra làm sao. Nguyên là thấy tôi hiền lành, chăm chỉ, và ngoan ngoãn, con mẹ phó Trát đến hỏi tôi làm lẽ con nó năm ấy bảy tuổi. Nó đưa tiền cho cha tôi, rồi giục cha tôi cho cưới, để mẹ tôi được thêm một khăn trắng. Thằng bé đã có một vợ cả lên sáu, là con gái thằng lý Tía, nhân tình của con mẹ Trát. Con mẹ này hứa với mẹ tôi là không bắt tôi làm lụng gì, ngày ngày chỉ có việc chơi với chồng và vợ cả, để trông cho chúng nó khỏi nghịch dại. Còn công việc đồng áng, thì nó đã dấm một nơi, cuối năm lấy làm lẽ thứ ba cho con nó. Ấy là chị Sót, mười bảy tuổi, con một bản nông, có nợ nó.

Tôi không bằng lòng, nhất định bảo cha tôi trả của. Cha tôi nằn nì với tôi:

- Tao trót nhận tiền may mặc cho mày, để mua cho mẹ mày quần áo lành và cổ vắn, để ngộ có số mệnh nào thì đỡ tủi nhục. Mày nên thương mẹ mày mà về nhà người ta.

Tôi khóc:

- U con đã chết đâu mà thầy làm thế! U con mà chết, thì con ở nhà nuôi em. Con không lấy chồng thế.

Nhưng tôi cưỡng không được. Mẹ tôi gắt tôi. Cha tôi cứ mượn áo quần đẹp, bắt tôi mặc, và đến sáng hôm sau, con mẹ phó Trát cứ cho người đến đón tôi về. Tôi vừa lễ bàn thờ nhà nó, mừng tuổi nó, mừng tuổi con nó, mừng tuổi vợ cả của con nó, vừa nức nở khóc.

Khi tôi bước chân ra khỏi nhà, cha tôi có dặn rằng hễ mẹ tôi quá lắm, có tin gọi, tôi mới được về. Nhưng ngay tối hôm ấy, không thèm nói với ai, tôi cứ việc cấp bị quần áo về nhà.

Cha tôi thấy tôi thì quát mắng âm âm, nhưng tôi chạy ngay đến giường mẹ tôi. Mẹ tôi cũng không bênh tôi. Mẹ tôi nhìn tôi, nhăn mặt, trừng mắt lên một cái, rồi vừa thở dài, vừa từ từ nhắm lại. Thế là mẹ tôi chết.

Sáng hôm sau, cha con chúng tôi đương sửa soạn đưa mẹ tôi ra đồng, thì con mẹ Trát sòng sộc đến. Nó chửi cha tôi và đánh tôi, bảo là hai bố con lập tâm lừa nó. Nó sai người nhà nậy quan tài, vớt xác mẹ tôi ra đất, và lột hết quần áo. Nó đốt ngay quần áo cạnh xác mẹ tôi, và cho khênh quan tài về. Rồi chưa đỡ cơn tức, nó sai đề sấn tôi ra, gọt gáy, bôi vôi tôi. Khi ra cổng, nó còn trợn mắt, dí ngón tay trở vào trán tôi, và nghiến răng:

- Cho sung sướng mà không biết hưởng, đồ ngu như con chó!

Nó làm đơn kiện cha con tôi bội tín.

Nhưng may, hôm sau là ngày Khởi nghĩa. Thấy thanh niên vác cờ đỏ sao vàng, rầm rộ đi biểu tình trong tổng, nên nó sợ, không dám lôi thôi nữa.

*

* *

Tôi biết Cách mạng đem hạnh phúc cho dân nghèo, thì phụ nữ cũng được hưởng hạnh phúc của Cách mạng. Cho nên, hôm chị em rủ tôi lên huyện cướp chính quyền, tôi hăm hở cầm liềm đi ngay.

Từ thuở bé, tôi mới được đến chỗ gọi là công đường của bọn quan lại. Nhà cửa, đồ đạc sao mà sang trọng thế. Thằng quan béo ụt ịt, mặt tròn như cái tráp trâu. Không trách nông dân chúng ta người nào cũng gầy gò, xanh xao, ốm yếu, rách rưới.

Đoàn người biểu tình đuổi thằng huyện đi, lập mít tinh để nói chuyện. Từ thuở bé, tôi mới được nghe những lời lọt tai. Đến lượt một chị phụ nữ đứng lên diễn thuyết. Tự nhiên, tôi thấy nao nao cả người. Chị ấy nói hoạt quá, và hiểu thấu phụ nữ nông dân quá. Người nghe vỗ tay nhiều lần. Lắm lúc thấy chị ấy nói đúng những cảnh khổ của tôi, tôi muốn nhảy lên, ôm chầm lấy chị ấy mà khóc. Chị ấy nói xong, tôi toan chạy lại, hỏi chuyện. Nhưng nhìn lại quần áo, thân hình tôi, tôi không dám nữa. Tôi tủi thân, tôi nghĩ:

"Sao người ta cũng là phụ nữ, mình cũng là phụ nữ, mà người ta thì thế, mình thì thế".

Đêm hôm ấy, tôi luẩn quẩn mãi, không ngủ được. Tôi thấy nhiều phụ nữ nông dân còn khổ hơn người nông dân nam giới nhiều. Làm thế nào cho khỏi khổ với những bọn con Trát, thằng Tía, thằng Khôi và còn biết bao nhiêu thằng giàu khác? Cách mạng đem hạnh phúc, thì đem

bằng cách nào? Tôi đã hơi hiểu thế nào là bình quyền. Trong cuộc mít tinh, trai gái đứng lẫn lộn. Lại có chị phụ nữ nói. Các anh ấy gọi chúng tôi là các chị. Nhưng bọn chúng tôi nghèo đói, lại dốt nát, nghe diễn thuyết, có câu hiểu, có câu không, thì làm thế nào để hưởng được công ơn của Cách mạng. Sau, tôi nghĩ ra, là trước hết phải học. Muốn học, phải biết đọc biết viết. Có khôn mới tự giải phóng được mình.

Tôi quyết tâm học tập.

*

* *

Xong ba ngày mẹ tôi, tôi về nhà thằng bá Khôi. Nhưng nó đuổi, bảo tôi là đồ dī.

Rồi không một thằng địa chủ nào nuôi tôi nữa, nói rằng sợ mất lòng con Trát.

Tôi đành đi kiếm củi, mò cua, bắt ốc, và đào củi mài củ sắn để nuôi thân. Vì phải đi kiếm ăn suốt ngày, không thể nào tôi theo được lớp Bình dân học vụ xã mới mở.

Một lần, tôi xin được một quyển sách in cũ. Tôi mở ra, nhìn những dòng chữ, tôi thấy sướng mắt quá. Nhưng không biết nó là những chữ gì. Tôi hỏi anh Tín những con số đánh thứ tự trang giấy, anh bảo tôi con nào là số một, con nào là số hai, cho đến số mười. Tôi thích lắm, ngắm nghĩa mãi, thấy nó giản dị, dễ nhớ quá. Ngày nào tôi cũng mở từng tờ, vạch que xương đất để tập viết. Khi thuộc mười số đầu, thì từ số mười một trở đi, tôi đoán lấy. Sách chỉ có 78 trang, nhưng tôi có thể viết được đến số 99! Số 100 tôi không biết, phải đi hỏi.

Học được chữ số, tôi sung sướng quá. Tôi viết cả ngày. Nhưng làm thế nào để đọc được. Thấy chị em học đông học tây, người nào cũng biết đánh vần lờm bờm rồi, tôi sang

sốt ruột. Tôi thuộc lòng những câu: *i tờ có móc cả hai, ở tròn như quả trứng gà*. Tôi tìm trong sách, cũng nhận ra được, nhưng không biết những chữ ấy dùng để làm gì. Vì tôi thuộc Kiều, nên cố xin được quyển ấy. Tôi đem về để học mò. Tôi đếm thấy dòng đầu tiên có sáu chữ, dòng thứ hai có tám chữ, tôi đoán là câu *Trăm năm trong cõi người ta, chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*. Tôi nhận từng chữ như vậy, và tập viết cả khối như thế. Nhưng khi hỏi, thì người ta bảo không phải chữ *manh* mà là chữ *mệnh*, không phải chữ *ghét* mà là chữ *cột*. Tôi thất mắc.

Thấy rằng học để thuộc từng chữ thế này, thì khó quá, không thể nhớ hết được. Mà có nhớ rồi cũng dễ quên. Và lại không biết đến mấy năm mới học hết. Người ta bảo chỉ học có mấy tháng, biết đánh vần, thì chữ nào cũng đọc được. Vì vậy, tôi bỏ lối học này.

Ngày ấy, con mẹ Trát chết. Thằng bá Khôi gọi tôi đến ở. Tôi thấy rằng nên cố chịu đựng khổ sở một thời gian ở nhà nó, thì có cơm ăn và có thì giờ để học. Tôi đưa điều kiện với nó, là phải cho tôi đi lớp Bình dân. Nó đưa điều kiện lại, là nếu như vậy chỉ nuôi cơm không, chứ không trả công. Tôi bằng lòng.

Mấy hôm đầu, tôi xin nó cho ăn một bữa cơm, một bữa sắn. Chỗ gạo đánh được, thì nó trả tôi bằng tiền, để mua vở tập viết. Nó đưa tôi hai mươi đồng (trinh). Tôi ra chợ mặc cả mua, chỉ mất mười tám đồng một cuốn vở bìa đỏ. Tôi sướng quá, mở từng tờ giấy trắng tinh ra ngắm. Nhưng vì giấy trắng quá, nên tôi tiếc, không dám dùng.

Đến bây giờ sách ấy vẫn còn nguyên.

Thằng Khôi không cho tôi đi lớp. Nó bảo ở nhà nó dạy cho. Tôi chờ mãi nhưng trưa ngày mùng nhất, thấy tông gia

lắm, nó âm ừ, hện lặn, nên tôi nhất định xin thôi. Nó nhieć:

- Hạng chúng mày thì học làm gì cho nó tốn cơm. Nếu cốt kiếm dăm ba chữ để gửi thư chim trai, đồng chí với đồng choé, thì tao viết cho, cần gì phải ra lớp. Rời khỏi nhà này để đi ăn mày à?

Thấy nó phản động ra mặt, tôi cương quyết bỏ nó, đến ở nhà thằng chánh Côn.

Thằng này hứa cho tôi học, nhưng không tán thành cho tôi ra lớp, xem ý thì nó sợ đến chỗ đông, tôi dễ chuyện trò với trai, mất thì giờ của nó. Chỗ đông người lại là chỗ lắm chuyện, rồi xui nhau, đây tớ bướng bỉnh với chủ nhà. Lớp bình dân không những là nơi học chữ, mà là nơi dạy nhiều điều khác, có hại cho quyền lợi chúng nó. Cho nên nó bảo:

- Mày cứ ở nhà, con Hoè nó dạy cho.

Con Hoè là con nó, lên bảy tuổi, mới vỡ lòng ở lớp năm trường tiểu học làng.

Tôi cho như vậy cũng được, miễn là được học. Không học thì thiệt. Vả con Hoè phí phá, viết rất tốn giấy. Tôi sẽ lấy giấy vớt đi của nó để dùng đỡ phải mất tiền mua.

Con Hoè học đến vần bằng rồi. Nó bắt đầu dạy tôi a, b, c. Nhưng nó mãi chơi quá. Ngày nào cũng vậy, nó bảo được mấy phút, thì nó đã chạy mất. Học chữ nào, tôi cặm cùi viết chữ ấy. Viết trái cựa cũng được, miễn là nhớ mặt chữ. Tôi học viết toàn chữ in. Tôi ôn lại chữ số, tôi đã viết được đến hàng 1000.

Tôi nhặt những giấy của con Hoè vớt đi. Tờ nào trắng thì để dành, tờ nào rách thì dùng ngay. Thấy nó có cái bảng đen con, viết bằng phấn, có thể tiết kiệm được giấy, tôi mượn nó và viết bằng vôi. Nhưng vì vôi rửa khó sạch, nên nó khóc bắt đền. Mẹ nó nghe tiếng, chửi tôi:

- Thứ bậc mày thì làm gì mà phải học để làm hại con bà như thế.

Tôi đáp:

- Nước độc lập, người dân nào cũng cần học, cho nên Chính phủ mới lập Bình dân học vụ.

Nó dài mồm ra, nói:

- Phải học để vào phụ nữ mà làm đi!

Tôi viết tốn quá, nên chẳng bao lâu phải dùng đến giấy trắng để dành. Khi hết giấy trắng, tôi xin vở cũ của con Hoè, viết vào những chỗ chen dòng.

Bất cứ lúc nào rồi, là tôi tập viết. Vợ chồng thằng chánh Cồn thấy mất thì giờ, thì cấm tôi học ngoài buổi trưa. Nó nghi tôi ăn cắp để mua giấy nên cấm tôi lấy bút và mực của con nó.

Con Hoè chưa học hết vần bằng, thì tôi đã biết tất cả vần bằng. Bởi vì tôi thấy vần nào cũng chỉ có một chữ cái chấp lại, đọc giống nhau. Cho nên không phải học. Vì vậy, tôi phải đợi nó, mới học đến vần trắc.

Vì viết luôn, tốn nhiều giấy, nên tôi nghĩ ra cách lấy giấy viết rồi, ngâm nước sôi, rồi đem phơi. Chữ phai đi, giấy lại trắng.

Một hôm, đi kiếm củi, tôi ngồi nghỉ ở cạnh một gốc khế. Vì khát, tôi lấy một quả để ăn. Tôi thấy có cây mua, tôi bứt một quả, bóp nát ra tay. Màu quả mua hoà với nước khế nổi lên một màu xanh đặc rất đẹp. Tôi mừng quá. Tôi vót tre, làm bút. Thế là tôi đủ cả giấy lẫn mực. Mực màu đẹp như màu mực bút máy. Tôi phổ biến lối này cho nhiều cán bộ ở vùng tôi thiếu tiền mua mực.

Nhưng giấy ít, nên hết ngay. Tôi bèn lấy nõn chuối phơi ra sương, ép cho phẳng, để viết. Tôi lấy nhiều quá. Con mẹ chánh Cồn biết, chửi tôi là phá nhà nó, và cấm tôi học.

Nhưng không sức nào cấm nổi, vì tôi ham học lắm. Tôi không lấy nỡ chuối nữa, xin nó cho lá chuối già. Nó không cho, nhưng tôi cứ lấy. Lá có gân nổi lên như những dòng kẻ sẵn, viết bằng que, lại đỡ tốn mực. Nhưng chẳng bao lâu, ở vườn, cây chuối nào cũng tả tơi. Con mẹ Cồn lại cấm tôi lấy lá chuối. Tôi nghĩ chuối này chẳng phải tay nó trồng, nên tôi có quyền dùng. Nó chửi là lấy trộm, đánh tôi một trận rất đau.

Khi con Hoè học sang vần trắc, thì tôi được học vần trắc. Trong khi chờ nó, tôi đã hướng dẫn được chị Bảng, cùng ở nhà chánh Cồn, học gần hết chữ cái. Chị cầm bút tay trái, tôi tập cho chị ấy viết tay phải.

Chị Bảng cũng chăm học và chóng biết, nên tôi rất nhẹ mình. Lúc rồi, hai chị em đổ chữ với nhau cho khỏi quên.

Vần trắc học khó hơn vần bằng, cho nên tôi nào cũng vậy, trước khi đi ngủ, tôi lấy ngón tay viết ôn lại lên trên bụng.

Hai chúng tôi không có lá chuối nữa, thì lấy que vạch ra đất. Nhưng con mẹ chánh Cồn chửi là rác nhà. Thấy vợ chồng nó tìm hết cách để cấm đoán chúng tôi học tập, tôi bực mình quá. Một hôm, phải mắng, tôi ăn cơm xong, ngâm tằm, rót bát nước để trên tấm phan, rồi đi nằm. Tôi buồn, lấy cái tằm, chấm vào nước, gạch trên mặt gỗ. Tôi sưng quá, nhóm chôm dầy, gọi chị Bảng:

- Nay câu a, mình có cách viết thế này không tốn kềm, không rác nhà. Tha hồ học.

Tôi học vần trắc nhanh hơn con Hoè, vì tôi biết rút kinh nghiệm. Tôi chấp từng chữ, ví dụ o, a, em, rồi đọc nhanh lên thì thấy là tiếng oam. Đến những chữ khó như chữ *uyên, iêm* v.v., tôi mới phải mang sách đi hỏi.

Thế là tôi biết đọc trước con Hoè hai tháng. Nhưng tôi viết toàn chữ hoa in.

*

* *

Chính phủ mở lớp Chính trị để đào tạo cán bộ Huyện. Tôi vay tiền vợ chồng thằng chánh Cồn để đi dự, nói rằng rôi ở bù. Nhưng nó không nghe. Thế là tôi không ở với nó nữa. Chị gái chị Bằng biết nghề đan len. Tôi nhờ chị ấy dạy, và vừa học vừa đan thuê.

Tôi theo lớp, mà tư tưởng không tập trung. Khi anh cán bộ giảng bài, có khi tay tôi đan, mà mắt lại đánh vắn quyển sách vừa mượn được. Cho nên đến lúc thảo luận, tôi cứ ngồi im. Tôi không hiểu thì ít, nhưng ngượng thì nhiều. Từ thuở bé tôi chưa quen nói trước nhiều người bao giờ. Anh em trong tổ khuyến khích tôi. Tôi vẫn cứ ít phát biểu. Nhưng một hôm, nói cảnh khổ của bản thân và thảo luận về quyền lợi của giai cấp cần lao, thì tự nhiên tôi tranh luận rất hăng. Cả tổ ngạc nhiên. Nhưng khi đến vấn đề khác, thì tôi lại ngồi im như trước. Anh em phê bình, tôi hứa sửa chữa, nhưng cố gắng mãi mà không được.

Một hôm, anh cán bộ nhìn thấy tôi toàn viết chữ hoa in. Anh dạy tôi viết lối chữ thường. Thành thử, tôi mãi mê tập, lại không chú ý nghe giảng.

Lớp học sau mười lăm hôm thì mãn khoá. Vì tôi không tiến bộ, nên chỉ được đi tập sự, giúp một chị cán bộ cũ, công tác ở xã.

Tôi nói với chị ấy:

Em mới trình đô thoát nạn mù chữ, thì em biết giúp chị cái gì. Em đề nghị với chị cho em một thời gian để học thêm, được đọc thông viết thạo.

Chị ấy cười.

Thành thử cả ngày tôi mặc kệ chị ấy làm việc. Tôi chỉ biết gánh nước, kiếm củi, đi chợ và thổi cơm. Ngoài ra, thì

hỏi chị ấy tính cộng, tính trừ, và học cửu chương. Một hôm, chị ấy đi vắng, bảo tôi thay một buổi. Tôi lo quá.

Buổi họp hôm ấy, tôi vừa nói vừa run. Tôi nghĩ: "Làm cán bộ khó hơn đi cày, thì thà cho tôi đi cày còn hơn bắt tôi phải nói".

Chị cán bộ về, tôi trình bày cảm tưởng của tôi. Chị ấy bảo:

- Ăn của nhân dân, thì phải tính sao, chứ không tập nói quen, thì làm cán bộ thế nào được.

Tôi nghe chị ấy nói tiếng "tính" mà lo. Vì tôi hiểu rằng không làm nổi thì phải tính tiền cơm trả nhân dân. Tôi nghĩ:

"Thà đi ở như trước, thì nhân dân khỏi đòi tiền. Bây giờ lấy gì mà trả".

Hôm sau tôi xin về. Chị cán bộ biết tôi hiểu lầm, thì cười. Chị nắm tay tôi, thân mật nói:

- Em đừng thoái chí. Cách mạng lồi chúng ta ra ngoài ánh sáng. Chúng ta phải cố vươn mình mà vùng lên. Phụ nữ chúng ta không ươn hèn đâu, có điều là chịu khổ cực lâu đời, nên những khả năng không nảy nở được. Đời em rất khổ, nên dễ có tương lai. Muốn tránh khổ, em đã tự học để biết chữ, lại biết học nghề để tự lực cánh sinh. Không lẽ em lại tranh đấu nửa vời mà không chịu đi tới đích. Chúng ta phải làm sao cho phụ nữ chúng ta được giải phóng. Em nên cố gắng phục vụ nhân dân, học hỏi nhân dân. Có cố gắng, tự khắc em thấy tiến bộ và vui vẻ.

Lời khuyên bảo ấy làm tôi suy nghĩ. Tôi thấy nó đúng mãi mãi. Từ đó, bất cứ gặp trường hợp khó khăn nào, tôi cũng nhớ câu ấy, tôi ôn lại đời khổ cũ, và ngẫm đời dễ chịu hiện tại, để thấy khổ vì đâu, dễ chịu vì đâu.

Đến nay, tôi được thế này, tôi thấy công ơn của Cách mạng với giai cấp cần lao thật như trời, như bể...

PHẤN KHỞI

Trên đường về Thủ đô, tôi tạt vào xã C. G. mà tôi vừa công tác phát động cải cách ruộng đất. Tôi hăm hở đến nhà rẽ của tôi là chị Thê. Lòng tôi hồi hộp. Hẳn chị Thê cũng phải sửng sốt, khi gặp tôi.

Nhưng đến sân, tôi không thấy một tiếng động. Tôi gọi. Không ai trả lời. Con chó khoang nằm ngủ ở hè, hé mắt nhìn tôi, rồi vừa nhắm lại, vừa ngoe nguẩy đuôi.

Tôi vào trong nhà, đặt ba lô trên chõng. Không có gì khác lạ ở trong gian nhà ụp sụp này, trừ cái ảnh Hồ Chủ tịch mới nguyên, đóng bằng khung tre, ở giữa nhà. Ảnh treo thấp quá, và hơi lệch. Tôi chữa lại cho cao lên và ngay ngắn hơn.

Tôi ra giếng rửa chân tay, thì nghe thấy tiếng chị Vít, hàng xóm. Tôi hỏi thăm chị ấy. Anh ấy đi họp du kích. Chị ấy nói chuyện là chị Thê đi dân công từ nửa tháng nay. Bà Thê thì từ ngày Đội rút, không ngày nào là không chống gậy, mò mẫm đi chơi khắp nhà bà con trong làng. Có hôm đến sẩm tối mới về.

Lúc ấy có lẽ hơn năm giờ chiều rồi. Bụng tôi đã thấy đói. Tôi vào nhà lấy gạo, thổi sắn cơm, để đợi bà Thê. Ngót bốn tháng ba cùng với gia đình này, tôi không là khách lạ nữa.

*

* *

Bà Thêm năm nay hơn năm mươi tuổi. Bà ấy mù. Có mỗi một con trai, là anh Thêm. Trong phát động giảm tô, hồi tháng 9-53, anh được bắt rế. Anh xâu chuỗi chị Nhú, cũng là cố nông. Hai anh chị hiểu nhau trong đau khổ và đấu tranh. Rồi lấy nhau. Anh Thêm được có người ở nhà trông nom cho mẹ, nên xung phong đi bộ đội. Thế là gia đình có thêm một người nữa là ba. Nhưng cũng vẫn là có hai. Và tuy có ba người, mà lúc nào cũng chỉ vền vện có mỗi một người có đôi mắt sáng. Vì, tôi nhắc lại, anh Thêm đi bộ đội vắng, bà Thêm mù đã hơn ba chục năm nay.

Hơn ba chục năm về trước, hai vợ chồng bà Thêm làm tá điền cho thàng chánh Tứ trong làng. Thàng này có hơn bốn mươi mẫu ruộng cho phát canh. Nó còn có ba mươi hai con, vừa trâu vừa bò, bắt tá điền phải chia nhau nuôi cung phụng. Nuôi vào chuồng nhà mình, nhưng cứt thì phải nộp cho nó, đủ mỗi ngày mỗi con bốn bãi. Nó lại nhận của thàng tri huyện huyện nó mười bảy con dê của thàng chánh Sứ, vì miền này có đôi cỏ tốt. Thàng tri huyện xin thàng Chánh Sứ cho nuôi hộ dê. Thàng chánh Tứ nhận chăn giúp và bắt tá điền phải trông nom. Thế là thàng tri huyện lập công với thàng Chánh Sứ, thàng chánh Tứ lập công với thàng tri huyện. Rút cục anh em nông dân khổ giầy phải làm công không cho thàng phong kiến bỏ đỡ thàng đế quốc bụng phệ.

Ông Thêm phải nuôi cho thàng chánh Tứ bốn con trâu bò và hai con dê.

Một hôm có một con dê, không hiểu bị con gì cắn, xây thịt ở chân trước bên phải. Ông Thêm không biết. Nhưng thàng chánh Tứ biết. Nó gọi ông đến, chửi mắng. Ông cãi. Nó cầm ba toong vục ông một cái chảy máu đầu. Nó giao hẹn ông phải rửa ráy chỗ chân dê cho sạch, và kiếm lá rịt cho khỏi. Không khỏi thì ốm đòn.

Ông Thêm bị đánh, đầu ê ẩm, rồi phát sốt. Bà Thêm lo lắng cho vết thương của dê hơn là của chồng. Nhưng hỏi thăm, không biết thứ lá gì để lấy làm thuốc được. Lại còn phải chạy gạo ăn, nên bà quên bẵng việc rửa ráy chỗ chân dê. Ba hôm sau, đầu ông chưa khỏi mà chân dê cũng chưa khỏi. Thằng chánh Tú đến thăm dê, thấy vết đau loét to, bần hơn, và có dòi. Thế là nó nổi trận lôi đình.

Nó hét gọi ông Thêm đến chỗ buộc con dê bị thương. Ông đương ốm không đi được. Nó bắt người lôi ông đến. Ông vừa ôm đầu, vừa rên, vừa đi.

Nhìn ông, hai mắt nó long lên. Nó vớ cái cán cuốc, trở vào chân dê, bắt ông cúi xuống, nhìn cho rõ con dòi. Nó nghiến răng hỏi:

- Mà mày có biết dê này là bố mày xin ông mày, ông mày xin cụ mày mới được nuôi không, mà mày dám liều thế? Mày muốn hại công danh chúng tao à?

Nó trối ông vào gốc cây. Một tay cầm cán cuốc dọa đánh, một tay cầm hai cái que con. Nó gắp con dòi, bắt ông há ra, để nó đút vào mồm. Ông không chịu. Nó cũng không chịu. Thế là nó vụt. Nó vụt lia lia. Vào đít. Vào hai cánh tay giờ lên đỡ đầu. Và cả vào đầu. Nó bảo không nuốt nổi con dòi thì nó đánh chết. Ông Thêm chưa chết. Chưa chết, nó còn vụt.

Bà Thêm đứng nhìn, run bần người lên. Mỗi cái cán cuốc giáng xuống, thì người bà thấy đánh thốt một cái. Y như chính bà bị đòn.

Bà khóc lóc, van lạy. Nhưng không chuyển. Sức nghĩ là mình có mang, thì cứ xông bừa vào ôm lấy chồng, chắc nó không nỡ vụt vào người đàn bà chứa. Nhưng mặc kệ. Bà càng lẩn xả, nó càng đánh. Đánh cho mất thói bệnh chồng, trọng người hơn vật. Cái cán cuốc đầu tiên giáng vào đầu

bà. Bà quay lơ ra đất. Cái cán cuốc thứ hai phang ngang đôi mắt. Máu chảy đầm đìa.

Còn chưa hả giận, đánh xong, thằng chánh Tứ xát muối ớt vào những vết thương của hai vợ chồng và gang miệng ông ra, nhét cho được con dòi vào, nó mới nghe. Ông ọe không được, phải nhắm mắt để nuốt.

Từ đó bà Thêm mù. Và ông Thêm vừa tởm vừa đau, vừa uất, ông phát điên. Lúc ông cười. Lúc ông khóc. Lúc ông nôn ọe. Lúc ông quát tháo, phá phách chạy lung tung.

Một hôm người ta báo tin cho bà biết là chồng bà đi lang thang ra ngoài đường cái đá, bị ô tô Tây đè chết tươi rồi.

Vào cảnh này, giá là người khác, thì bà cũng có thể phát điên và liều chết được. Nhưng bà Thêm không phát điên và không liều chết. Bà còn có cái thai trong bụng, sắp đến ngày sinh nở. Đứa con ấy là của cả chồng bà. May sau này trời chúng sống cho làm người, thì nó hương khói cho bố nó. Bà nghĩ thế. Bà nén lòng. Rồi bà đẻ được đứa con trai. Tức là anh Thêm bây giờ.

Qua sáu năm goá bụa đầu tiên, bà đan rổ, đan rá để kiếm ăn. Mấy tháng mới đẻ, bà bế con đi ăn mày. Cái bị, cái gậy, bà thất thểu đi khắp đó đây. Rồi lại đan rổ, đan rá. Rồi lại ăn mày. Đến ngày bà sờ soạng thấy đầu con đã cao tới thắt lưng, thì bà cho đi ở. Cho đến năm ngoái, anh Thêm mới ra thoát nhà địa chủ. Từ đó, hàng ngày, anh mới không phải chửi đánh, và được ăn toàn bữa bằng cơm nóng.

*

* *

Nghe tin tôi đến, bà Thêm vội vàng về. Đầu gậy bà mò đường, chọc cuống queo trên mặt đất. Tôi đón bà vào nhà.

Bà mừng rỡ, sờ lên lưng áo tôi xem còn nhiều mồ hôi không. Rồi cười khanh khách, và nói:

- Từ ngày Đội rút đi, chả hôm nào em ở nhà. Em đi chơi khắp làng.

- Mắt bà thế thì phải có người dắt chú?

- Em đi một mình. Đường nào, nhà ai, em cũng thuộc. Trước kia, em vẫn đi. Nhưng từ ngày kháng chiến, sợ máy bay đến, em chạy không kịp, nên thằng Thêm nó bắt em ở nhà. Thằng địa chủ làm em khổ vì đói rách, lại thằng đế quốc làm em khổ vì bị tù cãng bảy tám năm nay. Bây giờ Hoà bình rồi. Chả ai giữ nổi em nữa. Em đi để xem trẻ con nó lớn bằng ngần nào rồi. Máy lại, đi để nghe ngóng tình hình chú. Trước khi lên đường, anh chả căn dặn bốn tiếng *Cảnh giác và Đoàn kết* là gì?

Nói đến đây, bà Thêm cố mở rộng đôi mí để nhìn tôi. Bà không thấy tôi. Nhưng đôi lòng trắng của mắt bà nó nhắc tôi nhớ ngay được cả cái đời đau khổ của bà. Bà nói tiếp:

- Anh ạ, con bé nhà này đi dân công nửa tháng nay rồi. Không tranh đấu ra trò thì nó phải ở nhà đấy. Các anh lấy lý do là nó ở ban Chấp hành Nông hội với Thanh niên thì bận việc. Nhưng em phản đối. Sao anh Thanh có chân trong Đảng, lại là phó chủ tịch Uỷ ban, cũng được bình nghị đi. Em nắm đúng thắc mắc các anh ấy, là ái ngại cho em là tàng tật, không muốn để em ở nhà một mình. Nhưng trước kia kháng chiến khác, bây giờ hoà bình khác. Vắng nó nửa tháng nay, em có làm sao đâu. Nó là thanh niên phải kiến thiết cho hoà bình.

- Thế ý kiến chị Thêm về việc đi dân công thế nào?

- Nó không được đi nó khóc mãi. Vì sợ bị lạc hậu, anh ạ. Đi thì vui, thì tiến. Thật thế, ơn Cụ, ơn Đảng, ơn Chính phủ, nông dân mới được ăn được nói, mở mày mở mặt,

đánh đổ địa chủ và đế quốc để làm chủ nông thôn và đất nước như ngày nay.

- Từ ngày chúng tôi rút đi, xóm làng còn ai thắc mắc gì không?

- Có thắc mắc gì thì cũng dễ giải quyết thôi.

- Thế còn bà?

- Thì em đã bảo dễ giải quyết mà? Riêng em thì em phấn khởi lắm.

- Bà phấn khởi thế nào?

Bà Thêm móc ở thắt lưng, lấy miếng trầu, đút vào mồm, rồi đáp:

- Bấy giờ xã nhà cải cách ruộng đất rồi, em được chia ngót hai mẫu, lại được riêng một con trâu, và có đủ cày, bừa, dao, cuốc. Thế là cái ước mong khó khăn nhất của em mấy chục năm nay, tưởng như không bao giờ đạt được, thì bây giờ cụ Hồ, Đảng và Chính phủ giải quyết hộ rồi. Bố cháu xưa kia chết về tay thằng chánh Tứ. Chúng em nghèo khổ, không phải tại số, không phải tại mồ mả, không phải tại trời, mà chính là tại giai cấp địa chủ. Em được học tập, em đã hiểu rõ. Em thâm thù địa chủ, không bao giờ quên. Đây này, em còn nhớ rõ bố cháu phải trói thế nào, thằng chánh Tứ đứng ở chỗ nào, nó đánh thế nào, mặt mũi nó hung tợn thế nào, bố cháu kêu rên quần quại thế nào. Em nhìn thấy cảnh cuối cùng ấy, rồi em bị mù liền, cho nên em nhớ như chôn vào ruột. Em không được trông thấy mặt chồng trước khi chết, nhưng em chắc rằng cũng kêu rên quần quại và nhăn nhó như lúc bị thằng chánh Tứ nó đánh bắt nuốt dòi.

Bà chộp mấy cái, lặng đi một lát, rồi tiếp:

- Cái thằng tri huyện nó nịnh hót thằng Công sứ, cái thằng chánh tổng nịnh hót thằng tri huyện, làm em goá

bụa, long đong ba mươi năm nay. Em quên sao được câu nó quát: "Mày có biết dê này là bố mày xin ông mày, ông mày xin cụ mày mới được nuôi không, mà mày dám liều thế?" Thì ra thằng dưới nịnh thằng trên, thằng trên nịnh thằng trên nữa, và thằng trên đục thằng dưới, thằng dưới đục thằng dưới nữa, rút cục, bao nhiêu tai vạ đổ cả lên đầu lên cổ nông dân chúng em phải chịu. Cho nên, em ngẫm câu các anh nói, thấy nó đúng quá, là đánh đuổi đế quốc chưa đủ, đánh đổ vua quan chưa đủ, mà phải trừ cho tiệt cái thói địa chủ cường hào ở nông thôn. Bọn địa chủ cường hào này mới là nền tảng của phong kiến. Chúng nó dẻo khoét tàn tệ, không tha từ nải chuối buồng cau, từ năm xu, một hào, cho đến bãi cứt trâu của người nghèo. Có bật được rễ thì cây mới chết được.

Nói đến đây, bà vít miếng trầu đi:

- Bây giờ hoà bình rồi, đế quốc sẽ không còn ở nước ta nữa. Đế quốc là con cọp, địa chủ là bụi lau. Ta đánh cọp, cọp nhẩy núp vào bụi lau. Ta phải phát lau, triệt gốc đi, thì cọp mất chỗ ẩn, ta mới đánh chết được cọp và có đất để tăng gia. Lau chưa thật thết, thì cọp còn mong có chỗ nương tựa. Mình thì không có đất để trồng.

Tôi mỉm cười:

- Bà nhớ lâu những ý kiến đã thảo luận nhỉ!

- Quyền lợi thiết thân mà lì!

- Thế bây giờ chắc những thắc mắc ấy đã được giải quyết, bà hả giận rồi.

- Hả thì có hả, nhưng thù này vẫn để bên lòng. Phải giữ thù bên mới cảnh giác và đoàn kết được. Từ mấy mươi đời nay, nông dân sống cực khổ vì địa chủ, rồi lại bị đế quốc nó áp bức, bóc lột. Nông dân bị một cổ hai tròng.

Nhưng từ năm Khởi nghĩa, đến ngày tháng chín năm ngoài phát động giảm tô, nhất là đến năm nay, cải cách ruộng đất, nông dân được no ấm, được sống hoà bình, được làm chủ nông thôn. Chúng em rất phấn khởi. Thế thì vì đâu mà nông dân giành được quyền lợi? Anh chả luôn luôn nghe chúng em phát biểu là nhờ ơn cụ Hồ, nhờ ơn Đảng, nhờ ơn Chính phủ là gì. Câu ấy em càng nói càng thấy thấm thía. Không có Cụ, không có Đảng, không có Chính phủ, thì đời kiếp nào nông dân chúng em được phấn khởi như ngày nay. Mọi năm, vào tháng này, thì thường mẹ con phải ăn cháo trừ bữa. Nhưng năm nay, thì cái ba sào ở Triền Đâu, tổ đã gặt cho em hôm nọ. Thừa phần cái Thêm đi dân công, không phải ăn ở nhà, em đã trả nốt được món tiền mua chịu ảnh Cụ. Cái sào tám ở Mũ Lếch nghe nói cũng sắp chín rồi. Em định gặt hái xong, thóc thừa ăn, có thể bán đi, sắm cho vợ chồng nó cái màn.

Bà đứng dậy, sờ tay vào nách. Bỗng bà ngạc nhiên:

- Ồ! Đâu rồi?

Tôi hỏi:

- Bà tìm gì?

- Ảnh Cụ đâu rồi?

Bà đưa tay lên cao, nói:

- À, đây. Ai treo lên thế này?

Tôi đáp:

- Tôi đây, treo như trước thấp quá.

Bà cười:

- Thế là anh không hiểu ý em. Thấp thế mới vừa tay. Thế này, anh ạ. Uống nước thì phải nhớ đến nguồn, ơn ai thì phải ghi lòng tạc dạ. Chính phủ thì em biết rồi. Cờ đỏ

sao vàng là Chính phủ. Em không trông thấy cờ đỏ sao vàng, nhưng em đã lần các đường khâu, em cũng biết cờ thế nào, sao thế nào. Đảng, em cũng biết rồi. Anh Thanh, anh Dũng, anh Hoàn, con vợ thằng Thêm, và còn nhiều người lịch sử trong sạch, hăng hái đấu tranh nữa, là Đảng. Duy có một điều trước kia em thắc mắc...

Tôi ngắt lời:

- Bà nói bà phân khởi. Và có những thắc mắc gì cũng dễ giải quyết kia mà?

- Phải rồi, anh để em nói nốt. Điều mà trước kia em thắc mắc, là Chính phủ, em biết rồi, nhưng Cụ Hồ thế nào, thì không tài nào em biết được. Nghe nói Cụ trán cao, mắt sáng, râu dài, nhưng em làm sao thấy được. Công đức Cụ như biển, như non, cả nước được nhờ ơn Cụ, thì cả nước được biết mặt cụ trong ảnh. Không lẽ riêng em mù mắt lại bị thiệt thòi suốt đời. Cho nên em cố mua ảnh Cụ để treo. Em treo thấp, để có ai hỏi Cụ thế nào, thì có thể trả lời ngay được.

- Thế bà nói xem có đúng không nào?

Bà Thêm kiễng chân lên để với. Bà vượt bốn xung quanh cái khung, rồi cười:

- Con người thì có, con mắt thì không! Sợ ảnh treo chỗ lạ tầm tay, em nói không đúng, thì anh cho là không thành kính, anh lại cười. Đây nhé...

Bà đưa ngón tay trở, khoanh quanh mặt Hồ Chủ tịch:

- Đây là mặt Cụ.

Rồi chỉ từng chỗ:

- Đây là tóc, đây là trán, đây là đôi mắt, đây là râu. Có đúng không, anh?

Kể xong, bà cười khanh khách.

Bà nói đúng như người mắt sáng. Tôi cũng cười khanh khách.

Rồi vui vẻ, bà vừa ngồi, vừa nói:

- Con bé nhà này kể ra cũng chịu khó. Nó dạy em mãi mới thuộc được như thế. Từ ngày biết mặt Cụ Hồ, em thấy phấn khởi thêm. Bây giờ có thể nói em là người sung sướng hoàn toàn.